

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn 2016-2021)**

Đồng Nai, tháng 7 - 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Đồng Nai, tháng 7 - 2022



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT KINH TẾ TRÌNH ĐỘ
ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG**
(Kèm theo Quyết định số 56A/QĐ-ĐHCNMD ngày 11 tháng 4 năm 2022).

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Phạm Văn Song	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Bà Vũ Thị Phương Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Ông Nguyễn Năng Quang	Giám đốc Chương trình đào tạo Ngành Luật Kinh tế	Phó Chủ tịch	
4	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Phó Trưởng phòng KT-ĐBCL	Thư ký	
5	Bà Nguyễn Thị Hoài Phương	Thành viên Hội đồng Trường	Thành viên	
6	Ông Lê Thế Vinh	Trưởng phòng ĐTĐH-NCKH-HTQT	Thành viên	
7	Bà Trịnh Thị Thu Cúc	Giám đốc TN-VL	Thành viên	
8	Bà Phan Trần Uyên Phương	Phó Trưởng phòng ĐTĐH-NCKH-HTQT	Thành viên	
9	Ông Trương Công Khoa	Trưởng phòng CSVC-IT	Thành viên	



TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
10	Bà Trịnh Thị Ngọc Thủy	Trưởng phòng KT	Thành viên	
11	Bà Cao Thị Xuân	Sinh viên lớp 18LK1101	Thành viên – Đại diện SV	

Danh sách gồm có 11 người./.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. PHẠM VAN SONG



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	i
Danh mục các chữ viết tắt	1
PHẦN I. KHÁI QUÁT	3
1. Đặt vấn đề	3
2. Tổng quan chung	6
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	12
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	12
Mở đầu	12
Tiêu chí 1.1	12
Tiêu chí 1.2	14
Tiêu chí 1.3	16
Kết luận tiêu chuẩn 1	18
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	19
Mở đầu	19
Tiêu chí 2.1	19
Tiêu chí 2.2	21
Tiêu chí 2.3	22
Kết luận tiêu chuẩn 2	24
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	25
Mở đầu	25
Tiêu chí 3.1	25
Tiêu chí 3.2	27
Tiêu chí 3.3	29
Kết luận tiêu chuẩn 3	32
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	33
Mở đầu	33
Tiêu chí 4.1	33

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chí 4.2	36
Tiêu chí 4.3	39
Kết luận tiêu chuẩn 4	41
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của NH	42
Mở đầu	42
Tiêu chí 5.1	42
Tiêu chí 5.2	45
Tiêu chí 5.3	48
Tiêu chí 5.4	51
Tiêu chí 5.5	54
Kết luận tiêu chuẩn 5	56
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	56
Mở đầu	56
Tiêu chí 6.1	57
Tiêu chí 6.2	59
Tiêu chí 6.3	61
Tiêu chí 6.4	63
Tiêu chí 6.5	66
Tiêu chí 6.6	68
Tiêu chí 6.7	71
Kết luận tiêu chuẩn 6	73
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	73
Mở đầu	74
Tiêu chí 7.1	74
Tiêu chí 7.2	78
Tiêu chí 7.3	80
Tiêu chí 7.4	82
Tiêu chí 7.5	84

NỘI DUNG	Trang
Kết luận tiêu chuẩn 7	87
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ NH	75
Mở đầu	88
Tiêu chí 8.1	88
Tiêu chí 8.2	91
Tiêu chí 8.3	93
Tiêu chí 8.4	97
Tiêu chí 8.5	101
Kết luận tiêu chuẩn 8	104
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	106
Mở đầu	106
Tiêu chí 9.1	106
Tiêu chí 9.2	108
Tiêu chí 9.3	111
Tiêu chí 9.4	112
Tiêu chí 9.5	115
Kết luận tiêu chuẩn 9	117
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	118
Mở đầu	118
Tiêu chí 10.1	119
Tiêu chí 10.2	121
Tiêu chí 10.3	123
Tiêu chí 10.4	126
Tiêu chí 10.5	129
Tiêu chí 10.6	133
Kết luận tiêu chuẩn 10	135
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	136
Mở đầu	136

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chí 11.1	136
Tiêu chí 11.2	140
Tiêu chí 11.3	143
Tiêu chí 11.4	146
Tiêu chí 11.5	149
Kết luận tiêu chuẩn 11	151
PHẦN III. KẾT LUẬN	152
Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy	152
Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT	154
Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo	157
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo	178
PHẦN IV. PHỤ LỤC	182
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu	182
Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo Luật Kinh tế	206
Phụ lục 3. Danh sách Thành viên Hội đồng tự đánh giá	212
Phụ lục 4. Danh mục minh chứng (quyền riêng)	...

DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ đầy đủ	Tên viết tắt
1.	Ban Giám hiệu	BGH
2.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ GD&ĐT
3.	Cán bộ	CB
4.	Câu lạc bộ	CLB
5.	Chuẩn đầu ra	CĐR
6.	Chương trình dạy học	CTDH
7.	Chương trình đào tạo	CTĐT
8.	Công nghệ thông tin	CNTT
9.	Cơ sở giáo dục	CSGD
10.	Cơ sở vật chất	CSVCh
11.	Đề cương chi tiết	ĐCCT
12.	Giảng viên	GV
13.	Giáo dục đại học	GDDH
14.	Học phần	HP
15.	Hội đồng Trường	HĐT
16.	Khảo thí – Đảm bảo chất lượng	KT-ĐBCL
17.	Kinh tế - Luật	KTL
18.	Luật Kinh tế	LKT
19.	Nhà tuyển dụng	NTD
20.	Nhân viên	NV
21.	Nghiên cứu khoa học	NCKH
22.	Người học	NH

STT	Cụm từ đầy đủ	Tên viết tắt
23.	Phòng Đào tạo đại học – Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế.	Phòng ĐTĐH–NCKH–HTQT
24.	Phòng Quản lý Cơ sở vật chất – Công nghệ thông tin và Thư viện	Phòng CSVN-IT
25.	Phương pháp kiểm tra đánh giá	PPKTĐG
26.	Sinh viên	SV
27.	Trường Đại học Công nghệ Miền Đông	MIT

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Trường Đại học Công nghệ Miền Đông (MIT) là một cơ sở giáo dục (CSGD) đa ngành, đa lĩnh vực luôn lấy NH làm trọng tâm, định hướng phát triển thành một đại học thông minh với cơ sở vật chất (CSVCh) trang thiết bị hàng đầu khu vực. Theo triết lý giáo dục "Năng động – Sáng tạo – Lĩnh hội tri thức – Hội nhập – Làm chủ tương lai", MIT không chỉ cung cấp cho Người học (NH) chương trình đào tạo (CTĐT) tiên bộ, chất lượng cao và phù hợp với xu hướng quốc tế mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho NH phát triển tiềm năng cá nhân. MIT chú trọng việc bồi dưỡng cho NH kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, đồng thời đề cao tinh thần tìm tòi, nghiên cứu và học tập ở NH để học tập suốt đời. Điều này sẽ giúp NH cải thiện bản thân, phát triển tiềm năng sáng tạo và kỹ năng hội nhập để thích ứng với sự phát triển của công nghệ trong thời đại mới. Xuất phát từ triết lý giáo dục trên, MIT luôn đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng các CTĐT vừa đáp ứng các quy định của Luật Giáo dục hiện hành, các quy chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) về CTĐT, đáp ứng nhu cầu của NH và mang tính chuyên biệt của MIT.

Chất lượng của CTĐT có vai trò quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của các ngành đào tạo nói chung và ngành Luật Kinh tế (LKT) của MIT nói riêng. Nhận thức rõ điều này, trong những năm qua, Khoa Kinh tế - Luật (trước đây là Khoa Luật Kinh tế) của MIT thường xuyên quan tâm đến chất lượng của CTĐT. Khoa đã và đang áp dụng nhiều giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT ngành LKT nhằm cung cấp những kiến thức thực tế vững chắc và những kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về ngành đào tạo, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, đồng thời trang bị cho NH những kỹ năng cần thiết để NH dễ dàng hội nhập với xã hội sau khi tốt nghiệp.

Nhằm đánh giá thực trạng về đào tạo của Ngành cũng như có cơ sở để điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng của CTĐT, MIT đã tiến hành tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài CTĐT ngành LKT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), theo các công văn hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020, công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/06/2021 và công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành LKT giúp Khoa Kinh tế - Luật (KTL) rà soát, xem xét, đánh giá lại các yếu tố có ảnh hưởng quan trọng đến chất lượng giáo dục như: CTĐT, việc tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá (PPKTĐG) năng lực NH, chất lượng đội ngũ GV (GV), CSVCh và các dịch vụ hỗ trợ NH. Kết quả hoạt động tự đánh giá CTĐT là cơ sở để Khoa đề ra kế hoạch hành động nhằm cải tiến những điểm hạn chế và nâng cao chất lượng đào tạo.

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành LKT gồm 4 phần:

Phần I: Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: (1) Mô tả hiện trạng; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động và (5) Tự đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

Phần III: Kết luận: (1) Tóm tắt điểm mạnh, (2) Tóm tắt điểm tồn tại, (3) Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT và (4) Tổng hợp kết quả tự đánh giá.

Phần IV: Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo các công văn hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020, công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/06/2021, cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành LKT được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của NH; tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ (CB), GV (GV) và đội ngũ nhân viên (NV); tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến NH và hoạt động hỗ trợ NH; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về CSVC và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học (NCKH); tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đạt được của cả CTĐT ngành LKT trong chu kỳ đánh giá.

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef; Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp n > 10 thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên)

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.15: là minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

1.2. Mô tả văn tắt quy trình tự đánh giá

Mục đích tự đánh giá:

Hoạt động tự đánh giá CTĐT được tiến hành theo kế hoạch số 13/KH-ĐHCNMD ngày 23/07/2021 về việc Tự đánh giá CTĐT LKT do Nhà trường ban hành. Hoạt động này được thực hiện nhằm:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo của CTĐT so với Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 do Bộ GD&ĐT ban hành.

- Là cơ sở để Khoa và Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, khắc phục những hạn chế này, từ đó xây dựng lộ trình phát triển cho CTĐT theo hướng vươn tới các chuẩn mực quốc tế.

- Là căn cứ để giải trình với các cơ quan Quản lý Nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của CTĐT, là cơ sở để NH lựa chọn và nhà tuyển dụng (NTD) lao động tuyển chọn nhân lực do MIT đào tạo.

Phạm vi và quy trình tự đánh giá CTĐT

Phạm vi tự đánh giá: Khoa KTL tiến hành hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành LKT được sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu. Nguồn dữ liệu, thông tin, minh chứng trong giao đoạn 05 năm từ 2016 đến năm 2021 được thu thập từ Khoa và do các phòng ban chức năng trong Nhà trường cung cấp.

Quy trình tự đánh giá: hoạt động tự đánh giá CTĐT được Khoa tiến hành từ tháng 07/2021 đến tháng 04/2022. Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước sau:

- *Bước 1:* Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành LKT.
- *Bước 2:* Lập kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành LKT.
- *Bước 3:* Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.
- *Bước 4:* Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được.
- *Bước 5:* Viết báo cáo tự đánh giá.
- *Bước 6:* Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.
- *Bước 7:* Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp và công cụ tự đánh giá:

Việc tự đánh giá CTĐT ngành LKT được thực hiện theo phương pháp tổng hợp, so sánh, đối chiếu.... Trên cơ sở thu thập thông tin, thu thập minh chứng, viết báo cáo

tiêu chuẩn, viết dự thảo báo cáo tổng hợp, duyệt dự thảo báo cáo, lưu giữ minh chứng..., các cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

Công cụ đánh giá:

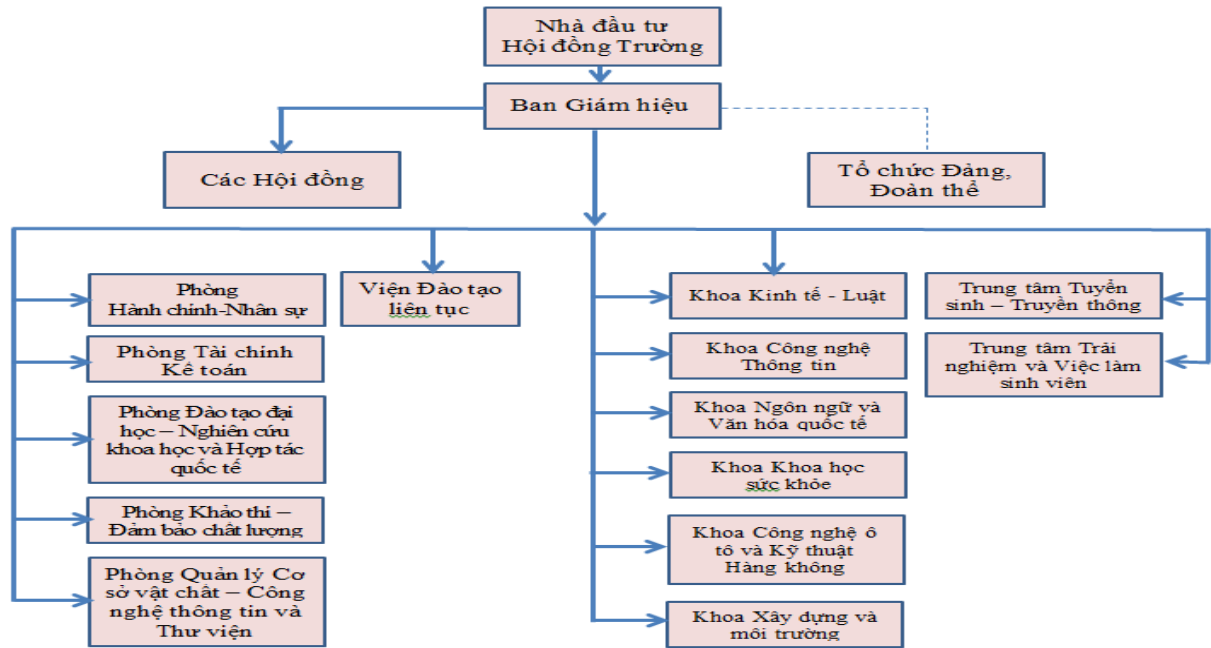
- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục đại học (GDĐH);
- Công văn số 1669/QLGD-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục quản lý chất lượng về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH ban hành kèm theo công văn số 769/QLGD-KĐCLGD;
- Công văn số 2085/QLGD-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.
- Công văn số 774/QLGD-KĐCLGD ngày 10/06/2021 của Cục quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn 2085/QLGD-KĐCLGD.

Thành phần tham gia tự đánh giá CTĐT

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành LKT, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 130/QĐ-ĐHCNMĐ ngày 19/07/2021. Hội đồng tự đánh giá bao gồm Ban Giám hiệu, các cán bộ (CB), GV của Khoa, các CB Phòng/Ban chức năng và Trung tâm trong Nhà trường. Bên cạnh đó GV, sinh viên (SV) đang học tập tại Khoa, cựu NH và đơn vị sử dụng lao động tham gia vào các hoạt động khảo sát về CTĐT, học phần, môi trường học tập và làm việc. Kết quả khảo sát này sẽ là thông tin rất quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá CTĐT. Căn cứ vào các nguồn minh chứng và thông tin thu thập được, Khoa KTL tiến hành các bước tự đánh giá CTĐT ngành LKT theo trình tự đã nêu trên.

2. Tổng quan chung

- Tên trường: Trường Đại học Công nghệ Miền Đông
- Tên viết tắt của Trường: MIT
- Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ GD&ĐT
- Địa chỉ của Trường: khu phố Trần Hưng Đạo, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống nhất, tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại liên hệ: 02513.772.667
- Email:
- Website: <http://www.mit.vn>
- Loại hình trường: Tự thực



Sơ đồ tổ chức Nhà trường

2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Công nghệ Miền Đông

MIT được thành lập ngày 11/11/2013 theo quyết định số 2168/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và đi vào hoạt động theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo số 727/QĐ-BGDĐT ngày 04/03/2014. MIT là trường đại học tư thục, do các cá nhân có nhiều kinh nghiệm quản lý, quản trị trường đại học có tâm huyết với giáo dục đại học thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và đảm bảo kinh phí hoạt động. MIT trở thành thành viên của Tập đoàn Giáo dục Nguyễn Hoàng từ tháng 06/2021.

MIT đặt trụ sở chính tại khu đất có diện tích 24 ha, tại nút giao đường cao tốc Dầu Giây - Long Thành - TP Hồ Chí Minh, thuộc thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; vị trí của Nhà trường rất thuận lợi về giao thông cho CB, GV, SV,...đến trường giảng dạy, học tập và công tác.

Trong suốt quá trình phát triển, Hội đồng Trường (HĐT), Ban Giám hiệu (BGH) Nhà trường luôn tập trung xây dựng, mong muốn phát triển Trường thành Trung tâm văn hóa, khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực trình độ cao cho tỉnh Đồng Nai, các tỉnh Đông Nam Bộ và cả nước. Với mục tiêu không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo, luôn gắn đào tạo với nhu cầu xã hội, doanh nghiệp, phát huy phương pháp tiếp cận năng lực của NH và luôn xác định giáo dục đại học như một loại hình dịch vụ đặc biệt, Nhà trường luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về hệ thống quản trị của một trường đại học tư thục, duy trì tính ổn định, tuân thủ công khai minh bạch và giảm thiểu tối đa các rủi ro khó khăn cho SV, phụ huynh, xã hội, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo khẳng định vị thế thương hiệu của Trường trong địa phương, khu vực Miền Đông Nam bộ và cả nước.

Để phù hợp với xu thế phát triển chung, Trường đã điều chỉnh Sứ mệnh và Tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường, phù hợp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Sứ mệnh của MIT là nơi đào tạo nguồn nhân lực bậc cao có chất lượng, bồi dưỡng NH có kỹ năng, tri thức và tư duy đổi mới, sáng tạo để làm chủ, quản lý, và giải quyết các vấn đề kỹ thuật, công nghệ đáp ứng được yêu cầu của xã hội hiện đại.

Tầm nhìn của MIT là phát triển thành một trường đại học thông minh, đa ngành, đa lĩnh vực, theo định hướng ứng dụng. Trường đặt mục tiêu đến năm 2030, trở thành trường đại học mạnh, dẫn đầu về kỹ thuật - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khu vực phía Nam, được các đối tác trong nước và quốc tế tín nhiệm, được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định giáo dục quốc tế uy tín.

Giá trị cốt lõi:

- Tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp:

NH của Trường có tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. MIT là một tổ chức đổi mới trong thị trường giáo dục. Chúng tôi khuyến khích và hỗ trợ các GV và NH nỗ lực và chấp nhận rủi ro khi đưa tư tưởng của họ ra thị trường.

- Môi trường trải nghiệm tuyệt vời cho NH:

Môi trường trải nghiệm của MIT sẽ giúp các bạn trẻ là NH thực sự trưởng thành ngay trong thời gian học tập tại Trường. Một môi trường với CSVN hiện đại, đạt chuẩn quốc tế, khuôn viên rộng lớn, thanh bình. Môi trường học tập với phương pháp giảng dạy và hướng dẫn trải nghiệm hiện đại với cách tiếp cận AI, làm trước, học sau, đi từ data đến thuật toán. NH sẽ được truyền cảm hứng để khát khao trải nghiệm, chuyển từ “thầy hỏi trò” sang “trò hỏi thầy” là chính. Bên cạnh đó, việc gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, các công ty, các đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội nhằm tăng tính thực hành và trải nghiệm thực tiễn cho NH, kết nối nguồn lực, đổi mới sáng tạo giúp NH khởi nghiệp.

- Môi trường thông minh:

MIT tạo ra một môi trường giảng dạy và học tập thông minh. Môi trường này tạo ra NH có một tinh thần đổi mới sáng tạo cao.

- Tự do và liên chính học thuật:

Trường tôn trọng tự do hàn lâm. Các GV ứng xử theo nguyên tắc liên chính học thuật và tuân thủ các quy tắc nghiên cứu khoa học chuẩn.

Để hiện thực hóa nội dung sứ mệnh và tầm nhìn đến năm 2030 của MIT, Nhà trường đang từng bước đổi mới căn bản công tác tổ chức và quản lý Nhà trường; đẩy mạnh tái cấu trúc, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông trong các hoạt động; tiếp tục tổ chức tốt các hoạt động đào tạo; tổ chức triển khai xây dựng và phát triển CTĐT đại học chính quy tiếp cận CDIO (CDIO là viết tắt của cụm từ tiếng

Anh Conceive - Design - Implement - Operate); phối hợp để các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng tham gia vào quá trình đào tạo; nâng cao chất lượng công tác thực hành, thí nghiệm, thực tập. MIT đang đầu tư mạnh mẽ vào CSVC cùng thiết bị giảng dạy theo tiêu chuẩn quốc tế. MIT sẽ mở rộng diện tích 24 hecta với đầy đủ tiện nghi: Thư viện, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, ký túc xá, nhà thi đấu thể thao, sân bóng đá, ... cùng hệ thống CSVC hiện đại, khuôn viên đẹp, trong lành, môi trường thân thiện, tạo môi trường học tập tốt nhất cho NH và tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp cho đội ngũ CB, GV, NV của Trường.

Khi mới thành lập, MIT chỉ có 5 ngành đào tạo trình độ đại học và cao đẳng. Sau hơn 8 năm trưởng thành, MIT đã có quy mô 11 ngành đào tạo trình độ đại học, trong những năm học tới, ngoài những ngành đã có, MIT sẽ mở thêm các ngành đào tạo mới có tính tiên phong nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Hiện tại, MIT có Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng, 06 Khoa, 01 Viện, 05 Phòng và 02 Trung tâm.

Đội ngũ CB quản lý, GV và NV:

Tổng số CB, GV, NV của Trường đến cuối năm 2021 là 212 người gồm 160 GV (trong đó có 1 Giáo sư, 3 Phó Giáo sư, 23 Tiến sĩ, 129 Thạc sĩ, 04 Cử nhân) và 14 CB quản lý, 52 chuyên viên (CV), NV hành chính. MIT đã xây dựng được một đội ngũ CB kế cận, có kế hoạch để tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng GV, CB, đặc biệt là CB trẻ với các chính sách ưu đãi về tài chính.

Tỷ lệ người có trình độ sau đại học là 80,0%, giảng dạy tại 06 Khoa. Đội ngũ CB quản lý, GV và NV Nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Nhà trường đã và đang triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch bồi dưỡng và phát triển đội ngũ, có chính sách hỗ trợ về tài chính, tạo điều kiện về thời gian cho đội ngũ GV và CB quản lý tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ CB, GV của Trường ngày càng được nâng cao, cơ cấu đội ngũ GV theo trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và độ tuổi ngày càng hợp lý. Nhà trường đã tạo môi trường dân chủ để CB quản lý, GV và NV tham gia đóng góp ý kiến đối với các chủ trương, kế hoạch của Trường. Trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của CB, GV, NV và NH.

Trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2019, được đánh giá ngoài vào năm 2019 và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục vào đầu năm 2019. Từ kết quả tự đánh giá lần đầu, đặc biệt là kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm 2019, hàng năm Nhà trường đều xây dựng kế hoạch triển khai nhiều hoạt động khắc phục các tồn tại mà báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra.

2.2. Giới thiệu về Khoa Kinh tế - Luật

Khoa quản lý đào tạo của ngành LKT trước đây là Khoa LKT được thành lập theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQT, ngày 11/06/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trường Đại học Công nghệ Miền Đông. Từ ngày 01/07/2021, Khoa LKT được sáp nhập vào Khoa Kinh tế và Quản lý theo Quyết định số 80/QĐ-ĐHCNMĐ của Hiệu trưởng Trường MIT. Đến tháng 12/2021 Khoa Kinh tế và Quản lý được đổi tên thành Khoa Kinh tế - Luật theo Quyết định số 103/QĐ-ĐHCNMĐ. Sứ mạng của ngành LKT là cung cấp nguồn nhân lực pháp luật và dịch vụ pháp lý chất lượng cao cho các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và toàn xã hội; tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật, trang bị kiến thức cơ bản về pháp luật, bồi dưỡng năng lực ứng phó với các vấn đề mà xã hội hiện đại đang phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa hiện nay; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Trong những năm qua, được sự hỗ trợ, động viên của Nhà trường và của Khoa, các CB, GV của Khoa đã không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn. Đội ngũ GV tham gia đào tạo ngành LKT có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm. Tính đến hết năm 2021 Khoa KTL có 10 CB, GV, trong đó có 05 tiến sĩ, 05 thạc sĩ phục vụ đào tạo ngành LKT.

Ngành LKT được đào tạo tại MIT từ năm 2015. Đến nay, ngành LKT đã có 02 khóa tốt nghiệp với 48 SV, trong đó có 08 NH tốt nghiệp đạt loại Giỏi (chiếm 16,67%), 27 NH tốt nghiệp đạt loại Khá (chiếm 56,25%) và 13 NH tốt nghiệp loại Trung bình (chiếm 27,08%). Hiện nay, số NH đang học ngành LKT tại Nhà trường là gần 60 SV. Tuy quy mô NH nhỏ nhưng với phương châm chất lượng giáo dục phải được đặt lên hàng đầu, trong thời gian qua tập thể CB, GV giảng dạy của Khoa luôn nghiên cứu, đổi mới các phương pháp dạy và xây dựng hệ thống các môn học đáp ứng được thực tiễn cuộc sống, nhờ đó chất lượng NH khá ổn định và từng bước được nâng cao. Tỷ lệ NH tốt nghiệp đạt loại khá, giỏi cao. Các nhà sử dụng lao động luôn đánh giá cao về năng lực chuyên môn cũng như các kỹ năng mềm, thái độ, tác phong làm việc của NH Trường.

Bên cạnh hoạt động giảng dạy, hoạt động NCKH của Khoa được chú trọng và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Hàng năm, Khoa đã phối hợp với các cơ sở đào tạo Luật uy tín trong cả nước tổ chức các cuộc hội thảo và nhận được sự tham gia nhiệt tình của tất cả các GV trong Khoa cũng như NH của Khoa.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa đã xây dựng, định kỳ rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có ngành LKT phù hợp với từng giai đoạn, hướng tới sứ mạng và mục tiêu giáo dục của Nhà trường. Mục tiêu CTĐT ngành LKT được xác định rõ ràng, cụ thể, theo đó NH tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học ngành LKT có khả năng: áp dụng kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực kinh tế đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai cho NH. CĐR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan (các chuyên gia trong lĩnh vực LKT, NTD, GV, NH, cựu NH), được rà soát, điều chỉnh ít nhất 02 năm/lần và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT ngành LKT có đủ các nội dung, thông tin và được cập nhật, tích hợp những vấn đề mới nhất có liên quan ít nhất 2 năm/lần. 100% đề cương học phần trong CTĐT có đầy đủ nội dung cần thiết, bao gồm: thông tin GV, mô tả học phần, nội dung giảng dạy, hình thức tổ chức dạy học và hình thức kiểm tra đánh giá. Tất cả các đề cương học phần được định kì bổ sung, điều chỉnh, cập nhật, đặc biệt là cập nhật về nội dung học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cùng với tất cả đề cương các học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan, bao gồm: CB, GV, NH của Nhà trường, cựu NH, NTD đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần một cách dễ dàng và thuận tiện.

CTĐT ngành LKT hiện nay gồm 44 học phần, 131 tín chỉ (không bao gồm học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục An ninh - Quốc phòng. Các học phần được thiết kế đa dạng theo hướng cung cấp kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành, đồng thời tăng cường rèn luyện khả năng tư duy, làm việc độc lập; có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.

CTĐT được thiết kế đáp ứng CĐR ngành LKT; được định kì rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan. NH tốt nghiệp CTĐT ngành LKT có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về hành nghề trong lĩnh vực luật kinh tế; có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội, khi mà hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế là yêu cầu cấp thiết.

Khoa KTL có đội ngũ cán bộ CB, GV đảm bảo chất lượng, có cơ cấu hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Nhà trường đã xây dựng và thực hiện các chính sách hỗ trợ, động viên CB, GV của Khoa học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao. Đội ngũ GV tham gia đào tạo ngành LKT có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm phong phú trong công tác.

Thư viện, CSVN, trang thiết bị của Nhà trường ngày càng được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH của ngành LKT. Hệ thống phòng học, kí túc xá NH đã được xây dựng đúng quy định và đảm bảo chất lượng. Trang thiết bị của Trường đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của ngành LKT.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu: Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành LKT được xác định rõ ràng, có căn cứ và đảm bảo được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà NH đạt được sau tốt nghiệp, bảo đảm sứ mạng và tầm nhìn của Trường, bảo đảm sự cam kết với NH, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. Việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh mục tiêu và CDR của CTĐT được thực hiện có tham khảo ý kiến phản hồi của các bên liên quan, đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục đại học (GDĐH).

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật GDĐH.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành LKT là “Đào tạo nguồn nhân lực cho các tổ chức kinh tế - xã hội, các cơ quan Nhà nước, trong và ngoài nước hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Trong suốt quá trình đào tạo, mục tiêu của Nhà trường là xây dựng, đào tạo kiến thức cho các sinh viên một cách hệ thống, chuyên nghiệp, tạo môi trường rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kỹ năng chuyên sâu về pháp luật trong kinh doanh, đồng thời được trang bị những kiến thức cơ bản và những năng lực đủ để nghiên cứu và xử lý những vấn đề phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế ở góc độ khoa học pháp lý”. Mục tiêu của CTĐT này được quy định cụ thể trong Quyết định ban hành CTĐT trình độ đại học ngành LKT năm 2014 [H1.01.01.01], được điều chỉnh năm 2018 [H1.01.01.02], năm 2021 [H1.01.01.03] và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử liên quan CTĐT ngành LKT của Trường [H1.01.01.04].

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD

Mục tiêu của CTĐT ngành LKT được ban hành vào năm 2014 và được cập nhật qua các lần điều chỉnh CTĐT năm 2018 và năm 2021 hoàn toàn phù hợp với tuyên bố sứ mạng của Trường [H1.01.01.05], nằm trong định hướng chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2013 – 2018; giai đoạn 2019-2024 và tầm nhìn đến 2030 [H1.01.01.06].

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

Mục tiêu của CTĐT ngành LKT cũng phù hợp với mục tiêu giáo dục trong Luật Giáo dục số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 quy định tại điều 5, Luật GDĐH năm 2012 [H1.01.01.07] “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH,

công nghệ tạo ra trí thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; Đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng nghiên cứu Khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa theo quy định về CDR, khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Trong lần sửa đổi năm 2018, 2021, Trường và Khoa đã vận dụng các quy định của BGDDT để tiến hành rà soát điều chỉnh các học phần, nội dung các học phần bảo đảm logic, phù hợp, tránh trùng lặp giữa các học phần trong CTĐT, đồng thời bảo đảm rõ ràng về mục tiêu của CTĐT trình độ đại học [H1.01.01.08]. Trên cơ sở đó ban hành Bản mô tả CTĐT ngành LKT; CTDH, điều chỉnh về CDR, ma trận các kỹ năng của năm 2014 [H1.01.01.09]. Rà soát đề cương chi tiết (ĐCCT) các học phần thuộc CTĐT ngành LKT bảo đảm bám sát mục tiêu của CTĐT. Từ năm 2014 đến nay Trường thường xuyên xây dựng và thực hiện việc cập nhật, đánh giá CTĐT trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ các ngành đào tạo của Trường trong đó có ngành LKT [H1.01.01.10]. CTĐT ngành LKT có đối sánh với một số cơ sở đào tạo khác [H1.01.01.11]. Trường thường xuyên thực hiện việc khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động đối với CTĐT ngành LKT [H1.01.01.12].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu CTĐT ngành LKT đã được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được tuyên bố của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH hiện hành; có khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT và lấy ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến nhận xét về mục tiêu của CTĐT của cựu người học và nhà tuyển dụng nhằm bổ sung, hoàn chỉnh mục tiêu đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan định kỳ theo quy định về mục tiêu của CTĐT. Thực hiện đối sánh mục tiêu của CTĐT LKT với các trường đại học trong và ngoài nước	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022-2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện mục tiêu của CTĐT ngành LKT bảo đảm phù hợp với sứ mạng tầm nhìn của Nhà trường.	Khoa KT-Luật	2023	

5. *Tự đánh giá tiêu chí:* Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. *Mô tả hiện trạng*

Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng

CTĐT ngành LKT trình độ đại học được ban hành năm 2014 [H1.01.01.01] và được rà soát cập nhật vào năm 2018 [H1.01.01.02] và 2021 [H1.01.01.03]. Xác định mục tiêu của CTĐT ngành KT, Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra (CĐR) ngành LKT năm 2015 bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc của NH sau khi tốt nghiệp [H1.01.02.01]. CĐR của CTĐT ngành LKT được cập nhật sửa đổi năm 2016 và 2021 để xác định hướng đi trong đào tạo cử nhân ngành LKT [H1.01.02.02].

CĐR của CTĐT bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

Trong lần điều chỉnh CTĐT năm 2018 Trường và Khoa đã vận dụng các quy định trong thông tư 07/2015/TT-BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo để rà soát lại CĐR của CTĐT [H1.01.02.03]. Trường đã ban hành quy định về xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT [H1.01.02.04]. Quá trình xây dựng CĐR được Khoa tuân thủ quy trình của Nhà trường, trong đó chú trọng việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CĐR của CTĐT [H1.01.02.05], Trường đã thường xuyên tổ chức họp Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường để rà soát quá trình đào tạo, khắc phục các điểm hạn chế, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường [H1.01.02.06].

Từ năm 2014 đến năm 2018 sau khi rà soát điều chỉnh CTĐT và CĐR, Trường nhận thấy CĐR của CTĐT được công bố năm 2018 hoàn toàn phù hợp, rõ ràng theo những quy định về CĐR của Bộ GD&ĐT. Trong lần điều chỉnh CTĐT năm 2018, để tốt nghiệp ngành LKT, NH cần phải hoàn thành 141 tín chỉ trong đó kiến thức chia thành các khối: Kiến thức đại cương, Kiến thức cơ sở ngành, Kiến thức chuyên môn

ngành. Trong đó CDR của ngành được gắn với mục tiêu đào tạo của ngành, được tập hợp lại trong CTĐT trình độ đại học ngành LKT năm 2018 đồng thời được cụ thể hóa qua các mục tiêu giảng dạy các học phần, trong ĐCCT học phần thuộc CTĐT ngành LKT [H1.01.02.07], trong đó làm rõ CDR học phần đóng góp vào CDR ngành như thế nào thông qua Ma trận tích hợp CDR của các môn học trong CTĐT [H1.01.02.08]. Trường đã ban hành về CDR tiếng Anh đối với NH tốt nghiệp đại học, hệ chính quy đáp ứng nhu cầu việc làm của thị trường lao động [H1.01.02.09]. Để không ngừng cải tiến chất lượng CDR ngành LKT, năm 2021 Khoa tiếp tục rà soát và điều chỉnh CTĐT ngành LKT. Trong CTĐT ngành LKT đã xác định tỉ lệ nhóm kiến thức giữa các phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành [H1.01.01.03]. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành LKT cũng được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H1.01.02.10]. Trường đã ban hành quy định về việc lấy ý kiến các bên liên quan [H1.01.02.11], trong đó có lấy ý kiến phản hồi của NTD về chất lượng của CTĐT, CDR ngành LKT [H1.01.02.12] nhằm giúp Khoa và Nhà Trường điều chỉnh CTĐT và CDR cho phù hợp với thị trường lao động. Đồng thời, để giúp NH tiếp cận thị trường lao động, hằng năm Nhà trường đều tổ chức ngày Hội việc làm cho NH toàn trường [H1.01.02.13]. Đây là một trong những cầu nối giữa NH và NTD. Như vậy sau nhiều lần rà soát điều chỉnh, hiện nay CDR của ngành LKT được xác định rõ ràng như sau:

- *Về mặt kiến thức*: được trang bị đầy đủ kiến thức về chuyên môn, nghề nghiệp, các kiến thức tổng quát về ngành.

- *Về mặt kỹ năng*: NH được trang bị các kỹ năng nghiên cứu, ứng dụng hiệu quả, sáng tạo. Kỹ năng tư duy khoa học, kỹ năng tin học, ngoại ngữ, kỹ năng làm việc nhóm.

- *Thái độ nghề nghiệp và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm*: NH có thái độ đúng đắn về nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong chuyên nghiệp; tự chủ nghiên cứu và chịu trách nhiệm trong việc vận dụng kiến thức phù hợp với nhu cầu của vị trí việc làm, đồng thời có khả năng tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên ngành.

- *Triển vọng nghề nghiệp trong tương lai*: với việc trang bị tốt kiến thức, kỹ năng, thái độ cùng với quá trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội, NH có khả năng tìm kiếm việc làm trong các cơ quan nhà nước, tổ chức Công đoàn, các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức phi chính phủ, các văn phòng luật sư, công chứng, thừa phát lại, các trung tâm tư vấn pháp luật, chuyên gia pháp lý trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy tại các trung tâm nghiên cứu khoa học hoặc các cơ sở giáo dục trung cấp, cao đẳng, đại học...

2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT ngành LKT được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng, thái độ NH cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT; CDR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Trường; chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của NH tốt nghiệp CTĐT; CDR được xây dựng nghiêm túc, bài bản, đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm tồn tại:

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để góp ý cho CĐR còn ở phạm vi chưa được rộng. Đồng thời việc đối sánh CĐR của ngành LKT với các trường đại học khác trong nước và quốc tế chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2020 - 2021, song song với việc rà soát, hoàn thiện CĐR và tiếp tục phát huy các hình thức công khai CĐR đến các bên liên quan, Trung tâm khảo thí và đảm bảo chất lượng phối hợp với Khoa mở rộng khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CĐR của CTĐT. Đồng thời tập trung tiến hành đánh giá mức độ đạt được của CĐR với NH.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì, liên tục việc rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT, đáp ứng được sự thay đổi thường xuyên của môi trường giáo dục.	Khoa KT-Luật	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng

CĐR của ngành LKT được xây dựng từ năm 2015 [H1.01.02.01]. Việc rà soát và cập nhật CĐR của CTĐT được Nhà trường thực hiện theo quy định về xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT [H1.01.01.04]. Trong quá trình rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT, Khoa đã tiến hành tổ chức Hội nghị tham gia đóng góp ý kiến điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi CTĐT trình độ Đại học ngành Luật, trên cơ sở chỉ đạo sát sao của Lãnh

đạo Trường, Khoa đã tổ chức các buổi sinh hoạt khoa học, Hội thảo khoa học, tập hợp ý kiến nhà tuyển dụng, cựu NH, các chuyên gia, các nhà quản lý nhằm cập nhật, đánh giá và hoàn thiện CĐR khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CĐR, CTĐT [H1.01.03.01], khảo sát ý kiến các bên liên quan về dự thảo CĐR, bao gồm các đối tượng như NTD, SV, cựu SV, GV và cơ sở đào tạo khác [H1.01.03.02] [H1.01.03.03]. Trên cơ sở tổng hợp kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và phân tích các ý kiến đóng góp của các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến từ phía NTD, Khoa đã tiến hành họp để góp ý, thống nhất điều chỉnh, hoàn thiện CĐR của CTĐT ngành LKT [H1.01.03.04]. Có thể nói rằng, CĐR của CTĐT ngành LKT được xây dựng và hoàn thiện là kết quả của quá trình phân tích và đánh giá nhu cầu của thị trường lao động nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học của CTĐT. Điều này được phản ánh trong các phiên bản CĐR [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành Luật kinh tế [H1.01.02.07], [H1.01.03.05].

CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh ít nhất 2 năm 1 lần theo kế hoạch của Nhà trường

Thực hiện thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT [H1.01.02.03], Nhà trường đã ban hành Quy định về xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT [H1.01.02.04]. Nhà trường và Khoa cùng với các phòng ban chức năng đã thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR vào các năm 2018 [H1.01.03.06], [H1.01.03.07], năm 2021 [H1.01.03.08], [H1.01.03.09]. Trong mỗi lần rà soát và cập nhật, sau khi tổng hợp ý kiến các bên liên quan, Khoa tiến hành họp và thống nhất về việc điều chỉnh, hoàn thiện CĐR của CTĐT [H1.01.03.04]. Sau khi Khoa thống nhất thì Nhà trường sẽ ra quyết định ban hành CĐR của CTĐT [H1.01.02.02].

CĐR của CTĐT được công bố công khai

Các quy định về chuẩn đầu ra của ngành LKT đã được phổ biến thường xuyên, rộng rãi đến tất cả NH với nhiều hình thức đa dạng như: sinh hoạt đầu khóa [H1.01.03.10], Website của Trường [H1.01.02.10]. Việc công bố CĐR của CTĐT ngành LKT cũng chính là công khai với xã hội về năng lực đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng của Nhà trường và Khoa KTL để NH, phụ huynh, NTD biết và theo dõi, giám sát. Đồng thời, xác định rõ nghĩa vụ và nâng cao trách nhiệm của đội ngũ CB quản lý, GV trong các hoạt động giảng dạy, phục vụ giảng dạy và quản lý nhằm giúp NH vươn lên trong học tập và tự học để đạt CĐR của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành LKT được tiến hành xuất phát từ thực tiễn nhu cầu lao động và việc làm; có sự tham gia đóng góp của các bên liên quan. CĐR của CTĐT ngành LKT được công bố công khai cho NH và xã hội.

3. Điểm tồn tại

Quá trình xây dựng CĐR của CTĐT chưa huy động được nhiều cơ quan, doanh nghiệp, NTD tham gia.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện các biện pháp giới thiệu CĐT của CTĐT đến nhiều cơ quan, doanh nghiệp, NTD để họ tham gia vào việc xây dựng CDR của CTĐT.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đổi mới CDR phù hợp với mục tiêu của CTĐT theo đúng quy định của bộ GD&ĐT và của Nhà trường, tiếp tục thực hiện truyền thông nội dung CĐT thông qua các kênh như website, các trang mạng xã hội, sinh hoạt đầu khóa,... và tiếp tục tiếp thu ý kiến đóng góp về CDR của các bên liên quan.	Khoa KT-Luật	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

CTĐT bậc đại học ngành LKT có mục tiêu được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của GDĐH với CDR được xác định rõ ràng, đáp ứng được yêu cầu chung, yêu cầu chuyên môn của NH, yêu cầu của NTD, được định kỳ rà soát điều chỉnh, được công bố công khai trên website của Nhà trường.

Bên cạnh đó còn một số điểm tồn tại về việc lấy ý kiến của các bên liên quan để chỉnh sửa về CTĐT, CDR chưa đạt hiệu quả cao, chưa thực hiện việc đối sánh CDR của CTĐT với các trường khác trong nước và ngoài nước.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 1								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3					5					

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu: Bản mô tả CTĐT ngành LKT được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do MIT ban hành và theo quy định của Bộ GD&ĐT. Bản mô tả CTĐT cung cấp thông tin đầy đủ và cần thiết về CTĐT cho NH và người dạy, NTD, nhà quản lý và các bên liên quan khác. Định kì, bản mô tả CTĐT được rà soát bổ sung, cập nhật. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần thể hiện CTĐT được thiết kế rõ ràng, có cấu trúc đảm bảo logic và chứng minh tính khả thi của việc thực hiện các mục tiêu và CDR, tạo điều kiện cho NH và người dạy cũng như các nhà quản lý dễ dàng triển khai thực hiện cũng như cải tiến CTĐT. Bản mô tả CTĐT được công bố công khai, phục vụ cho nhu cầu tìm hiểu của NH trước khi đăng ký học hoặc cho người đang học chủ động trong công tác học tập và nghiên cứu.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung

Nhà trường đã ban hành bản mô tả CTĐT ngành LKT với đầy đủ các thông tin về CTĐT như: ngành đào tạo, mã ngành đào tạo, loại hình đào tạo, trình độ đào tạo, mục tiêu đào tạo, CDR, thời gian đào tạo, khối kiến thức toàn khóa, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, cấu trúc nội dung CTĐT, kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến), mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần, đội ngũ GV thực hiện chương trình nhằm giúp NH có cái nhìn tổng quan và chủ động về khóa học sẽ học **[H1.01.01.09]**.

Theo đó, bản mô tả học phần được thể hiện đầy đủ trong ĐCCT học phần bao gồm: thông tin về học phần, mục tiêu của học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, nội dung chi tiết của học phần, tài liệu của học phần và tài liệu tham khảo **[H1.01.02.07], [H1.01.03.05]**.

Ngoài ra, các thông tin về bản mô tả CTĐT được truyền tải thông qua nhiều hình thức khác nhau như: Bản mô tả CTĐT từ năm 2015 đến năm 2019 của ngành Luật Kinh tế đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như: In trong cuốn niên giám CTĐT, hồ sơ đào tạo của ngành Luật, Chương trình “Ngày hội tư vấn tuyển

sinh và hướng nghiệp” đăng website của Trường ,thông qua đội ngũ cố vấn học tập, chương trình gặp mặt tân sinh viên , tuần lễ chính trị đầu khóa Hội thảo khoa học về xây dựng, phát triển CTĐT [H2.02.01.01], thông qua đội ngũ cố vấn học tập.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan

Từ năm 2018, bản mô tả CTĐT được rà soát, cập nhật theo kế hoạch rà soát và cập nhật CTĐT ngành LKT năm 2018 [H1.01.03.06] và năm 2021 [H1.01.03.06]. Việc rà soát, cập nhật CTĐT được thực hiện theo quy định về việc rà soát, điều chỉnh các học phần, CTĐT của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.08] và Quy định về xây dựng, điều chỉnh CDR và CTĐT [H1.01.02.04]. Mỗi lần rà soát, Khoa đều tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT, sau đó tổng hợp ý kiến và tiến hành họp Khoa thống nhất việc điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT [H2.02.01.02], [H1.01.03.04].

Theo đó, bản mô tả CTĐT được xây dựng và cập nhật đầy đủ nội dung theo quy định, trong đó có bổ sung, điều chỉnh nội dung của phần thông tin chung và nội dung CTĐT [H1.01.01.09]. Trong phần thông tin chung về CTĐT thông tin tuyển sinh bao gồm đối tượng tuyển sinh, tiêu chí tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh được cập nhật. Trong phần nội dung CTĐT cập nhật phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, ma trận kỹ năng, các căn cứ xây dựng/ sửa đổi và thời điểm ban hành/sửa đổi.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT của ngành LKT được rà soát, cập nhật theo đúng yêu cầu quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường; có cấu trúc rõ ràng, nội dung cụ thể và được cập nhật thường xuyên theo xu hướng đáp ứng nhu cầu của các NTD.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT chưa được thực hiện đối sánh với các trường trong nước và ngoài nước. Đồng thời, việc lấy ý kiến các bên liên quan chưa được rộng rãi nên chưa đánh giá được hiệu quả sử dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đối sánh bản mô tả CTĐT ngành LKT của Nhà trường với các trường trong nước và quốc tế. Thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan về bản mô tả CTĐT ngành LKT trên diện rộng	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022-2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật bản mô tả CTĐT theo đúng yêu cầu quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường, đặc biệt là cập nhật thường xuyên theo xu hướng đáp ứng nhu cầu của các NTD.	Khoa KT-Luật	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các học phần trong CTĐT đầy đủ thông tin

CTĐT ngành LKT được xây dựng năm 2014 theo quyết định số 14/QĐ-ĐHCNMĐ năm 2014, Quyết định số 30/QĐ-ĐHCNMĐ năm 2018 và quyết định số 61/QĐ-ĐHCNMĐ năm 2021 [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Theo đó 44 học phần với đầy đủ các thông tin về mục tiêu giảng dạy, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, nội dung chi tiết học phần, tài liệu chính và tài liệu tham khảo được mô tả chi tiết, rõ ràng [H1.01.02.07], [H1.01.03.05].

Đề cương các học phần trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Nhà trường.

CTĐT năm 2014 gồm có 134 tín chỉ với 45 học phần. Năm 2018, CTĐT ngành LKT được rà soát, cập nhật với 131 tín chỉ và số học phần vẫn không đổi là 44 học phần. Năm 2021 CTĐT ngành LKT tiếp tục được rà soát nhưng số học phần và số tín chỉ vẫn được giữ nguyên. Theo đó, nội dung ĐCCT các học phần đều được rà soát, cập nhật cho phù hợp với CDR và yêu cầu của các bên liên quan. Việc rà soát, cập nhật ĐCCT được Khoa thực hiện theo đúng quy định xây dựng và cập nhật ĐCCT học phần của Nhà trường ban hành năm 2018 [H2.02.02.01].

Hàng năm, trong các Hội nghị giao ban đào tạo, các nội dung về CTĐT đã được quan tâm xem xét nhằm đánh giá kết quả hoạt động đào tạo, đánh giá ưu nhược điểm của ĐCCT các học phần [H2.02.02.02]. Trước mỗi đợt điều chỉnh, Khoa đều lấy ý kiến đánh giá của NH, GV, cựu NH, NTD về ĐCCT học phần. Trên cơ sở đó làm căn cứ cho việc rà soát và điều chỉnh vào các năm 2018, 2021 [H2.02.02.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06].

2. Điểm mạnh

ĐCCT học phần của CTĐT ngành LKT được mô tả chi tiết, rõ ràng, đầy đủ thông tin, thường xuyên được cập nhật và có tính kế thừa.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng của ĐCCT học phần còn hạn chế và số lượng học phần nhiều chưa đánh giá được hết chất lượng của các ĐCCT học phần trong CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa tiếp tục rà soát, đánh giá một cách thường xuyên và mở rộng việc lấy ý kiến các bên liên quan về đề cương và nội dung các học phần trong CTĐT ngành LKT.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật và đánh giá thường xuyên ĐCCT học phần đảm bảo sự phù hợp giữa CDR học phần với CDR của CTĐT.	Khoa KT-Luật	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau

Tất cả thông tin về CTĐT ngành LKT đều được thể hiện trong quyển CTĐT do Nhà trường ban hành qua các năm 2014, 2018, 2021 **[H1.01.01.01]**, **[H1.01.01.02]**, **[H1.01.01.03]**. Việc công khai các thông tin về CTĐT của ngành LKT đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như: công bố trên website của Trường, Chương trình “Ngày hội tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp”, sinh hoạt đầu khóa cho tân SV, đội ngũ cố vấn học tập sẽ công bố cho NH ngay từ đầu khóa và thường xuyên giải đáp những thắc mắc của NH về CTĐT, bản cứng được trưng bày tại thư viện Trường **[H1.01.01.04]**, **[H1.01.03.10]**, **[H2.02.03.01]**.

100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

ĐCCT các học phần trong CTĐT được phê duyệt chính thức sẽ được Khoa công bố công khai cho NH dưới nhiều hình thức như: công bố trên website của Trường, GV phụ trách giảng dạy học phần sẽ công khai ĐCCT học phần cho NH vào buổi học đầu tiên, bản cứng được trưng bày tại thư viện Trường [H1.01.01.04], [H2.02.03.02].

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Với các hình thức công khai khác nhau như trên, các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp... đều dễ dàng tiếp cận với bản mô tả CTĐT, nhất là thông qua website của Nhà trường. Hằng năm, Trường đều ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường [H2.02.03.03]. Qua khảo sát các đối tượng liên quan có thể thấy hơn 90% NH và NH đã tốt nghiệp đã dễ dàng nắm bắt được các thông tin công khai của Trường về bản mô tả CTĐT thông qua việc truyền đạt của CVHT, GV giảng dạy chuyên môn và website của Trường; hơn 95% GV đều nắm được thông tin về bản mô tả CTĐT ngành LKT thông qua bản cứ được lưu tại Khoa, thư viện, hệ thống website của Trường; 75% NTD được khảo sát đều đã nắm bắt được mục tiêu đào tạo trong bản mô tả CTĐT, các yêu cầu kiến thức, kỹ năng, các yêu cầu chuẩn đầu ra HP đóng góp vào CDR của ngành LKT qua hệ thống website của Trường và thông qua các đợt Nhà trường gửi NH đi thực tập [H2.02.03.04], [H2.02.03.05].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành LKT được công bố công khai rộng rãi thông qua nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần trưng bày tại thư viện còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu của SV. Việc tìm kiếm CTĐT thông qua internet vẫn chưa thực sự thuận lợi đối với một số SV, NTD và những người quan tâm đến. Việc truyền thông, quảng bá CTĐT đến các đối tượng ngoài Nhà trường còn chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các hoạt động để truyền thông quảng bá CTĐT cho các đối tượng ngoài Nhà trường hiểu rõ hơn về CTĐT. Số hóa CTĐT ngành LKT cung cấp cho NH thông qua tài khoản SV.	Khoa KTL và Phòng ĐTDH-NCKH&HT QT	2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công khai, quảng bá thông tin về CTĐT cho các bên liên quan trong và ngoài Trường, cũng như cung cấp thông tin ĐCCT các học phần cho NH bằng các hình thức như công bố trên website, trang fanpage của Khoa, Trường, các buổi sinh hoạt đầu khóa, cũng như vào buổi học đầu tiên của học phần.	Khoa KTL phối hợp với Phòng ĐTDH-NCKH&HT QT và Trung tâm Tuyển sinh – Truyền thông	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT ngành LKT thể hiện đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện và cải tiến chất lượng CTĐT. Bản mô tả CTĐT là tài liệu hỗ trợ người dạy, NH trong quá trình đào tạo, cung cấp thông tin cho các bên liên quan, được cập nhật thường xuyên đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội. Tất cả ĐCCT các học phần thuộc CTĐT đều được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ các thông tin và nội dung cần thiết cho người dạy, NH, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các bên liên quan để giám sát. ĐCCT được thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu.

Tuy nhiên, việc lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng của ĐCCT học phần còn hạn chế; Việc truyền thông CTĐT đến các bên liên quan nhất là các đối tượng ngoài Nhà trường còn chưa được hiệu quả, việc thu thập ý kiến phản hồi còn hạn chế chủ yếu ở NH và GV.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 2								4,67	3	100
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu: CTDH cử nhân ngành LKT được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của ngành LKT trình độ đại học, nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực trong lĩnh vực pháp luật. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá NH được sử dụng nhằm đảm bảo đạt các CDR chung của CTDH và các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của từng HP. Nội dung các HP được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTDH. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CDR của CTĐT. CTDH của ngành LKT được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp và cập nhật ở từng HP cụ thể và ở CTDH tổng thể.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm

CTDH ngành LKT được thiết kế dựa trên CDR của CTĐT ban hành và được thể hiện trong bản mô tả CTĐT các năm 2014, 2018 và 2021 **[H1.01.01.09]**. CTDH được thiết kế theo quy định và quy trình do MIT ban hành **[H2.02.02.02]** trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT nhằm đạt được các mục tiêu chung (phẩm chất, năng lực) và mục tiêu cụ thể (trang bị cho NH những kiến thức, kỹ năng, mức tự chịu trách nhiệm). Trong quá trình thiết kế CTDH, Khoa đã tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp từ NTD, GV và NH **[H3.03.01.01]**. Khi thiết kế ĐCCT mỗi học phần cũng có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, đồng thời biên soạn đề thi, hệ thống bài tập là công cụ đánh giá NH đạt CDR. Nội dung CTDH ngành Luật bao gồm các môn học đại cương, cơ sở ngành,

chuyên ngành, hỗ trợ nhằm cung cấp kiến thức chuyên môn; các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, kiến thức về công nghệ thông tin để NH có hiểu biết các quy định của pháp luật hiện hành, có khả năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật; kiến thức hỗ trợ để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành xã hội, giúp NH có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, kỹ năng tư vấn, kỹ năng truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn, kỹ năng ngoại ngữ, sử dụng công nghệ thông tin.

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, PPKTĐG kết quả học tập của NH của 100% các môn học/học phần trong CTDH phải phù hợp, góp phần đạt được CĐR.

Về phương pháp giảng dạy, học tập: Phương pháp giảng dạy, học tập đa dạng, với nhiều hình thức phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của NH như: thảo luận nhóm, tiểu luận, thuyết trình,... **[H3.03.01.02]**. Các GV đã sử dụng phương pháp giảng dạy kết hợp giữa phương pháp thuyết trình, chia lớp thảo luận nhóm với phương pháp giảng dạy chủ động bằng cách nêu vấn đề cần giải quyết, quy định thời gian và cách làm việc. Sau đó, NH làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để nộp sản phẩm và trình bày trước lớp, tạo cho NH cách tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm. Với phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based learning), nghiên cứu tình huống (Case study)... tạo cho NH tư duy suy xét, phản biện (critical thinking) tự nhận biết về kiến thức, kỹ năng và thái độ cá nhân của bản thân,... **[H3.03.01.03]**.

Về PPKTĐG kết quả học tập của NH: Phương pháp đánh giá HP được thể hiện trong đề cương môn học **[H1.01.02.07]**, **[H1.01.03.05]**. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập dựa trên nhiều điểm số thành phần như: chuyên cần, kiểm tra, thi, báo cáo thuyết trình, bài tập nhóm, thực hành trên máy,... nhằm đạt được CĐR của CTĐT. Đối với khối kiến thức chung, đánh giá học phần được tiến hành theo hình thức tự luận/ trắc nghiệm/vấn đáp. Đối với kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, việc đánh giá được thực hiện theo hình thức tự luận/ trắc nghiệm **[H3.03.01.04]**.

Để đánh giá được sự phù hợp của CTDH đối với CĐR của CTĐT ngành LKT, hằng năm, Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTDH. Kết quả khảo sát cho thấy CTDH của ngành LKT hiện hành phù hợp với CĐR của CTĐT **[H2.02.03.03]**, **[H3.03.01.05]**, **[H3.03.01.06]**.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành LKT tuân thủ các quy định đào tạo tín chỉ của Bộ GD&ĐT và được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR của ngành về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Việc xây dựng CTDH có sự tham gia của NTD, NTD, GV và NH đảm bảo tính đầy đủ, cập nhật và khả thi khi triển khai.

3. Điểm tồn tại

Việc xây dựng CTDH chưa lấy ý kiến của chuyên gia về thiết kế CTDH.

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa được thực hiện trên diện rộng, số lượng phản hồi còn hạn chế nên chưa phản ánh chính xác về tính phù hợp của CTDH đối với CĐR.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện lấy ý kiến chuyên gia về xây dựng CTDH. Thực hiện lấy ý các bên liên quan về CTDH ngành LKT trên diện rộng.	Khoa KTL	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng CTDH đã được xây dựng. Tiếp tục sử dụng các ĐCCT trong các học phần thể hiện đã tính gắn kết giữa dạy-học và đánh giá, đồng thời được các bên liên quan đánh giá phù hợp với CĐR.	Khoa KTL	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

100% các môn học/học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR.

Căn cứ theo CTĐT trình độ đại học chính quy ngành LKT được ban hành tại quyết định số 14/QĐ-ĐHCNMĐ năm 2014 [H1.01.01.01] và điều chỉnh, cập nhật năm 2018 [H1.01.01.02], 2021 [H1.01.01.03]. Trong CTĐT, mỗi học phần có một vai trò nhất định trong khối kiến thức/kỹ năng mà NH cần đạt được. Mỗi học phần đều nêu rõ mức độ đóng góp cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân của NH để đạt được CĐR.

Các học phần Triết học Mác- Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt

Nam, Giáo dục thể chất, Tiếng Anh cơ bản, trang bị cho NH những kiến thức có thể vận dụng và hình thành được thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan và phương pháp luận trong tư duy, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Học phần tin học giúp NH đạt được CĐR về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Các các cơ sở ngành cung cấp các khối kiến thức cơ bản về lý luận - lịch sử nhà nước và pháp luật để vận dụng cho các học phần chuyên ngành, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo. Các học học phần chuyên ngành giúp NH biết áp dụng kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý về chuyên ngành về luật dân sự, luật hình sự, luật kinh tế... trong việc nhận biết và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc. Các học phần bổ trợ giúp NH hiểu được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật, biết tiếp cận các vấn đề mới trong bối cảnh xã hội luôn biến động, vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, thực tập môn học, báo cáo thực tập ngành và khóa luận tốt nghiệp được lồng ghép với các học phần lý thuyết nhằm giúp cho NH có đầy đủ chuyên môn, kỹ năng thực hành, quan sát, phân tích, tổng hợp, bước đầu làm quen với các công việc trong tương lai như đã được đề cập trong CĐR.

100% các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, PPKTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.

Sự gắn kết của các học phần với CĐR cũng được thể hiện ở việc sử dụng các phương pháp dạy và đánh giá phù hợp, tạo sự chủ động trong việc học tập của NH dưới sự hướng dẫn của các GV.

Đề cương học phần đã thể hiện được các phương pháp giảng dạy của GV và học tập của NH nhằm đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm. Đề cương học phần được chi tiết việc đáp ứng CĐR trong từng chương học cũng như PPKTĐG tương ứng để đạt được CĐR này. NH được đánh giá kiến thức, kỹ năng, thái độ qua các bài tập cá nhân, giờ thảo luận, giờ học trên lớp. Qua việc thuyết trình, trao đổi và bài thảo luận của các nhóm SV, GV có thể đánh giá được kiến thức, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, việc đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân của từng SV. Bài thi cuối kỳ được kết cấu với 3 phần: Lý thuyết, vận dụng lý thuyết, tình huống thực tế giúp GV đánh giá được đầy đủ các nội dung liên quan đến CĐR như kiến thức, kỹ năng làm bài, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tế. Bên cạnh đó, phương pháp đánh giá học phần cũng được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần bao gồm: kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, mức độ chuyên cần, bài thi giữa học phần, bài tập lớn, thường là chiếm 40% và bài kết thúc học phần trong đó điểm thi kết thúc học phần là 60% gồm bài thi tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận và bài tập lớn **[H3.03.01.04]**. Các phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá được vận dụng khoa học thể hiện trong đề cương học phần, phù hợp với Quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường **[H1.01.02.07]**,

[H1.01.03.05].

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Đề cương các học phần được chi tiết việc đáp ứng CĐR trong từng bài học, từng chương học. Hằng năm, Nhà trường đều lập kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan về các hoạt động đào tạo của Nhà trường, trong đó có khảo sát về mức độ đáp ứng CĐR của các học phần trong CTDH ngành LKT. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn các học phần đều thể hiện việc đạt CĐR **[H2.02.03.03], [H3.03.01.05], [H3.03.01.06]**.

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có CĐR của từng học phần trên cơ sở CĐR của CTĐT.

Các học phần đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, PPKTĐG phù hợp nhằm hỗ trợ tốt cho việc đảm bảo đạt được CĐR, đáp ứng mục tiêu đào tạo về kiến thức, kỹ năng, thái độ của trình độ đào tạo đại học ngành LKT.

3. Điểm tồn tại

Cách thức đánh giá kết quả học phần của một số học phần chưa thể hiện rõ khả năng đạt được CĐR của Chương trình dạy học ngành LKT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức sinh hoạt khoa học, tọa đàm nhằm rà soát cách thức đánh giá kết quả của các học phần nhằm thể hiện rõ ràng khả năng đạt được CĐR của từng học phần trong CTDH.	Khoa KTL	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật, xác định mục tiêu CĐR rõ ràng, cụ thể của từng học phần trên cơ sở CĐR của CTĐT.	Khoa KTL	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

Khoa hiện nay đang thực hiện đào tạo trình độ đại học ngành LKT, theo CTDH chính quy. CTDH ngành LKT được thiết kế gồm: Khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành **[H1.01.01.09]**. Trong mỗi học phần đều có điều kiện học phần (học phần tiên quyết, học phần học trước) giúp cho việc bố trí tiến trình giảng dạy theo thứ tự các môn đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành phù hợp. Trong mỗi HP đều có Điều kiện HP (HP tiên quyết, HP học trước) giúp cho việc bố trí tiến trình giảng dạy theo thứ tự các môn đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành phù hợp. HP nào có HP tiên quyết yêu cầu NH phải học và đạt môn học tiên quyết mới được học HP đó. Các HP học trước là kiến thức dùng để kế thừa cho HP hiện tại... Các học phần học trước là kiến thức dùng để kế thừa cho học phần hiện tại. Các môn học được ghi trong chương trình trước sẽ được dạy trước đảm bảo cho NH có các kiến thức cơ bản đại cương để tiếp thu các kiến thức của cơ sở ngành, chuyên ngành, các môn học bổ trợ để ở cuối cùng của chương trình. CTĐT ngành LKT hiện tại có 130 tín chỉ (không tính tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh) **[H2.02.02.02]**. Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 37 tín chỉ (28,5%)
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 93 tín chỉ (71,5%)
- + Kiến thức cơ sở ngành: 8 tín chỉ (6,2%)
- + Kiến thức chung của ngành: 39 tín chỉ (6,2%)
- + Kiến thức chuyên ngành: 30 tín chỉ (30,0%)
- + Kiến thức bổ trợ: 6 tín chỉ (4,6%)
- + Thực tập môn học, thực tập cuối khoá, khoá luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ (7,7%).

Với kết cấu như trên, CTDH đảm bảo trang bị cho NH kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu của CDR.

Trình tự của các học phần được sắp xếp logic, đảm bảo NH có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. 100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý về học phần điều kiện, học phần học trước, thời lượng cho mỗi học phần, thời điểm/học kỳ thực hiện.... Các học phần được thiết kế trong CTDH theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu. NH có thời gian hợp lý để học tập trên giảng đường và thời gian thực hành, thực tập tổng hợp, nghiên cứu.

Cấu trúc các học phần được thiết kế và xây dựng hợp lý, đảm bảo CDR của ngành LKT. NH tốt nghiệp đảm bảo được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, về thái độ, về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm theo CDR ngành LKT.

100% các môn học/học phần trong CTDH được bố trí hợp lý

Các học phần trong CTDH ngành LKT được tổ chức theo nhóm kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ được tăng lên về mức độ từ thấp đến cao, từ cơ bản đến nâng cao, được phân phối phù hợp trong 4 năm học. Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương là phần bắt buộc đối với NH tất cả các ngành, được bố trí học xuyên suốt cả bốn năm học. Kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, bổ trợ và thực tập cuối khoá, khoá luận tốt nghiệp được bố trí trong các học kỳ sau, học phần điều kiện tiên quyết được tổ chức giảng dạy trước. CTDH ngành LKT được thể hiện đầy đủ trong bản mô tả CTĐT ngành LKT qua các phiên bản.

CTDH được định kỳ rà soát/ điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần

Trong giai đoạn 2015-2020, CTDH ngành LKT đã được cập nhật, rà soát năm 2018 và tiếp tục tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để cập nhật, điều chỉnh 2021. Năm 2018, CTDH có sự điều chỉnh, cập nhật so với năm 2014. Tổng số tín chỉ tích lũy giảm từ 134 xuống còn 131 tín chỉ. Trong đó, học phần Giáo dục thực hành pháp luật CLE giảm từ 3 tín chỉ còn 2 tín chỉ; gộp 2 học phần Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam và học phần Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới thành học phần Lịch sử nhà nước và pháp luật; tăng 1 tín chỉ cho học phần Luật Dân sự 2 (bổ sung Luật sở hữu trí tuệ); gộp 2 học phần Luật thương mại 1, 2 thành học phần Luật thương mại; học phần Luật thương mại quốc tế giảm từ 3 tín chỉ thành 2 tín chỉ. Đến năm 2021, CTDH ngành LKT tiếp tục được điều chỉnh, cập nhật so với năm 2018 nhưng CTDH không có sự thay đổi so với năm 2018 [H3.03.01.01], [H3.03.03.01], [H1.01.01.09]. Mỗi lần rà soát, Khoa đều tổ chức lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến điều chỉnh CTDH chủ yếu là từ các GV và CB quản lý trong trường, có rất ít chuyên gia và nhà tuyển dụng tham gia [H3.03.03.02].

CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp

Khi xây dựng, điều chỉnh CTDH, Trường đều có tham khảo các CTĐT tiên tiến của các trường khác ở Việt Nam như Trường Đại học Kinh tế - Luật, Trường Đại học Kinh tế quốc dân [H3.03.03.03]. Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện đối sánh với các trường ở nước ngoài. Về cơ bản, CTDH ngành LKT tuân thủ theo chương trình khung do Bộ GD&ĐT quy định về cấu trúc các khối kiến thức và số tín chỉ; khá tương đồng với CTĐT ngành LKT của Việt Nam.

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế logic, có hệ thống và phù hợp với nhu cầu xã hội. CTDH đáp ứng được năng lực của NH tốt nghiệp, NH có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của công việc như tư vấn, giảng dạy, nghiên cứu... Cấu trúc CTDH chú trọng cả bề rộng lẫn bề sâu. Các CB, GV của Khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho NH trong việc đạt kết quả đầu ra.

Các học phần chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp NH lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH có ít ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng lao động và chuyên gia; Khoa còn chưa tham khảo nhiều chương trình của các trường Đại học trong nước, cũng như chưa thực hiện tham khảo chương trình của các trường ở quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa có biện pháp thu hút nhiều NTD, chuyên gia tham gia góp ý điều chỉnh CTDH đáp ứng CĐR. Thực hiện đối sánh với các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước để CTĐT của Trường được hoàn thiện hơn.	Khoa KTL	2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật, thiết kế CTDH đáp ứng được năng lực của NH và nhu cầu của xã hội. GV của Khoa tiếp tục nâng cao ý thức rà soát, điều chỉnh nội dung mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho NH trong việc đạt kết quả đầu ra.	Khoa KTL	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành LKT được thiết kế dựa trên CĐR, phù hợp với chuyên ngành đào tạo trong đó thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR. CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Cấu trúc và nội dung của CTDH bậc đại học ngành LKT đã tuân thủ các quy định đào tạo tín chỉ của Bộ GD&ĐT và được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR của ngành về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Việc xây dựng CTDH có sự tham gia của CB quản lý, GV, NTD, cựu SV, NH đảm bảo tính đầy đủ, cập nhật và khả thi; Các học phần trong

CTDH có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có CĐR của từng học phần. Các học phần đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, PPKTĐG phù hợp nhằm hỗ trợ tốt cho việc đảm bảo đạt được CĐR. Các học phần trong CTDH đều đáp ứng mục tiêu đào tạo về kiến thức, kỹ năng, thái độ của trình độ ĐTDH ngành LKT. CTDH được thiết kế logic, có hệ thống và phù hợp với nhu cầu xã hội.

Tuy nhiên, việc xây dựng CTDH chưa lấy ý kiến của chuyên gia về thiết kế CTDH; tỉ lệ các môn học bổ trợ trong CTDH ngành LKT còn ít; Quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH còn chưa tham khảo nhiều chương trình của các trường Đại học trong nước và quốc tế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 3								4,0	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu: Phương pháp tiếp cận dạy học thực hiện dựa trên mục tiêu - triết lý giáo dục, luôn lấy NH làm trung tâm, phương pháp giảng dạy đa dạng và sáng tạo đáp ứng CĐR, đã được MIT tuyên bố trong chương trình đào tạo. CTĐT ngành LKT đã thiết kế các hoạt động dạy và học phù hợp theo nhu cầu xã hội, bám sát mục tiêu - triết lý giáo dục nhằm giúp NH đạt được CĐR. Các hoạt động dạy và học của ngành LKT chú trọng đa dạng hoá các phương pháp dạy-học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có văn bản tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục.

Mục tiêu giáo dục của MIT đã được xây dựng và tuyên bố trong các văn bản chính thức của Nhà trường năm 2013 [H4.04.01.01]. Đến năm 2019 được rà soát, điều chỉnh [H4.04.01.02] và tiếp tục được điều chỉnh cập nhật năm 2021 [H4.04.01.03]. trong đó chính thức tuyên bố triết lý giáo dục của MIT là “*Năng động – Sáng tạo – Lĩnh hội tri thức – Hội nhập – Làm chủ tương lai*”. Trường không chỉ cung cấp cho NH những CTĐT tiên bộ, chất lượng cao và phù hợp với xu hướng quốc tế mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho NH phát triển tiềm năng cá nhân. MIT chú trọng việc bồi dưỡng cho NH kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, đồng thời đề cao tinh thần tìm tòi, nghiên cứu và học tập ở NH để học tập suốt đời. Điều này sẽ giúp NH cải thiện bản thân, phát triển tiềm năng sáng tạo và kỹ năng hội nhập để thích ứng với sự phát triển của công nghệ trong thời đại mới. Điều này được thể hiện ở các nội dung như sau:

- *Năng động* là chủ động, tích cực, dám nghĩ, dám làm. Năng động là luôn có những hành động tích cực, làm việc một cách nhiệt huyết, luôn cố gắng làm mọi việc hết sức để tác động với những sự vật, hiện tượng xung quanh chúng ta nhằm thực hiện tốt những công việc đã định.

- *Sáng tạo* là luôn luôn say mê nghiên cứu, tìm tòi cái mới dựa trên cái đã có để tạo ra những thứ giá trị về tinh thần, vật chất và cách giải quyết mới mẻ không bị gò bó.

Chính vì vậy, MIT coi trọng sự năng động sáng tạo để NH có thể tự tìm tòi những thứ mới mẻ để tạo ra những giá trị vật chất, tinh thần, tìm ra những thứ mà ta có thể sử dụng được và tạo ra các giá trị thực tiễn đem lại nguồn lợi ích khá lớn cho cuộc sống của chúng ta.

- *Hội nhập* quốc tế là khả năng học tập và làm việc theo xu thế của lực lượng lao động hiện nay và được đánh giá theo tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế. Hội nhập quốc tế cũng được thể hiện qua việc các chương trình đào tạo của trường và sinh viên tốt nghiệp được công nhận bởi các tổ chức kiểm định quốc tế và được các trường đại học cùng khối ngành trong khu vực và trên thế giới chấp nhận.

- *Lĩnh hội tri thức – làm chủ tương lai* là tiếp thu và hiểu được một cách thấu đáo những kiến thức bổ ích và đúng đắn để NH có thể làm chủ được công nghệ, làm chủ được xã hội, thích ứng với sự phát triển của công nghệ trong thời đại mới để từ đó có nhiều cơ hội để phát triển hơn nữa.

Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tất cả CB, GV, NH của Trường hiểu rõ và thực hiện

Ngay sau khi ban hành triết lý giáo dục, để tạo tiền đề cho việc thực hiện triết lý này, Trường đã phổ biến rộng rãi triết lý giáo dục tới tất cả các CB, GV, NV, NH

dưới nhiều hình thức khác nhau: giới thiệu sứ mạng mục tiêu giáo dục tới CB, GV, NV, NH của Trường thông qua hệ thống website/fanpage của Trường [H4.04.01.04]; giao nhiệm vụ cho các Khoa phổ biến triết lý giáo dục tới NH và các đối tác bên ngoài thông qua việc công khai trên website/page chính thức của các Khoa [H4.04.01.05]; thông qua các cuộc hội nghị phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục cho toàn CB, GV, NV Nhà trường hằng năm [H4.04.01.06], [H4.04.01.07]; sinh hoạt tuần lễ công dân vào đầu mỗi năm học [H1.01.03.10], [H4.04.01.08]. Bên cạnh các hình thức phổ biến trên, hằng năm, Nhà trường đều có tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan về tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục của Nhà trường [H4.04.01.09], [H4.04.01.10], [H4.04.01.11]. Thông qua việc trả lời khảo sát, CB, GV, NV và NH đã hiểu rõ hơn về triết lý giáo dục từ đó thúc đẩy việc thực hiện triết lý ngày một tốt hơn.

Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của Trường được giới thiệu/phổ biến tới các bên liên quan

Bên cạnh các đối tượng trong Nhà trường, MIT đã bắt đầu triển khai phổ biến triết lý giáo dục tới các bên liên quan bằng nhiều cách thức như: Công khai triết lý giáo dục trên Website, trang mạng xã hội của Trường, của các Khoa, Phòng, đơn vị trong Trường [H4.04.01.12]... Thể hiện triết lý giáo dục trong các văn bản gửi cho các đối tác như: Văn bản hợp tác [H4.04.01.13]. Triết lý giáo dục của Nhà trường được tuyên truyền phổ biến đến học sinh tại các trường phổ thông thông qua các buổi tư vấn tuyển sinh [H4.04.01.14]. Những hoạt động này không chỉ giúp lan tỏa triết lý giáo dục của Nhà trường tới các đối tác bên ngoài mà còn giúp cán bộ, GV, NH của Trường thấm nhuần hơn triết lý giáo dục từ đó chuyển đổi thành những hành động cụ thể để mang lại những thành tựu mới trong giáo dục của Trường trong thời gian tới. Tuy nhiên, chưa có nhiều cơ quan, NTD, học sinh hiểu rõ triết lý giáo dục của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Trường đã có văn bản xác định rõ ràng mục tiêu/triết lý giáo dục.

Trường đã có những hoạt động cụ thể để CB, GV, NH hiểu rõ, thực hiện mục tiêu/triết lý giáo dục và mang lại hiệu quả trên thực tế.

Mục tiêu/triết lý giáo dục của Trường đã được lan tỏa tới các bên liên quan ngoài Nhà trường với hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều cơ quan, NTD, học sinh hiểu rõ triết lý giáo dục của Nhà trường.

Các hình thức phổ biến triết lý giáo dục chưa đa dạng và liên tục.

Chưa có nhiều hoạt động để thực hiện triết lý này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức Hội thảo và quảng bá triết lý - mục tiêu giáo dục tới các đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài ngành LKT; Tổ chức các hoạt động để thực hiện triết lý giáo dục của Nhà trường.	MIT	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì thực hiện tốt các hình thức phổ biến, các hoạt động thực hiện mục tiêu, triết lý giáo dục của Nhà trường.	MIT	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Các khoa/bộ môn, GV xây dựng hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR

Các học phần trong CTĐT ngành LKT **[H1.01.01.09]** được phân ra thành 3 hoạt động dạy học cụ thể như sau: hoạt động tại lớp (nghe giảng lý thuyết, làm bài tập, thảo luận), hoạt động thực hành (thực tập) và tự học, tự nghiên cứu. ĐCCT các học phần có quy định các hoạt động này **[H1.01.02.07]**, **[H1.01.03.05]**.

Khoa KTL, GV đã áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy đa dạng, điều này đã được xác định khi xây dựng CTĐT và được cụ thể hóa trong các ĐCCT các học phần với các phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt chuẩn đầu ra, gồm các phương pháp: Thuyết giảng, Học theo tình huống, Thực tập thực tế, Thảo luận, Học nhóm, Bài tập ở nhà.

Trong năm 2018, 2021, Khoa KTL đã tổ chức điều chỉnh CTĐT đại học ngành LKT. CTĐT ngành LKT chỉnh sửa năm 2018 **[H1.01.01.02]** và năm 2021 **[H1.01.01.03]** đều có sự tham khảo ý kiến của các GV giảng dạy và NH của CTĐT ngành LKT **[H4.04.02.01]**, **[H4.04.02.02]** về sự phù hợp và hiệu quả của các hoạt động dạy và học trong việc giúp NH đạt được CĐR.

Các khoa/bộ môn, GV hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.

Để NH có thể chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR, GV khoa KTL đã hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp, từ đó giúp NH

tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR thể hiện trong quá trình xây dựng tổ hợp các phương pháp giảng dạy trong CTDH ngành LKT [H1.01.01.09], xây dựng ĐCCT các học phần [H1.01.02.07], [H1.01.03.05] và đáp ứng chất lượng giảng dạy theo nội dung trong hồ sơ GV [H3.03.01.02]. Đối với các môn học lý thuyết, GV hướng dẫn NH thực hiện phương pháp thuyết trình nhóm, thảo luận nhóm theo từng chủ đề. Đối với các môn học thực hành, GV hướng dẫn NH làm bài tập, thực hành trên máy tính, thực hiện đóng vai để giải quyết các bài tập tình huống, thực hành tại nhà (viết tiểu luận, hồ sơ xin việc và các sản phẩm khác có liên quan đến môn học) và hướng dẫn NH tự học, tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học. Hàng năm, nhà trường liên hệ, giới thiệu cho sinh viên năm cuối đi thực tập tại các doanh nghiệp và làm cùng những người có kinh nghiệm để họ được hướng dẫn, học hỏi đúng chuyên môn ở các vị trí công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo [H4.04.02.03], [H4.04.02.04]. Để thường xuyên hỗ trợ, giúp đỡ NH, hàng năm, Nhà trường đều có phân công cố vấn học tập để hướng dẫn, hỗ trợ cho NH trong quá trình học tập, sinh hoạt tại Trường [H4.04.02.05]. Mỗi NH khi vào trường đều được cung cấp tài khoản cá nhân giúp NH dễ dàng tra cứu thông tin liên quan đến khóa học [H4.04.02.06]. Song song đó, Trường còn mở cổng thông tin NH trên website của Nhà trường để phổ biến những thông tin liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của NH trong quá trình học tập tại Trường [H4.04.02.07]. Ngoài ra, Nhà trường còn thành lập Câu lạc bộ Thực hành pháp luật, chủ nhiệm câu lạc bộ là GV của Trường nhằm giúp NH có môi trường sinh hoạt và trao đổi thêm kiến thức pháp luật, bên cạnh đó giúp NH rèn luyện kỹ năng phản biện qua các phiên tòa giả định [H4.04.02.08], [H4.04.02.09]. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp, Nhà trường đã tiến hành phương pháp giảng dạy trực tuyến. Để giúp cho NH có thể vận hành được tài khoản và thực hiện được các thao tác trong quá trình học và kiểm tra đánh giá, Nhà trường đã ban hành các kế hoạch triển khai việc học tập trực tuyến, ban hành các quy định về tổ chức thi trực tuyến và cử CB, GV tham gia tập huấn cho NH trước khi đưa vào thực hiện [H4.04.02.10], [H4.04.02.11], [H4.04.02.12].

GV/NH hài lòng với các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT

Phương pháp dạy học, tài liệu học tập, tác phong của GV đều được NH đánh giá và phản hồi qua sự thu thập ý kiến phản hồi từ NH của Nhà trường thông qua phiếu lấy ý kiến theo hình thức trực tuyến và trực tiếp. Đa số NH có những phản hồi tích cực đến việc tổ chức dạy học của GV và cho rằng phương pháp dạy học của Nhà trường đã mang lại hiệu quả cao trong việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV. Trường tổng kết các đánh giá của SV, lập báo cáo kết quả gửi lại trực tiếp cho GV qua email cá nhân hoặc bằng văn bản; gửi cho các khoa để có những điều chỉnh kịp thời trong công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo chung của toàn trường. Bên cạnh đó, đội ngũ GV của Khoa rất hài lòng về các phương pháp/hoạt động giảng dạy và học tập của CTDH ngành LKT, đồng thời hài lòng về CSVC, trang thiết bị phục vụ trong giảng dạy và học tập để đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần [H2.02.03.03], [H4.04.02.13], [H4.04.02.14], [H4.04.02.15].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy học của Khoa được thiết kế đa dạng, phù hợp, bám sát đề cương học phần để bảo đảm NH tốt nghiệp đạt được CDR.

Các hoạt động học tập của NH đa dạng bao gồm cả các hoạt động học tập lý thuyết, thực hành, thực tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR.

Khoa và GV đã triển khai được nhiều hoạt động hướng dẫn học tập cho SV, GV của Khoa luôn đồng hành, theo sát NH trong các hoạt động học tập, điều này giúp các GV của Khoa luôn nhận được sự đánh giá cao của NH về phương pháp giảng dạy. Với các phương pháp dạy và học đã triển khai, NH Khoa sau khi tốt nghiệp đều đạt CDR về trình độ ngoại ngữ, tin học cũng như các yêu cầu về kiến thức chung, thái độ hành vi và kiến thức, kỹ năng chuyên ngành.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động học tập ngoại khóa, hướng dẫn học nhằm nâng cao kỹ năng cho NH còn chưa được thực hiện thường xuyên, hình thức chưa phong phú nên chưa thu hút được toàn bộ NH tham gia.

Hoạt động thực hành pháp luật, hợp tác quốc tế chưa thực sự đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch tổ chức hội thảo nâng cao, đổi mới phương pháp giảng dạy cho GV trong Khoa; Tổ chức cuộc thi Phiên tòa giả định cấp Khoa để tạo cơ hội cho sinh viên rèn luyện kỹ năng và chọn lựa được đội chơi xuất sắc tham gia cuộc thi Phiên tòa giả định cấp quốc gia; Hợp tác với một số cơ sở đào tạo (Đại học Kinh tế Luật - Đại học Quốc gia TP.HCM, Đại học Luật TP.HCM, Học viện Tư pháp...) về việc cho phép NH của Khoa được tham dự một số Hội thảo chuyên ngành do các cơ sở này tổ chức; Xây dựng kế hoạch học tập ngoại khóa, hướng dẫn học cho NH trong cả năm học. Trong đó chú trọng các hoạt động thực tập, thực tế cho SV	Khoa KTL	2022-2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ NH. Đảm bảo các điều kiện CSVC, trang thiết bị phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học nhằm đáp ứng CĐR của từng học phần và của CTĐT. Thường xuyên khảo sát ý kiến các bên liên quan về các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học để cải tiến cho phù hợp đảm bảo đạt CĐR học phần, CTĐT.	MIT và Khoa KTL	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng

100% ĐCCT các học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm.

Trong CTĐT ngành LKT ban hành năm 2018, năm 2021, 100% ĐCCT các học phần (không kể thực tập nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp) có quy định cụ thể về các phương pháp dạy-học tương ứng với các nội dung của học phần **[H1.01.02.07], [H1.01.03.05]**. Việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu (kỹ năng phân tích và đánh giá các vấn đề, kỹ năng xử lý tình huống và giải quyết các vấn đề cụ thể và thực tiễn trong hoạt động pháp luật,...) và kỹ năng thiết yếu (kỹ năng giao tiếp, soạn thảo văn bản, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin,...). Trong các học phần, phương pháp giảng dạy và học tập bao gồm dạy học trực tiếp, dạy học gián tiếp, dạy học tương tác; đối với người dạy là truyền đạt kiến thức và đặt câu hỏi yêu cầu NH tham gia thảo luận, giải bài tập, trả lời các câu hỏi, từ đó phát triển kỹ năng làm việc nhóm và tư duy phản biện **[H3.03.01.03], [H3.03.01.02]**.

100% ĐCCT các học phần mô tả/nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH

Bên cạnh việc thúc đẩy phát triển kỹ năng, nhằm nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH, tất cả ĐCCT các học phần đều có mô tả, nhấn mạnh đến hoạt động

tự nghiên cứu, tự học thông qua các hoạt động dạy, học như: yêu cầu NH nghiên cứu học liệu, giao bài tập cá nhân, khuyến khích NH tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài trong giờ học, kiểm tra vấn đáp...[H3.03.01.02]. Hệ thống học liệu phong phú trong các đề cương được trưng bày tại Thư viện hoặc internet (do GV định hướng) giúp bảo đảm khả năng tự học, tự nghiên cứu của NH [H4.04.03.01]. Việc đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy, gắn lý luận với thực tiễn giúp thúc đẩy đam mê và khả năng học tập suốt đời. Đề cao vai trò của NH, Nhà trường và Khoa triển khai thực hiện nhiều hoạt động giúp đề cao vai trò, tạo sự chủ động cho NH như NH tự liên hệ nơi thực tập [H4.04.02.03], tự đề xuất tên đề tài đề án/báo cáo thực tập/khóa luận/đề tài NCKH, chủ động đăng kí đăng kí GV hướng dẫn NCKH [H4.04.03.02], [H4.04.03.03], [H4.04.03.04]... Để thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV, Nhà trường đã ban hành ban hành chính sách hỗ trợ NH tham gia NCKH [H4.04.03.05]. Đặc biệt, để góp phần nâng cao chất lượng, đổi mới phương pháp giảng dạy của GV, Trường và Khoa đã định kì tổ chức đối thoại với SV, định kì lấy ý kiến nhận xét của NH về hoạt động giảng dạy của GV [H4.04.03.06], [H4.04.03.14], [H4.04.03.07], [H4.04.03.08].

GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời được thể hiện thông qua kết quả phiếu khảo sát từ NH sau khi kết thúc môn học qua các năm [H2.02.03.03], [H4.04.03.07]. Cụ thể, ở các mục khảo sát đặc biệt là các mục GV giúp NH phát triển kỹ năng có trên 85% NH đánh giá ở mức “đồng ý” trở lên [H4.04.03.08]. Ngoài ra, GV đã sử dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy phù hợp thể hiện cụ thể quá trình giảng dạy trong sổ tay GV [H3.03.01.02] và áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp trong việc xây dựng ĐCCT các học phần nhằm giúp NH tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Bên cạnh đó, để giúp NH đạt được CĐR ngoại ngữ (bậc 3/6), Nhà trường đã tổ chức giảng dạy Tiếng Anh CĐR cho NH với khối lượng 150 tiết và tổ chức kỳ thi Tiếng Anh CĐR với đầy đủ bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết [H4.04.03.09], [H4.04.03.10], [H4.04.03.11]. Riêng những NH đã có chứng chỉ ngoại ngữ (tương đương bậc 3/6) của các Trung tâm được Bộ GD&ĐT công nhận thì nộp vào Trường để xét CĐR ngoại ngữ [H4.04.03.12]. Bắt đầu từ khóa 2021, NH sẽ được học chương trình Tiếng Anh tăng cường nhằm đảm bảo mục tiêu NH MIT ra trường có thể giao tiếp bằng Tiếng Anh. Ngay từ đầu khóa, Trường tổ chức thi đánh giá năng lực Tiếng Anh để sắp xếp lớp học cho phù hợp với trình độ của từng NH [H4.04.03.13]. Như đã trình bày ở trên có thể thấy, CTDH được thiết kế linh hoạt giúp cho NH rèn luyện được các kỹ năng thiết yếu và có thể học lên các bậc học cao hơn trong tương lai.

2. Điểm mạnh

Các đề cương môn học đã nêu rõ phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm

thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. GV đã sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Tài liệu chuyên ngành LKT tại Thư viện còn chưa đa dạng, cần bổ sung để thúc đẩy khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV.

Số lượng đề tài NCKH của NH ngành LKT còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung nguồn học liệu chuyên ngành cho NH Luật, xây dựng thư viện điện tử, mua tài khoản của một số thư viện lớn (Thư viện Quốc gia, Thư viện Khoa học xã hội) để NH có thể truy cập khi cần tra cứu tài liệu; Tăng cường truyền thông về chính sách hỗ trợ NH làm NCKH để thu hút NH đăng ký tham gia.	MIT và Khoa KTL	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. GV tiếp tục sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.	Khoa KTL	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của ngành LKT có điểm mạnh là đã được triển khai rất đa dạng, phù hợp với từng học phần cũng như với đặc thù ngành, tạo sự hài lòng, hứng khởi, động lực cho GV, SV. Các phương pháp này đã phát huy và mang lại hiệu quả trên thực tế, bảo đảm cho NH ngành LKT sau tốt

nghiệp đáp ứng được mục tiêu đào tạo, CDR của CTĐT, có kỹ năng nghề và khả năng học tập suốt đời, góp phần hoàn thành sứ mệnh của MIT.

Tuy nhiên, tiêu chuẩn còn tồn tại về phổ biến triết lý giáo dục tới các bên liên quan, về mức độ phủ rộng của hoạt động ngoại khóa, chưa đa dạng hệ thống học liệu, chưa nhiều số lượng đề tài NCKH của SV.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 4

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 4								4,67	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu: Việc đánh giá kết quả học tập của NH đối với ngành LKT được thiết kế ban hành một cách có hệ thống, đảm bảo các yêu cầu về quyền lợi của NH. PPKTĐG được làm rõ trong cấu trúc chương trình, trong đó nhấn mạnh đến trọng số và tiêu chí đánh giá có khả năng tốt nhất để phát triển năng lực của NH. PPKTĐG kết quả học tập đa dạng, bảo đảm giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Nhà trường đã xây dựng được cơ chế thu thập thông tin phản hồi, khiếu nại liên quan đối với NH.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Các quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH.

Việc đánh giá kết quả học tập của NH bao gồm đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình học và đánh giá đầu ra. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế dựa trên mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành LKT (thông qua các yếu tố: Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và thái độ). Quá trình đánh giá kết quả học tập được thiết kế theo đúng Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT và Quy chế đào tạo đại học của Nhà trường **[H3.03.01.04], [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], [H5.05.01.04]**.

Các quy trình/tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các đồng thời /công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR.

Ở mỗi khâu đánh giá đầu vào, đánh giá điểm quá trình, đánh giá đầu ra, CTĐT ngành LKT được thiết kế theo các tiêu chí như: (i). Xây dựng quy trình đánh giá rõ ràng cho tất cả các học phần trong ĐCCT **[H1.01.02.07]**, **[H1.01.03.05]**; (ii). Hoạt động đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình và đánh giá đầu ra ở các mức độ CDR khác nhau sẽ được thiết kế khác nhau, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng học phần cụ thể. (iii). Để đảm bảo các phương pháp đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình và đánh giá đầu ra được hiệu quả, Khoa KTL đã áp dụng nhiều biện pháp khác nhau và không ngừng cải tiến để nâng cao hiệu quả đánh giá kết quả NH. Ví dụ như: Đa dạng các hình thức tuyển sinh đầu vào **[H5.05.01.05]**; khảo sát GV về trình độ năng lực mong muốn của mục tiêu môn học; đánh giá lại tính nhất quán của từng nội dung và phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra; đánh giá kết quả rèn luyện của NH theo quy định của Nhà trường **[H5.05.01.06]**...

Đối với đánh giá đầu vào Nhà trường áp dụng các hình thức tuyển sinh như sau: điểm thi THPT Quốc gia; xét điểm học bạ; tuyển sinh dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh **[H5.05.01.05]**.

Đối với phần đánh giá quá trình học của NH được xây dựng theo quy trình/kế hoạch đánh giá rõ ràng. Theo đó, việc đánh giá điểm quá trình được tiến hành phù hợp với CDR của từng HP. Khi xây dựng ĐCCT, Khoa đã khảo sát GV về trình độ năng lực mong muốn của mục tiêu HP và chỉ số I, T, U của các CDR, nhằm xác định trọng số của các chuẩn đầu ra HP **[H5.05.01.07]**. Từ đó, thiết kế nội dung và phương pháp đánh giá phù hợp với mức độ quan trọng của từng CDR đó. Đồng thời, để đánh giá lại tính nhất quán của từng nội dung và phương pháp đánh giá với CDR, Khoa đã xây dựng bảng đánh giá HP nhất quán giữa phương pháp đánh giá với CDR của HP, với mỗi CDR khác nhau sẽ được cụ thể hóa ở các tiêu chí khác nhau ở mỗi HP **[H2.02.02.05]**. Kết quả học tập của NH đối với học phần lý thuyết, được đánh giá bằng cả hai loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, bao gồm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa HP và điểm thi kết thúc HP. Trong đó, đối với việc đào tạo hệ thống tín chỉ, việc đánh giá theo CDR là đánh giá cả quá trình học tập bao gồm bài kiểm tra, bài tập nhóm thảo luận và thi cuối kỳ. Thông thường điểm thi cuối kỳ sẽ chiếm 60% kết quả còn lại là điểm quá trình của SV. Khoa KHSK đã vận dụng nhiều cách thức để đánh giá điểm quá trình của NH, bao gồm điểm chuyên cần, điểm bài kiểm tra giữa kỳ, điểm thảo luận nhóm. Việc đánh giá kết quả NH đối với các học phần thực hành được thể hiện qua các HP là thực hành phòng thí nghiệm, Thực tập nghề nghiệp, Báo cáo tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp **[H1.01.01.09]**.

Các hoạt động/đồng thời kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR.

Điểm số là một trong những công cụ và thước đo nhằm đánh giá kết quả học tập của SV. Theo Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. Hiện nay, Trường đang áp dụng

3 thang điểm là thang điểm 10, thang điểm chữ và thang điểm 4 **[H3.03.01.04]**.

Bảng 5.1.1. Các mức điểm đánh giá kết quả học tập của SV

Xếp loại		Thang điểm 10 (điểm số)	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Giỏi	Từ 8.5 đến 10	A	4.0
		Từ 8.0 đến 8.4	B+	3.5
	Khá	Từ 7.0 đến 7.9	B	3.0
		Từ 6.5 đến 7.0	C+	2.5
	Trung bình	Từ 5.5 đến 6.4	C	2.0
		Từ 5.0 đến 5.4	D+	1.5
	Trung bình yếu	Từ 4.0 đến 4.9	D	1.0
Không đạt	Kém	Dưới 4.0	F	0

Đối với đánh giá đầu ra, để ra trường NH phải tích lũy đủ các HP quy định, đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2.0 trở lên (trên thang điểm 4), hoàn thành học phần Giáo dục thể chất, có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng, chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3/6 theo chuẩn B1 Châu Âu hoặc tương đương và chứng chỉ tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương **[H5.05.01.08]**, **[H1.01.02.01]**, **[H1.01.02.01]**.

Bên cạnh việc đánh giá kết quả học tập, việc đánh giá kết quả rèn luyện của NH cũng là khâu quan trọng, góp phần đạt được các CDR về kỹ năng, thái độ của NH. Hàng năm, Trường đều thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện của NH theo kế hoạch của Trường **[H5.05.01.06]**, **[H5.05.01.08]**.

2. Điểm mạnh

Hình thức tuyển sinh và đánh giá kết quả đầu vào khá đa dạng.

Kết quả đánh giá NH qua quá trình học được đánh giá cả 2 loại hình là điểm quá trình và điểm kết thúc HP. Phần đánh giá kết quả học tập của NH được tiến hành phù hợp với CDR của HP, thực hiện theo quy chế đào tạo theo hệ tín chỉ. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của NH sát với CTĐT, các kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ trách nhiệm cập nhật kịp thời theo yêu cầu.

Để đáp ứng điều kiện tốt nghiệp, ngoài điều kiện hoàn thành CTĐT thì các điều kiện về CDR ngoại ngữ, Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và an ninh, chứng chỉ đạt CDR tin học là một trong những điều kiện bắt buộc, góp phần đáp ứng nhu cầu của tuyển dụng lao động.

Bên cạnh việc đánh giá kết quả học tập, việc đánh giá kết quả rèn luyện của NH được Trường quan tâm, áp dụng nhiều cách thức cộng điểm khác nhau để khuyến khích NH tích cực tham gia phong trào.

3. Điểm tồn tại

Để nâng cao hiệu quả đánh giá kết quả NH phù hợp với mức độ CDR, Trường và Khoa chưa có hình thức khảo sát công tác đánh giá NH bao gồm phương thức thi, kiểm tra cũng như sự hài lòng và chất lượng của đề thi. Việc xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả người học giữa các học phần có lúc chưa đảm bảo tính thống nhất.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hoàn chỉnh mẫu chuẩn đề thi, quy trình đánh giá sự tham gia thẩm định của Tổ bộ môn, Hội đồng Khoa học đào tạo và xây dựng ngân hàng đề thi. Khảo sát mức độ hài lòng của NH đối với phương thức đánh giá kết quả học tập cũng như chất lượng đề thi. Cần thống nhất cách thức đánh giá kết quả của NH trong các học phần thuộc chương trình đào tạo.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Công tác kiểm tra đánh giá tiếp tục được thực hiện theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, tương thích với mục tiêu, CDR từng HP và CTĐT.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao

gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Các tài liệu/hướng dẫn được xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH

Đánh giá kết quả của NH được Nhà trường dựa trên quy định cụ thể trong văn bản theo đúng quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT [H3.03.01.04], [H5.05.01.01], [H5.05.01.08]. Kết quả điểm thi kết thúc học phần được công bố trên phần mềm quản lý đào tạo của Trường, mỗi NH có thể truy cập và xem kết quả thi của mình thông qua tài khoản phần mềm do Nhà trường cung cấp ngay từ đầu khóa [H4.04.02.06].

Các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH được công bố công khai tới NH trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần

Quy định về việc đánh giá, tiêu chí đánh giá kết quả học tập của NH được thể hiện ngay trong ĐCCT từng học phần, cụ thể: Thang điểm đánh giá là thang điểm 10. Trong đó, điểm quá trình có trọng số tối đa là 40%, bao gồm: (1). Đánh giá quá trình như sau: Điểm chuyên cần: 10 %. Điểm kiểm tra giữa kỳ/bài tập giữa kỳ: 30 %. (2). Điểm thi kết thúc học phần có trọng số là 60%. Hình thức thi: tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận, vấn đáp,... [H1.01.02.07], [H1.01.03.05].

Điểm quá trình được thông báo đến NH thông qua hình thức GV công bố trực tiếp tại lớp hoặc zalo của lớp, theo đó, GV sau khi chấm điểm quá trình sẽ công bố và giải quyết thắc mắc của NH ngay tại lớp hoặc gửi qua zalo của lớp, đồng thời GV ấn định thời gian phản hồi. NH có thắc mắc, phản hồi về điểm quá trình, sẽ gửi lại phản hồi cho GV thông qua email hoặc điện thoại [H5.05.02.01], [H5.05.01.08], [H5.05.01.01].

Dưới sự phân công của Trường Khoa, thư ký của Khoa lập kế hoạch giảng dạy trong học kỳ trình Khoa, Phòng ĐTĐH-NCKH-HTQT và BGH duyệt. Căn cứ kế hoạch giảng dạy của Khoa, Phòng ĐTĐH-NCKH-HTQT lên kế hoạch tổ chức thi và lên lịch thi trên phần mềm. Căn cứ vào lịch thi, Thư ký Khoa sẽ đôn đốc GV phụ trách giảng dạy các HP ra đề thi, niêm phong túi đề thi gửi về Khoa, Thư ký Khoa tổng hợp đề thi các học phần và bàn giao về Phòng KT-ĐBCL để tiến hành in/sao đề thi theo quy định [H5.05.01.02]. Về khâu tổ chức thi, Phòng KT-ĐBCL sẽ phụ trách công tác tổ chức thi, Phòng KT-ĐBCL sẽ phân công CB coi thi theo danh sách đã được BGH phê duyệt. Sau khi thu bài thi, 2 CB coi thi đếm bài thi, kiểm tra đủ chữ ký của CB coi thi, chữ ký của NH trên bài thi. Sau đó, CB coi thi sẽ đóng gói túi đựng bài thi, ký niêm phong túi đựng bài thi và ký vào sổ trả túi bài thi dưới sự chứng kiến của CB Phòng KT-ĐBCL [H5.05.01.01]. CB Phòng KT-ĐBCL sẽ đánh phách và tổ chức chấm thi theo quy định về công tác chấm thi [H5.05.01.03], [H5.05.01.04].

Về khâu chấm thi, Phòng KT-ĐBCL giám sát quá trình chấm thi, kiểm tra đáp án, theo dõi hoạt động chấm thi của GV. Trước khi nhập điểm kết thúc HP trên hệ thống, CB Phòng KT-ĐBCL phải kiểm tra lại toàn bộ điểm thi được nhập trên bản giấy để phát hiện kịp thời sai sót nếu có và đánh giá việc chấm điểm của hai GV. Nếu không có sai sót, Phòng KT-ĐBCL sẽ tiến hành nhập điểm thi kết thúc HP lên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường [H5.05.01.03]. Kết quả học tập của NH được cập nhật thông qua tài khoản cá nhân [H4.04.02.06]. NH có thể gửi phản hồi của cá nhân về kết quả kiểm tra/đánh giá, về việc tổ chức thi, quản lý kết quả học tập,... qua việc khảo sát ý kiến NH hoặc NH phản ánh trực tiếp bằng đơn/email thông qua Phòng KT-ĐBCL [H5.05.02.01], [H5.05.02.02], [H5.05.02.03], [H5.05.02.04].

Việc đánh giá rèn luyện của NH được thực hiện theo quy định tại Thông tư Số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của BGD&ĐT về đánh giá kết quả rèn luyện của NH và Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của NH của Nhà trường [H5.05.01.06]. Trung tâm TN-VLSV phụ trách quản lý kết quả rèn luyện của NH trong suốt quá trình học tại Trường. Kết quả rèn luyện của NH sẽ được NH tự chấm, Ban cán sự lớp sẽ chấm lại căn cứ vào các minh chứng kèm theo phiếu chấm điểm rèn luyện, Ban chấp hành Đoàn Thanh niên-Hội Sinh viên cũng tham gia vào quá trình chấm điểm rèn luyện, cuối cùng là CVHT sẽ căn cứ vào minh chứng và tham mưu của ban cán sự lớp và các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên để chấm. Kết quả rèn luyện của cả lớp sẽ được Ban cán sự lớp, CVHT, lãnh đạo Khoa và lãnh đạo Trung tâm TN-VLSV ký xác nhận và được công bố trên hệ thống phần mềm của Nhà trường [H2.02.03.01], [H5.05.02.05]. NH có thể truy cập xem kết quả qua tài khoản phần mềm cá nhân để nắm bắt đầy đủ các thông tin và có cơ sở ý kiến, phản hồi khi nhận thấy không hợp lý.

NH được phổ biến các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập

Các quy định về quy chế đào tạo, CTĐT, ĐCCT học phần, quy định, quy trình về quản lý và đánh giá kết quả học tập của NH, quy định đánh giá kết quả rèn luyện, quy định về xét tốt nghiệp... đều được Nhà trường phổ biến cho NH thông qua các buổi sinh hoạt công dân vào mỗi đầu năm học [H1.01.03.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường đều có cập nhật trên Website của Nhà trường để NH tiện theo dõi [H5.05.02.07], [H5.05.02.06]. Ngoài ra, tất cả các quy chế quy định về kiểm tra đánh giá NH đều được các CVHT của các lớp phổ biến thường xuyên nhằm đảm bảo cho NH hiểu và nắm rõ các quy định, quy trình này [H2.02.03.01], [H5.05.02.07].

2. Điểm mạnh

Đề cương các HP đã thể hiện rõ tiêu chí đánh giá NH thông qua thang điểm quá trình và điểm kết thúc HP.

Quy trình lập kế hoạch thi, tổ chức thi, khâu chấm thi được xây dựng và triển khai theo quy trình chặt chẽ, có sự tham gia giám sát, chỉ đạo của phòng chức năng, Khoa KTL. Các GV tuân thủ đúng về thời gian nộp đề thi, nộp bài thi.

Cơ chế phản hồi của NH được đảm bảo khách quan, minh bạch. Cơ chế phúc khảo

điểm được đảm bảo thuận lợi cho mỗi SV....

3. Điểm tồn tại

Về vấn đề phản hồi điểm của NH, mặc dù GV phụ trách học phần đã thông báo điểm đến NH qua nhiều hình thức khác nhau, tuy nhiên vì lý do chủ quan, một số trường hợp việc phản hồi của NH đôi lúc bị chậm so với thời hạn đã thông báo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện quy trình đánh giá kết quả học tập NH sát yêu cầu thực tế của xã hội, đảm bảo tính công bằng, khách quan cho NH và xã hội. Cần đôn đốc, nhắc nhở, phổ biến đến NH về quyền được phản hồi về kết quả đánh giá học tập để NH phản hồi kịp thời, nhằm đảm bảo quyền lợi NH.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công khai tới NH các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH. Động viên, khích lệ GV thực hiện tốt nhiệm vụ.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

CSGD/khoa/bộ môn, GV sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra/đánh giá kết quả học tập

Phương pháp đánh giá của CTĐT ngành Dược học rất đa dạng và luôn đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Hoạt động đánh giá kết quả học tập luôn tuân thủ theo Quy chế đào tạo, quy định thi, kiểm tra, đánh giá và các văn bản hướng dẫn ra đề thi của MIT. Ngoài ra, các hình thức áp dụng trong kiểm tra đánh giá, Khoa luôn bám sát CTĐT với CĐR đã biên soạn, đồng thời thực hiện đầy đủ các hoạt động kiểm tra

đánh giá theo ĐCCT HP. Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong CTĐT ngành Dược học được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo quá trình và đánh giá tổng kết/định kỳ. Đánh giá theo quá trình bao gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá bài tập, đánh giá thuyết trình. Đánh giá tổng kết định kỳ bao gồm: kiểm tra viết, kiểm tra trắc nghiệm, bảo vệ và thi vấn đáp, báo cáo, đánh giá thuyết trình và đánh giá làm việc nhóm. Việc lựa chọn trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá HP được quy định cụ thể tại mục “Phương pháp đánh giá SV” trong ĐCCT HP ngành LKT **[H1.01.02.07]**, **[H1.01.03.05]**. Điểm tổng hợp đánh giá HP được tính bằng tổng của 40% điểm quá trình và 60% điểm thi cuối kỳ. Hình thức thi cuối kỳ có thể là kiểm tra viết hoặc kiểm tra trắc nghiệm. Hiện tại, Khoa vẫn chưa xây dựng được ngân hàng đề thi của các HP nên vẫn chưa đảm bảo tính khách quan. Với các HP thi theo hình thức kiểm tra viết, khoa KTL nộp về phòng KT-ĐBCL bao gồm đề thi và đáp án theo đúng số lượng và biểu mẫu quy định và phải được niêm phong đảm bảo theo quy định **[H5.05.01.01]**. Đối với đồ án, khóa luận tốt nghiệp, điểm của mỗi NH sẽ là điểm trung bình của 03 GV đánh giá (GV hướng dẫn và 02 GV phản biện) tại “Quy định về đồ án, khóa luận tốt nghiệp của MIT” được ban hành năm 2018 **[H5.05.03.01]**. Các loại điểm này được cập nhật, công bố cho từng NH qua tài khoản phần mềm của NH đã được Trường cấp ngay từ đầu khóa học **[H4.04.02.06]**.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CDR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng.

Các tiêu chí kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH phân định rõ ràng mức độ đạt/không đạt nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị. Quy chế đào tạo của Nhà trường quy định rõ cách tính điểm HP được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và quy định rõ mức độ đạt/không đạt theo thứ tự giỏi, khá, trung bình, trung bình yếu, kém **[H3.03.01.04]**. Nhà trường ban hành quy định biên soạn và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc HP **[H5.05.03.02]**, **[H5.05.03.02]**.

Cơ cấu đề thi được xây dựng phù hợp với nội dung HP đồng thời phân loại được kết quả học tập của SV. Cấu trúc đề thi và đáp án được thiết kế đúng quy định trong “Biểu mẫu đề thi kết thúc HP”. Công tác đánh giá kết quả NH được Phòng KT-ĐBCL quản lý và tổ chức đảm bảo công bằng, khách quan theo đúng quy định của Nhà trường **[H5.05.01.01]**. Trong các quy định thể hiện rõ các quy trình từ khâu ra đề đến khi công bố và lưu trữ kết quả của NH. Công tác tổ chức thi luôn đảm bảo tuân theo đúng quy trình, quy định. Cuối mỗi kỳ thi, phòng KT-ĐBCL đều báo cáo tổng kết công tác tổ chức thi **[H5.05.03.04]**. Quá trình chấm thi kết thúc HP được quy định rõ ràng, việc chấm thi phải do hai cán bộ chấm thi đảm nhiệm **[H5.05.03.05]**. Để đảm bảo tính công khai và công bằng trong việc đánh giá quá trình, Nhà trường quy định GV phải công bố công khai điểm quá trình cho NH trước lớp trước khi kết thúc môn học được thể hiện rõ ràng trong quy định quản lý và đánh giá kết quả học tập của NH **[H5.05.01.01]**.

Việc chấm phúc khảo và khiếu nại điểm được thực hiện tuân thủ theo quy định, quy trình của Nhà trường [H5.05.02.01], [H5.05.03.06]. Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý đào tạo của Trường với bảng điểm ghi đã công bố, NH có trách nhiệm báo và đề nghị Phòng KT-ĐBCL kiểm tra lại và trả lời cho NH về kết quả kiểm tra. Để phúc khảo bài thi cuối kỳ, NH nộp đơn cho Phòng KT-ĐBCL trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày điểm được công bố trên phần mềm quản lý đào tạo. Việc tổ chức chấm phúc khảo được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà trường.

Sau khi phân tích kết quả học tập của NH qua từng học kỳ và kết quả khảo sát ý kiến NH về các phương pháp đánh giá NH, Khoa tổ chức họp đánh giá đề thi, từ đó có những hiệu chỉnh về hình thức đánh giá NH cho phù hợp với thực tế [H5.05.03.07], [H5.05.02.04], [H5.05.03.08].

Cổng thông tin SV, Website và phần mềm quản lý đào tạo là các công cụ được sử dụng hỗ trợ cho việc nâng cao độ giá trị, độ tin cậy và độ công bằng cho các phương pháp đánh giá. Các thông báo về lịch thi, điểm thi, CTĐT, ĐCCT, đều được công khai, tạo điều kiện cân bằng cho NH tiếp cận với thông tin liên quan đến hoạt động kiểm tra đánh giá [H1.01.01.04], [H4.04.02.07], [H4.04.02.06].

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành quy định liên quan đến việc lấy ý kiến NH về các phương pháp kiểm tra/đánh giá nhằm kiểm chứng tính khách quan, công bằng như: khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV” theo “Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan” được ban hành năm 2018 và điều chỉnh cập nhật năm 2021 [H1.01.02.11]. Cuối mỗi học kỳ, phòng KT-ĐBCL đều tiến hành lấy ý kiến khảo sát NH đang học về hoạt động dạy học bằng hình phát phiếu hoặc trực tuyến trên cổng thông tin NH [H2.02.03.03] theo biểu mẫu “Phiếu lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy của GV” [H4.04.03.07] gửi kết quả khảo sát cho Khoa KTL làm cơ sở cải tiến tốt hơn nữa các PPKTĐG năng lực của NH cũng như phương pháp dạy học của GV [H4.04.03.08].

2. Điểm mạnh

PPKTĐG kết quả học tập của NH trong quá trình giảng dạy GV Khoa KTL luôn sử dụng đa dạng, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu từng HP; đánh giá được mức độ tích lũy của NH về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai và kịp thời cho NH.

3. Điểm tồn tại

CTĐT ngành LKT chưa tổ chức khảo sát và đánh giá đầy đủ về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá. Chưa thực sự nắm bắt hoàn toàn nguyện vọng, đánh giá của NH về cách thức tổ chức các loại hình kiểm tra, đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Triển khai các đợt khảo sát, xem xét việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá; Rút kinh nghiệm sau mỗi đợt khảo sát để nắm bắt nguyện vọng của NH nhằm cải tiến cách thức đánh giá NH.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công khai tới NH các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH; Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH, chú trọng đánh giá theo năng lực NH.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH.

Với mục đích tạo điều kiện cho NH nhanh chóng biết được kết quả đánh giá kết quả học tập để có kế hoạch điều chỉnh học tập của bản thân, năm 2015, Nhà trường có quy định rõ ràng về thời gian phản hồi kết quả đánh giá và được thường xuyên điều chỉnh, cập nhật **[H5.05.01.08]**, **[H5.05.01.01]**. Cụ thể, quy định hiện hành được ban hành năm 2021 tại Điều 20 “Công khai và phản hồi kết quả học tập, kết quả thi kết thúc học phần” quy định: “GV giảng dạy học phần có trách nhiệm công khai điểm tổng kết quả trình học và giải đáp các thắc mắc cho NH (nếu có) bao gồm: điểm đánh giá chuyên cần và kết quả kiểm tra thường xuyên và những trường hợp NH không đủ điều kiện dự thi, GV phải thông báo cho NH được biết trong buổi học cuối cùng của học phần hoặc chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày học cuối cùng của học phần”. Đối với điểm thi kết thúc học phần sẽ được Phòng KT-ĐBCL công bố ngay sau khi hoàn thành việc chấm thi.

Đối với việc phản hồi kết quả phúc khảo, trường cũng có quy định rõ ràng tại Khoản 1, Điều 18 của Quy định quản lý và đánh giá kết quả học tập của NH, cụ thể là: “Chấm phúc khảo bài thi chỉ áp dụng đối với hình thức thi viết trên giấy; Trong thời

gian 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố điểm thi, nếu có yêu cầu chấm phúc khảo bài thi, NH phải làm “Đơn xin phúc khảo” theo mẫu nộp tại Phòng KT-ĐBCL và nộp lệ phí phúc khảo tại Phòng Tài chính Kế toán. Phòng KT-ĐBCL chịu trách nhiệm tập hợp toàn bộ đơn xin phúc khảo, tra cứu bài thi; Phòng KT-ĐBCL gửi văn bản đề nghị Khoa/Bộ môn hỗ trợ cán bộ chấm phúc khảo; Thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi hết hạn nhận đơn; Bộ môn cử 02 GV chấm phúc khảo và hoàn thành chấm không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ Phòng KT-ĐBCL; GV chấm phúc khảo thực hiện như Khoản 2 Điều 11 của quy định. Bút dùng để chấm phúc khảo có màu mực phân biệt với màu mực chấm lần đầu; Sau khi chấm phúc khảo, trường hợp có sự thay đổi kết quả của bài thi, Phòng KT-ĐBCL sẽ cập nhật lại kết quả điểm thi. Biên bản chấm phúc khảo bài thi được sao lưu tại các bộ phận: Phòng KT-ĐBCL (bản gốc), khoa/bộ môn (bản sao); Kết quả phúc khảo là kết quả cuối cùng. Sau 10 ngày hết hạn nộp đơn, NH xem kết quả phúc khảo tại: <https://bitly.com.vn/be0bu2>; Phòng KT-ĐBCL không được cho NH trực tiếp xem bài thi khi sinh viên yêu cầu” **[H5.05.01.01]**, **[H5.05.03.04]**, **[H5.05.03.05]**.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và NH.

Đối với GV, Nhà trường công khai các quy định về thời gian phản hồi kết quả đánh giá được công khai thông qua các Khoa quản lý CTĐT. Ngoài ra, Nhà trường còn công bố các quy định về thời gian phản hồi này trong các quy định trên website chính thức của Nhà trường **[H5.05.01.11]**.

Đối với NH, Nhà trường có thông báo các quy định này trong sổ tay điện tử trên cổng thông tin NH **[H5.05.04.01]**. NH nào chưa nắm các quy định trên trong sổ tay điện tử sẽ được phổ biến thêm trong tuần lễ sinh hoạt công dân vào mỗi đầu năm học của Nhà trường **[H1.01.03.10]**, **[H5.05.02.05]**. Ngoài ra, Nhà trường còn phân công cố vấn học tập phụ trách quản lý từng lớp và thường xuyên phổ biến và giải đáp thắc mắc cho NH về những vấn đề liên quan đến SV, trong đó có các quy định, quy trình liên quan đến công tác đánh giá kết quả NH trong quá trình học tại trường **[H4.04.02.05]**.

NH được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời.

Kết quả học tập được công bố trên cổng thông tin NH để NH có thể tra cứu bằng tài khoản cá nhân do Nhà trường cung cấp **[H4.04.02.06]**. Nhà trường đã tiến hành khảo sát sự hài lòng của NH sắp tốt nghiệp và NH đang học của ngành LKT về việc phản hồi kết quả đánh giá **[H2.02.03.03]**, **[H5.05.04.02]**, **[H5.05.04.03]**. Theo đó, đa số NH hài lòng với thời gian phản hồi kết quả đánh giá của Nhà trường: Tỷ lệ hài lòng của NH sắp tốt nghiệp các năm học 2018-2019, 2019-2020 tương ứng như sau: 83%, 84%. Tỷ lệ hài lòng của NH đang học như sau: Năm học 2019- 2020: 85% cho câu hỏi khảo sát “Kết quả học tập được thông báo đến NH kịp thời”; năm học 2020-2021: hơn 90% cho câu hỏi khảo sát “Thời gian công bố kết quả kiểm tra - đánh giá kịp thời để NH thực hiện các hoạt động cải thiện việc học tập” và 89% cho câu hỏi khảo sát “Thời gian công bố kết quả khiếu nại, phúc khảo kết quả học tập kịp thời để NH thực hiện

các hoạt động cải thiện việc học tập”.

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập.

Mỗi học kỳ, Khoa KTL hợp, xem xét kết quả đánh giá học tập của NH và trên cơ sở đó đưa ra các đề xuất giải pháp theo từng năm để giúp NH cải thiện việc học tập [H5.05.04.04]. Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022, Trường đã tiến hành khảo sát NH đang học ngành LKT về việc lập kế hoạch cải thiện việc học tập sau khi nhận được thông tin phản hồi về kết quả đánh giá [H5.05.04.05], [H5.05.04.06]. Kết quả khảo sát 50 NH ngành LKT cho thấy có 84% NH sau khi nhận được thông tin phản hồi về kết quả đánh giá (thường kỳ và kết thúc học phần) đã tự lên kế hoạch cụ thể để cải thiện việc học tập; 92% NH sau khi thực hiện kế hoạch để cải thiện việc học tập, kết quả học tập đã có tiến bộ [H5.05.04.07]. Hoạt động khảo sát này mới được thực hiện một lần nên chưa có dữ liệu để đối sánh.

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của NH được quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác và an toàn. Các cố vấn học tập tích cực làm tốt chức năng nhiệm vụ của mình để giúp NH hoàn thành chương trình học tập đúng thời hạn và đạt kết quả tốt. Cố vấn học tập đã sát sao tình hình học tập của NH để từ đó NH nắm bắt được kết quả học tập của mình và có kế hoạch cải thiện việc học tập.

3. Điểm tồn tại

Một vài học phần còn chậm công bố kết quả học tập cho SV. Trường mới thực hiện khảo sát NH việc sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập nên chưa có dữ liệu đối sánh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng chậm công bố kết quả học tập chi SV. Từ năm học 2021-2022, hằng năm, Phòng KT- ĐBCL khảo sát NH về cải thiện kết quả học tập và gửi báo cáo về Ban Giám hiệu và Khoa để Khoa có thêm thông tin đề ra các giải pháp giúp NH cải thiện việc học tập.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Đảm bảo thông báo kết quả đánh giá học tập kịp thời và dễ tra cứu, tạo điều kiện thuận lợi cho NH nhanh chóng nắm bắt thông tin về kết quả học tập.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

NH được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần.

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập của NH thực hiện theo quy định về phúc khảo trong Quy định quản lý và tổ chức đánh giá kết quả học tập của NH [H5.05.01.01], [H5.05.01.08] và Quy trình phúc khảo [H5.05.03.05]. Quy định, quy trình khiếu nại điểm được công bố công khai trên Website của Phòng KT-ĐBCL [H5.05.02.01], [H5.05.01.11] và được CVHT thông báo công khai đến NH trong buổi gặp mặt đầu khóa học, sinh hoạt công dân đầu năm [H1.01.03.10], sinh hoạt lớp [H4.04.02.05] [H5.05.05.01]. Ngoài ra, trong sổ tay NH có hướng dẫn về vấn đề cập nhật và kiểm tra điểm thi cũng như cách thức xử lý sai sót điểm [H5.05.04.01].

Lịch thi kết thúc HP được công bố cho NH thông qua tài khoản phần mềm của NH [H4.04.02.06]. Đối với kết quả thi, sau khi GV chấm thi xong, Phòng KT-ĐBCL kiểm tra và công bố trên phần mềm quản lý đào tạo, NH cũng sẽ biết được kết quả thi kết thúc HP của mình. Thông qua hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo, NH tra cứu kết quả học tập dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H4.04.02.06].

Hàng năm, việc khiếu nại về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

Về việc phúc khảo bài thi cuối kỳ, NH được quyền phúc khảo bài thi nếu thấy kết quả điểm thi không đúng như kết quả mà mình mong muốn [H5.05.03.05]. Phòng KT-ĐBCL sẽ là nơi nhận đơn phúc khảo của SV. Phòng KT-ĐBCL sẽ phối hợp với Khoa tổ chức chấp phúc khảo các bài thi được yêu cầu phúc khảo. Trong trường hợp cần thiết, Khoa sẽ tiến hành họp khẩn để xem xét, giải quyết thỏa đáng quyền lợi của SV. Kết quả điều chỉnh, sửa điểm học phần muộn nhất 10 ngày sau khi có đơn và hồ sơ đề nghị [H5.05.05.03], [H5.05.05.04]. Sau khi có kết quả phúc Khảo, Phòng KT-ĐBCL sẽ công bố kết quả phúc khảo lên website [H5.05.05.02], đồng thời cập nhật lại điểm

trên phần mềm đối với các trường hợp thay đổi điểm. Nếu NH chưa đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại về điểm thi, Khoa sẽ họp Hội đồng Khoa học đào tạo của Khoa lần 2 để đưa ra phương án giải quyết (thực tế cho đến nay, tại Khoa KHSK chưa có trường hợp này).

CVHT các lớp luôn quan tâm, hướng dẫn cho NH (trong trường hợp NH có mong muốn khiếu nại về điểm thi), nắm bắt kết quả giải quyết điểm thi, trao đổi với GV phụ trách các HP để hỗ trợ NH trong suốt quá trình học **[H2.02.03.01]**

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của NH, giúp NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại để bảo đảm quyền lợi của mình. Trường có các bộ phận chuyên trách để hỗ trợ NH trong quá trình giải quyết khiếu nại một cách nhanh chóng và thuận lợi. Trường có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ NH trong suốt quá trình giải quyết khiếu nại về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

SV chưa mạnh dạn trong việc yêu cầu phúc khảo bài thi do chưa nắm rõ cách thức phúc khảo bài thi, một số trường hợp chưa chủ động đọc và tìm hiểu kỹ quy trình phúc khảo bài thi được đăng tải trên Website của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cố vấn học tập, giáo vụ của khoa, CB Phòng KT-ĐBCL cần tích cực hơn nữa trong việc hỗ trợ, tư vấn cho NH cách thức phúc khảo bài thi. Vận động NH mạnh dạn hơn trong quá trình học để khoa có thêm cơ sở nâng cao hiệu quả công tác đánh giá NH. Đề ra chế tài cụ thể đối với CB vào điểm, đọc điểm và chấm thi để giảm sai lệch kết quả.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các quy định về giải quyết các khiếu nại kết quả học tập của NH, giúp NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.	Phòng KT-ĐBCL	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của NH đối với CTĐT ngành LKT bậc đại học được thực hiện một cách chuyên nghiệp, tuân thủ đúng các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Trường, phù hợp với CDR, được thông báo rõ ràng và công khai tới NH với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính công khai, tin cậy và công bằng. Việc công bố kết quả học tập công khai và cơ chế phản hồi, khiếu nại rõ ràng để NH biết và thực hiện. Cùng với đó, Trường có cơ chế cảnh báo học tập với những NH có kết quả học tập yếu, kém trong từng học kỳ để NH biết và xây dựng kế hoạch học tập phù hợp.

Bên cạnh đó, việc đánh giá kết quả học tập của NH còn một số tồn tại như: chưa tổ chức khảo sát và đánh giá đầy đủ về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá. Chưa thực sự nắm bắt hoàn toàn nguyện vọng, đánh giá của NH về cách thức tổ chức các loại hình kiểm tra, đánh giá. Một vài học phần còn chậm công bố kết quả học tập cho SV. Trường mới thực hiện khảo sát NH việc sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập nên chưa có dữ liệu đối sánh. NH chưa mạnh dạn trong việc yêu cầu phúc khảo bài thi do chưa nắm rõ cách thức phúc khảo bài thi.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 5

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 5								4.40	5	100
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5					5					

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu: Là lực lượng chủ chốt trong quy trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho ngành LKT, đội ngũ GV của Khoa KTL quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng

yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, tiếp nhận và đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định, dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy, đào tạo và thành tích học thuật của các ứng viên. Nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo được Khoa phân công phù hợp với trình độ, kinh nghiệm của từng GV.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Có kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV, nghiên cứu viên thực hiện chương trình (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Yêu cầu đào tạo, NCKH của MIT thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển MIT giai đoạn 2015 – 2020, Kế hoạch chiến lược phát triển MIT giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.06], [H6.06.01.02]. Để thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển, đáp ứng nhu cầu đã được đặt ra, Nhà trường xác định công tác quy hoạch đội ngũ GV là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Trên cơ sở đó, phòng HCNS đã trình ban hành các quy chế, quy định liên quan đến việc tuyển dụng, quản lý đội ngũ GV [H6.06.01.02], [H6.06.01.03], [H6.06.01.04]. Các văn bản nêu trên đã tạo cơ sở rõ ràng để Nhà trường tuyển dụng và xây dựng đội ngũ GV chất lượng, tuân thủ quy định pháp luật [H6.06.01.05], [H6.06.01.06]. Theo đó, Nhà trường xác định quy mô đào tạo sẽ tăng dần và đạt 400 NH vào năm học 2023-2024. Trong khi đó, nhân lực năm 2019 đáp ứng đào tạo cho 300 NH với 02 TS. Ngoài ra, để nâng cao chất lượng đào tạo, Trường cần có tối thiểu 05 TS, cần có lộ trình tăng thêm 02 TS chuyên ngành Luật kinh tế trong năm 2021-2022. Kết quả, đến cuối năm 2021, Trường đạt chỉ tiêu có 05 TS.

Kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV, nghiên cứu viên được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Bên cạnh các quy định, quy chế về tuyển dụng nhân sự, việc tuyển dụng, phát triển đội ngũ GV trên cơ sở nhu cầu của ngành LKT. Phòng HCNS phối hợp cùng với ngành LKT xác định thực trạng đội ngũ GV, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV ngành LKT để từ đó xây dựng Đề án phát triển đội ngũ GV của ngành LKT [H6.06.01.07], [H6.06.01.08], [H6.06.01.09], [H6.06.01.10], [H6.06.01.11].

Phòng HCNS trình BGH ban hành kế hoạch phát triển đội ngũ GV của ngành LKT mang tính chất dài hạn 05 năm, giai đoạn 2015-2020 và Kế hoạch đã được thực thi cụ thể trên thực tế [H6.06.01.12], [H6.06.01.13], [H6.06.01.14]. Theo đó, từ năm 2015 đội ngũ GV của ngành có thiếu về số lượng và chất lượng. Thực thi kế hoạch phát triển đội ngũ, Phòng HCNS chú trọng tuyển dụng đội ngũ GV có trình độ TS. Từ

01 TS đủ duy trì ngành theo quy định pháp luật thì đến nay, đội ngũ GV cơ hữu đã đáp ứng về số lượng và có 03 TS.

MIT luôn quan tâm đến việc phát triển đội ngũ GV nói chung và ngành LKT nói riêng. Nhà trường xác định, để phát triển đội ngũ GV gắn bó với Nhà trường, Trường cần xây dựng được chính sách lương, thưởng phúc lợi hấp dẫn tương xứng với khối lượng công việc được giao [H6.06.01.15], [H6.06.01.16], [H6.06.01.17], [H6.06.01.18]. Khối lượng công việc được cụ thể hóa bằng bản mô tả vị trí công việc của GV [H6.06.01.19], [H6.06.01.20]. Chính sách tuyển dụng của Nhà trường đã góp phần vào việc tuyển dụng đội ngũ GV chất lượng của ngành LKT [H6.06.01.21].

Phòng HCNS chủ trì tổ chức đánh giá việc thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV để từ đó đưa ra các cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ GV cơ hữu [H6.06.01.22].

Đội ngũ GV cơ hữu tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng. Theo đó, năm 2021, ngành có 03 GV tham gia hiến máu. Ngành có 02 GV tham gia hỗ trợ công tác phòng chống dịch covid-19 và hỗ trợ trao quà cho khu cách ly y tế [H6.06.01.23].

2. Điểm mạnh

Do việc quy hoạch đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa hết sức chú trọng và triển khai kịp thời, theo nhu cầu nhân lực của ngành LKT và theo phân tích nhu cầu đội ngũ GV nên đội ngũ GV ngành LKT được quy hoạch, tỷ trọng GV có trình độ TS cao, đáp ứng đầy đủ yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Năng lực nghiên cứu khoa học quốc tế của GV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức tập huấn công bố bài báo quốc tế ít nhất 02 lần/năm.	Phòng ĐTDH-NCKH-HTQT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác bồi dưỡng cán bộ, nâng cao chế độ chính sách và phúc lợi.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hàng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ GV/NH của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

Tổng số GV tham gia giảng dạy tại ngành LKT tính đến 11/2021 là 10; Số GV đạt trình độ TS là 05 (chiếm 50%), Thạc sĩ là 05 (chiếm 50%), số GV đang làm nghiên cứu sinh trong nước là 01 (chiếm 10%). Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu, Khoa KTL còn có sự hợp tác đồng đào các GV kiêm nhiệm, thỉnh giảng là các nhà khoa học, GV có uy tín từ nhiều trường đại học khác [H6.06.02.01]. Khoa có đủ số lượng GV đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện CTĐT ở các chuyên ngành [H6.06.02.02], [H6.06.02.03], [H6.06.02.04], [H6.06.02.05]. Tỷ lệ GV quy đổi/NH của ngành LKT trong những năm gần đây khá ổn định và cải thiện theo từng năm, đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H6.06.02.06]. Trong năm 2020-2021, tỷ lệ GV quy đổi/SV là 1/6. Đây là kết quả của công tác quy hoạch và chính sách tuyển dụng hiệu quả [H6.06.02.07], [H6.06.02.08], [H6.06.01.04], [H6.06.02.09].

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện

Khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên theo giờ chuẩn được thể hiện cụ thể trong Quy chế GV [H2.02.03.02] và Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H6.06.02.10]. Trong các quy chế đã quy định rõ số giờ chuẩn trong một năm của từng GV, bao gồm số giờ giảng dạy và số giờ NCKH, quy định số giờ được miễn giảm đối với GV thực hiện các công việc kiêm nhiệm. Cụ thể:

	Hoạt động giảng dạy		Hoạt động NCKH		Hoạt động chuyên môn, nhiệm vụ khác	Tổng cộng
	Giờ hành chính	Giờ chuẩn	Giờ hành chính	Giờ chuẩn	Giờ hành chính	Giờ hành chính
Giảng viên I	1.500	500			260	1.760
Giảng viên II	1.200	400	300	100	260	1.760
Giảng viên III	1050	350	600	200	110	1.760

Ngoài ra, Quy chế cũng đưa ra hệ số quy đổi giờ chuẩn đối với các lớp đông vì dụ dưới 40 hệ số 1, từ 41-60 hệ số 1.1. Hệ số quy đổi giờ lý thuyết, giờ thực hành. Hệ số giữa các trình độ đào tạo. Quy định giờ chuẩn đối với luận án, khóa luận, luận văn thạc sĩ. Quy định giờ quy đổi đối với giờ coi thi, chấm thi.

Các quy chế được Phòng Tài chính Kế toán và Phòng Hành chính – Nhân sự triển khai đến các đơn vị liên quan bằng bản cứng và bản mềm qua email. Bên cạnh đó, Trường còn tổ chức Hội nghị triển khai và hướng dẫn các quy quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ của GV trong Nhà trường [H6.06.02.11]. Vì thế, GV của Nhà trường đều nắm được các quy định về giờ chuẩn, hệ số quy đổi giờ chuẩn của mình.

Có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV, nghiên cứu viên.

Trong quy chế GV [H2.02.03.02] và Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H6.06.02.10] có quy định rõ khối lượng của từng GV trong một năm. Khối lượng làm việc của GV được phân thành giờ giảng dạy, giờ NCKH và giờ thực hiện các hoạt động chuyên môn khác. Các hoạt động được quy đổi giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và giờ thực hiện các hoạt động chuyên môn khác cũng được quy định cụ thể, chi tiết tại các phụ lục đính kèm theo quy chế. Theo đó, cứ 03 giờ hành chính bằng với 01 giờ giảng dạy. Giảng viên được phân thành loại I, II, III tương ứng với số giờ giảng, giờ NCKH khác nhau. Trường yêu cầu đối với GV TS có khối lượng giờ NCKH cao hơn so với giảng viên khác nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH và tận dụng được năng lực NCKH của TS.

Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, nghiên cứu viên được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Khoa là đơn vị giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, nghiên cứu viên của Khoa. Đồng thời, Phòng Hành chính – Nhân sự là đơn vị chịu trách nhiệm giám sát khối lượng công việc của CB, GV của toàn trường [H6.06.01.02]. Căn cứ vào quy định về khối lượng công việc của GV, cuối mỗi năm học, GV tự thống kê số giờ giảng dạy của mình, lãnh đạo Khoa/Giám đốc chương trình cùng với Phòng Đào tạo đại học – NCKH và Hợp tác quốc tế sẽ rà soát và xác nhận vào bảng kê giờ giảng. Khoa căn cứ vào bảng kê khối lượng công việc trong một năm của GV sẽ đánh giá mức độ hoàn thành công việc được giao của từng GV và đánh giá chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng trong một năm của Khoa nói chung và ngành LKT nói riêng, qua đó làm cơ sở để Khoa thực hiện cải tiến trong thời gian tới nhằm đạt được mục tiêu đào tạo của Nhà trường và của CTĐT [H6.06.02.12]. Phòng HCNS là đơn vị chủ trì giám sát. Việc giám sát thực hiện ngay từ khâu phân công kế hoạch làm việc của khoa đến khi sơ kết cuối kỳ và tổng kết cuối năm học. Nội dung giám sát chủ yếu việc đảm bảo giờ giảng, giờ NCKH, giờ hành chính. Trường hợp GV không hoàn thành khối lượng công việc, Phòng HCNS sẽ trao đổi với lãnh đạo khoa khắc phục hoặc đưa ra phương án xử lý trình Hiệu trưởng [H2.02.03.02].

2. Điểm mạnh

Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho NH ngành LKT, đảm bảo tỉ lệ quy đổi GV/SV.

Công việc của đội ngũ GV được quy đổi ra giờ chuẩn, được giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Năng lực NCKH quốc tế của GV còn hạn chế mặc dù Nhà trường đã có nhiều chế độ ưu đãi đối với GV có công trình công bố quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Chú trọng năng lực NCKH quốc tế khi tuyển dụng GV	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các quy định về tỉ lệ GV/SV và khối lượng công việc của GV đảm bảo đúng quy định; Tiếp tục phát huy việc giám sát công việc của GV.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hàng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định

MIT xác định công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Nhà trường đã ban hành Quy chế về công tác CB của

MIT, Quy định tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng ngạch GV và Quy định tuyển dụng, sử dụng đội ngũ GV của MIT [H6.06.01.04], [H6.06.01.03], [H6.06.03.01]. Về việc bổ nhiệm cán bộ, Trường có các quy định hết sức cụ thể với các tiêu chí rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Các chức danh Trưởng khoa, Phó khoa, Giám đốc CTĐT được quy định cụ thể [H6.06.03.02]. Việc bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo được thực hiện theo đúng quy định của Nhà đầu tư [H6.06.03.03], [H6.06.03.04], [H6.06.03.05]. Theo đó, GV là Người tham gia hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chuyên môn khác trong Trường có ký hợp đồng lao động, hưởng lương và tham gia bảo hiểm xã hội từ Trường (trừ những trường hợp có thỏa thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật). Phòng HCNS thông báo toàn trường việc tuyển dụng GV. Việc tuyển dụng GV được thông báo rộng rãi trên trang web của phòng HCNS, trang Facebook của HCNS với đầy đủ thông tin về vị trí, số lượng, yêu cầu và chính sách phúc lợi [H6.06.03.16]. Để trở thành GV, nhân sự phải có trình độ thạc sĩ đúng chuyên ngành giảng dạy trở lên. Theo Quy chế Tổ chức và Hoạt động, Trưởng khoa có trình độ tiến sĩ hoặc tương đương phù hợp với ngành đào tạo tại Khoa; có năng lực quản trị cấp Khoa; có sức khỏe, uy tín trong giảng dạy, NCKH. Phó Trưởng khoa phải có trình độ thạc sĩ trở lên, là giảng viên có uy tín, có sức khỏe, có kinh nghiệm trong giảng dạy, NCKH và có năng lực quản lý; Phó Trưởng khoa phụ trách đào tạo, KHCN phải có trình độ tiến sĩ. Ngoài ra, theo Quy chế GV, cán bộ quản lý, chuyên viên đang làm việc tại các đơn vị thuộc Trường, đáp ứng đủ tiêu chuẩn đối với giảng viên và giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý.

Để xây dựng đội ngũ GV chất lượng, có tính kế thừa, phòng HCNS đã tham mưu BGH xây dựng kế hoạch phát triển và ban hành các chính sách phù hợp. Cụ thể, Trường đã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV [H6.06.01.15], [H6.06.01.16] cho toàn trường, trong đó có đội ngũ GV ngành LKT. Trường đã cho đi đào tạo thạc sĩ tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh đối với 02 GV, cử học tiến sĩ 01 GV tại Trường Đại học Luật Hà Nội. Trường cũng đã ban hành đề án vị trí việc làm của GV thông qua việc mô tả các nhiệm vụ, mối quan hệ trong công việc [H6.06.01.19], [H6.06.01.20].

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến công khai.

Các văn bản này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CB, GV của Nhà trường, trong đó quy định việc tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm GV rõ ràng, cụ thể. Tiêu chí tuyển dụng được xác định bao gồm: (1) Có phẩm chất, đạo đức tốt; (2) Có bằng thạc sĩ trở lên; (3) Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; (4) Có năng lực sư phạm và khả năng NCKH [H6.06.03.02], [H6.06.03.06]. Việc tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy trình, bao gồm việc thông báo tuyển dụng [H6.06.02.07], thành lập Hội đồng tuyển dụng, thử việc và đánh giá kết quả thử việc [H6.06.03.07], [H6.06.03.08], [H6.06.03.09], [H6.06.03.10], [H6.06.03.11],

[H6.06.03.12], [H6.06.03.13], [H6.06.03.14], [H6.06.03.15]. Phòng HCNS thông báo toàn trường việc tuyển dụng GV. Việc tuyển dụng GV được thông báo rộng rãi trên trang web của phòng HCNS, trang Facebook của HCNS với đầy đủ thông tin về vị trí, số lượng, yêu cầu và chính sách phúc lợi **[H6.06.03.16].**

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về tiêu chuẩn và tiêu chí lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm GV, làm cơ sở cho công tác lựa chọn và tuyển dụng bổ nhiệm GV được tiến hành một cách công khai, minh bạch, xuất phát từ nhu cầu nhân lực của các đơn vị trong Trường.

3. Tồn tại

Kênh truyền thông tuyển dụng vẫn chưa có sức lan tỏa mạnh mẽ nên khả năng tiếp cận với các bên liên quan còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phối hợp với một số trang tuyển dụng uy tín để đăng công khai tuyển dụng	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các quy định về chính sách lương, phúc lợi để nâng cao đời sống của GV, giúp GV gắn bó với Trường.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hàng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành.

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã tiến hành soạn thảo và ban hành các văn bản quy định chi tiết về tiêu chuẩn, khối lượng công việc, đề án vị trí việc làm đối với GV **[H6.06.03.02], [H6.06.01.04],**

[H6.06.01.03], [H6.06.03.01], [H6.06.01.19], [H6.06.01.20]. Theo đó, năng lực giảng viên được xác định cụ thể, được tính toán cụ thể theo các tiêu chí như sau:

TT	Tiêu chí	Giảng viên TS trở lên	Giảng viên
1	Chức danh, học vị	45%	25%
1.1	Giáo sư, Tiến sĩ	45	
1.2	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	35	
1.3	Tiến sĩ	25	
1.4	Thạc sĩ		25
1.5	Đại học		20
1.6	Chuyên gia		30
2	Chứng chỉ nghiệp vụ		
2.1	Chứng chỉ nghiệp vụ		
3	Kinh nghiệm nghề nghiệp	15%	15%
3.1	Từ 12 năm trở lên	15	15
3.2	Từ 9 năm đến dưới 12 năm	12	12
3.3	Từ 6 năm đến dưới 9 năm	9	9
3.4	Từ 3 năm đến dưới 6 năm	6	6
3.5	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	3	3
4	Năng lực nghiên cứu khoa học	15%	15%
4.1	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí ISI, Scopus, ISSN	8	8
4.2	Xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình	7	7
5	Năng lực tiếng Anh (theo CEFR)	15%	25%
5.1	C2	15	25

TT	Tiêu chí	Giảng viên TS trở lên	Giảng viên
5.2	C1	10	20
5.3	B2	5	10
5.4	B1	0	5
6	Kỹ năng sử dụng CNTT	5%	10%
6.1	Kỹ năng sử dụng nâng cao	5	10
6.2	Kỹ năng sử dụng cơ bản	2	5
7	Độ tuổi	5%	10%
7.1	Dưới 30 tuổi	2	4
7.2	Từ 30 tuổi đến dưới 35 tuổi	3	6
7.3	Từ 35 tuổi đến dưới 45 tuổi	5	10
7.4	Từ 45 tuổi đến dưới 55 tuổi	4	8
7.5	Từ 55 tuổi trở lên	1	2

Ngoài ra, các chính sách, phúc lợi, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cũng được Phòng HCNS phổ biến đến từng GV **[H6.06.01.15]**, **[H6.06.01.16]**, **[H6.06.01.17]** thông qua việc gửi mail, tổ chức các buổi phổ biến quy định.

Năng lực của GV, NCV được đánh giá

Bên cạnh công tác phát triển đội ngũ GV, công tác đánh giá đội ngũ GV hiện hữu cũng được Nhà trường quan tâm. Công việc đầu tiên và quan trọng là việc xây dựng được hệ thống văn bản đánh giá GV. Phòng HCNS là đơn vị chủ trì, tham mưu BGH ban hành các văn bản nêu trên. Theo đó, Nhà trường đã ban hành Quy chế thi đua khen thưởng, quy định đánh giá CBGV **[H6.06.04.01]**, **[H6.06.04.02]**, **[H6.06.04.03]**, **[H6.06.04.04]**. Trên cơ sở đó, hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá CBGV **[H6.06.04.05]**, **[H6.06.04.06]**, **[H6.06.04.07]**, **[H6.06.04.08]**, **[H6.06.04.09]**, **[H6.06.04.10]**. Phòng HCNS là đơn vị đầu mối đánh giá GV. Việc đánh giá GV chủ yếu ở việc GV hoàn thành kế hoạch giảng dạy, NCKH, sự hài lòng của người học, năng lực ứng dụng CNTT trong dạy học, năng lực xây dựng và thiết kế bài giảng, năng lực xây dựng đề cương chi tiết đáp ứng chuẩn OBE.

Thông qua việc đánh giá, năng lực GV được thể hiện rõ ràng. Phòng Hành chính - Nhân sự tham mưu việc đánh giá GV bằng hồ sơ năng lực của GV, kết quả giảng

dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.02.02], [H6.06.02.04], [H6.06.02.03]. Trên cơ sở đó, các khoa tiến hành đánh giá, phân loại GV và trình BGH thông qua phòng Hành chính - Nhân sự. Kết quả đánh giá là cơ sở để khen thưởng, bổ nhiệm, điều chỉnh. Kết quả, GV ngành LKT đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, nhiều GV đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H6.06.04.11], [H6.06.04.12], [H6.06.04.13].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả vị trí việc làm của GV đã xác định rõ khung năng lực với các tiêu chí cụ thể cho từng vị trí việc làm.

Các tiêu chí đánh giá đã được xác định cụ thể.

3. Điểm tồn tại

Các tiêu chí đánh giá vẫn chưa được xác định đầy đủ, ví dụ như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát bổ sung tiêu chí đánh giá	Phòng Hành chính – Nhân sự	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các quy định về chính sách lương, phúc lợi để nâng cao đời sống của GV, giúp GV gắn bó với Trường.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hằng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện khảo sát/đánh giá nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, nghiên cứu viên.

MIT luôn chú trọng phát triển đội ngũ GV, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích và tạo mọi điều kiện để GV hoàn thành công việc của mình. Hiện tại, hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được tiến hành từ năm học 2019-2020 cho đến nay [H2.02.03.03], [H6.06.05.01]. Việc khảo sát được tiến hành bằng phương thức đa dạng thông qua lấy ý kiến trực tiếp trên web thông qua link khảo sát do phòng HCNS lập. Ngoài ra, Phòng HCNS làm việc trực tiếp với lãnh đạo các khoa để lấy ý kiến trực tiếp về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng GV [H6.06.05.04], [H6.06.05.05]. Phòng Hành chính – Nhân sự tập hợp, tiến hành phân tích, đánh giá để báo cáo BGH [H6.06.05.02]. Trên cơ sở đó, Phòng Hành chính – Nhân sự rà soát và lập danh sách nhân sự tham gia các lớp hoặc khóa đào tạo tương ứng [H6.06.05.03].

Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT.

Ngoài việc khảo sát nhu cầu đào tạo của GV thuộc các Khoa và nhu cầu thực tế của Nhà trường, Phòng Hành chính – Nhân sự còn căn cứ vào đề xuất của lãnh đạo khoa về việc bồi dưỡng, đào tạo CB, GV làm cơ sở để tham mưu BGH ban hành các kế hoạch phát triển nguồn nhân lực và kế hoạch đào tạo nghiệp vụ theo các năm [H6.06.05.04], [H6.06.05.05] và phối hợp với phòng Tài chính Kế toán ban hành các chính sách hỗ trợ GV đi học [H6.06.05.06], [H6.06.05.07], [H6.06.05.08]. Theo đó, lãnh đạo khoa căn cứ CTĐT được rà soát, điều chỉnh để làm căn cứ xác định như cầu nhân sự của khoa và góp ý trực tiếp với phòng HCNS.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, nghiên cứu viên được triển khai thực hiện. Có ít nhất 75% số GV, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của CSGD.

Trong 05 năm qua có những khóa đào tạo ngắn hạn như tập huấn tự đánh giá CTĐT, xây dựng bản mô tả CTĐT theo chuẩn OBE, kiến thức cơ bản về Luật, đào tạo cấp chứng chỉ sư phạm cho tất cả CB, GV của Nhà trường. Riêng đào tạo cho ngành LKT thì có 10 khóa ngắn hạn và hầu hết các khóa đều có sự tham gia của tất cả CB, GV của Khoa. Như vậy, tổng số lượt người được bồi dưỡng, đào tạo của CTĐT ngành LKT đảm bảo 75% so với 10 người theo kế hoạch [H6.06.05.09]. Tuy nhiên chưa có tổ chức lớp bồi dưỡng đào tạo đánh giá, nghiệp vụ chuyên ngành sâu.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, nghiên cứu viên được giám sát, đánh giá hằng năm.

Chính sách đào tạo đội ngũ GV được Nhà trường quan tâm và mong muốn cải thiện, nâng cao chất lượng. Vì vậy, Phòng Hành chính – Nhân sự chủ trì khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của GV đối với chính sách đào tạo của Nhà trường để báo cáo BGH. Qua khảo sát, đa số GV hài lòng với chính sách đào tạo của Nhà trường

[H6.0.05.10]. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát hằng năm với nhiều hình thức khác nhau. Thông qua hoạt động đánh giá, phân loại GV, CV cuối năm, quá trình học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát và ghi nhận **[H6.06.04.10]**. Các GV tham gia các khóa đào tạo. Sau khi hoàn thành khóa học, GV báo cáo kết thúc chương trình để làm cơ sở cho Nhà trường tiếp nhận và bố trí công tác hợp lý theo nhu cầu.

Phòng HCNS có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chính sách đào tạo của Nhà trường. Báo cáo nêu rõ số lượng, phương thức, hiệu quả, hạn chế và kiến nghị kèm theo **[H6.06.05.11]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ chế để xác định nhu cầu đào tạo và có chính sách khuyến khích học tập nâng cao trình độ GV.

3. Điểm tồn tại

Trình độ GV lúc tuyển dụng được xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn giảng dạy đại học nên nhiều GV không có nhu cầu học tập nâng cao trình độ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện chính sách khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ.	Phòng Hành chính – Nhân sự	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khuyến khích, cử người lao động đi học tập nâng cao trình độ.	Ban giám hiệu	Hằng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Đơn vị có kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV, nghiên cứu viên

Với từng vị trí GV, MIT có quy định cụ thể mô tả chi tiết các công việc, nhiệm vụ cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy [H6.06.01.20]. Ngoài ra, Nhà trường còn ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trong đó có hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo năm học (bao gồm giờ chuẩn trong giảng dạy và NCKH) [H6.06.02.10] và Quy chế GV [H2.02.03.02].

Đầu mỗi năm học, các Khoa/CTĐT dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao, phân công khối lượng giờ giảng cho từng GV theo quy định. Từ đó, mỗi GV sẽ lập kế hoạch năm học cụ thể, trong đó thể hiện nội dung công việc của bản thân và tiến độ thời gian hoàn thành để thuận tiện cho việc quản lý, theo dõi, giám sát lao động [H6.06.06.01]. Đồng thời, các GV cũng đăng ký thi đua trong phân loại GV, CV theo các mức: hoàn thành nhiệm vụ, lao động tiên tiến và chiến sĩ thi đua. Ngoài ra, mỗi GV cũng chủ động đăng ký các hoạt động liên quan đến giảng dạy và NCKH như: đăng ký seminar cấp bộ môn, đăng ký thao giảng các cấp (cấp Bộ môn, cấp Khoa, cấp Trường)... [H6.06.06.02].

Triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc.

Căn cứ vào kế hoạch phân công giảng dạy từng học kỳ [H06.06.03], kết quả hoạt động NCKH [H6.06.02.04] và các hoạt động hỗ trợ của GV, lãnh đạo Khoa/Giám đốc chương trình đánh giá mức độ hoàn thành công tác trong học kỳ và kế hoạch triển khai công việc học kỳ tiếp theo. Khoa nộp về Phòng Hành chính – Nhân sự để có đánh giá chung. Phòng Đào tạo đại học – NCKH và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm giám sát việc lên lớp của GV, hằng ngày dựa vào thời khóa biểu CB của đi kiểm tra và tổng hợp số liệu vào phần mềm và báo cáo [H6.06.06.04]. Dữ liệu đó là cơ sở để tính lương, thưởng cho đội ngũ GV. Việc giám sát giờ giảng của GV còn mang tính thủ công, thông tin tổng hợp không kịp thời. Tuy nhiên, trong công tác quản trị kết quả công việc của GV chưa sử dụng ý kiến phản hồi của NH làm tiêu chí đánh giá kết quả chức năng, nhiệm vụ được giao của GV.

Ngoài công tác giảng dạy, GV của ngành còn tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng. Theo đó, Đội ngũ GV cơ hữu tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng. Theo đó, năm 2021, ngành có 03 GV tham gia hiến máu. Ngành có 02 GV tham gia hỗ trợ công tác phòng chống dịch covid-19 và hỗ trợ trao quà cho khu cách ly y tế [H6.06.01.23].

Khoa KTL tiến hành đánh giá năm của GV thuộc Khoa, bình bầu các danh hiệu thi đua, sau đó bỏ phiếu chọn những cá nhân xuất sắc gửi về Phòng Hành chính – Nhân sự để tổng hợp trình Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường xét thi đua khen thưởng. Những GV hoàn thành tốt việc giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác luôn nhận được danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua, Giấy khen của Hiệu trưởng Nhà trường [H6.06.04.13], [H6.06.04.13]. Bên cạnh đó, Phòng HCNS là đơn vị đầu mối đánh giá GV vào cuối năm học. Việc đánh giá GV chủ yếu ở việc GV hoàn thành kế hoạch giảng dạy, NCKH, sự hài lòng của người học, năng lực

ứng dụng CNTT trong dạy học, năng lực xây dựng và thiết kế bài giảng, năng lực xây dựng đề cương chi tiết đáp ứng chuẩn OBE.

GV, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

Hàng năm, Công đoàn Nhà trường tổ chức Hội nghị người lao động **[H6.06.06.05]**. Kết quả báo cáo của Công đoàn Nhà trường từ năm 2016 đến năm 2021 Công đoàn trường không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo nào từ các tổ chức và cá nhân của Nhà trường về công tác thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường **[H6.06.06.06]** thông qua tất cả các hình thức tiếp nhận thông tin như: trực tiếp, hòm thư góp ý và tiếp nhận khiếu nại qua email. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thực hiện khảo sát ý kiến của CB, GV về công tác thi đua khen thưởng của Nhà trường. Kết quả đa số CB, GV đều hài lòng và không có cá nhân nào khiếu nại hoặc tố cáo về công tác này **[H6.06.06.07]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa có kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV, giúp cho Khoa có thể giám sát việc thực hiện nhiệm vụ năm học của GV.

3. Điểm tồn tại

Chưa sử dụng ý kiến phản hồi của NH làm tiêu chí đánh giá kết quả chức năng, nhiệm vụ được giao của GV;

Việc quản trị chỉ dừng lại ở mức đánh giá đối với GV mà chưa có quy định về việc tiếp nhận ý kiến phản hồi của GV về cách thức quản trị của Nhà trường và Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm 2022-2023, ý kiến phản hồi của NH là một nội dung trong đánh giá tiêu chí chất lượng giảng dạy của GV. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế tiếp nhận phản hồi của GV	Phòng Hành chính – Nhân sự	Từ năm học 2022-2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện chính sách khen thưởng, nhất là thưởng NCKH.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hằng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, nghiên cứu viên phải thực hiện.

Cùng với đào tạo, hoạt động NCKH được Nhà trường coi là một trong các nhiệm vụ trọng tâm. Nhà trường xác định, GV ngoài nhiệm vụ giảng dạy, nhiệm vụ NCKH là một nhiệm vụ quan trọng gắn liền với công tác đào tạo [H6.06.01.20]. Cụ thể, giờ NCKH của GV có trình độ thạc sĩ là 100, GV có trình độ TS là 150. Trường hợp GV NCKH vượt số giờ quy định sẽ được tính tiền tương ứng với đơn giá thỉnh giảng. Cùng với đó, Nhà trường cũng chú trọng xây dựng các văn bản làm cơ sở cho hoạt động NCKH. Cụ thể, Nhà trường đã ban hành Quy định quản lý hoạt động NCKH quy định cụ thể về việc quản lý NCKH [H6.06.07.01]; Quy định chế độ làm việc của GV quy định định mức giờ chuẩn NCKH [H6.06.02.08]; Sổ tay NCKH để phổ biến các quy định chung và hướng dẫn hoạt động NCKH [H6.06.07.02]. Trên cơ sở đó, GV của Trường nói chung và GV ngành LKT nói riêng tích cực tham gia NCKH, có các bài báo đăng trên Tạp chí chuyên ngành Luật [H6.06.07.03], [H6.06.07.04]. Các thông tin về năng lực NCKH được GV cập nhật thường xuyên trên lý lịch khoa học [H6.06.02.02], [H6.06.07.05].

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, nghiên cứu viên được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH

Qua quá trình rà soát và cải tiến, các loại hình NCKH được xác định và hoàn thiện tại Quy định chế độ làm việc của GV ban hành năm 2021 [H2.02.03.02]. Theo đó, giờ chuẩn NCKH được xác định phù hợp với từng loại GV: GV có trình độ TS có giờ chuẩn NCKH nhiều hơn GV khác. Các hoạt động NCKH được quy định cụ thể tương ứng với số giờ chuẩn được quy đổi. Ngoài ra, Trường cũng ban hành Quy chế nghiên cứu khoa học làm nền tảng cho hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.10].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã thành lập Phòng Quản lý đào tạo sau đại học, NCKH và HTQT, sau được xác nhập thành Phòng Đào tạo đại học – Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế để quản lý, giám sát NCKH [H6.06.01.02], [H6.06.07.06]. Trong 05 năm qua, GV của CTĐT ngành LKT đã tham gia thực hiện 03 đề tài NCKH cấp cơ sở [H6.06.07.07], [H6.06.07.08], viết 03 quyển giáo trình [H6.06.07.09]. Hằng năm, Phòng HCNS làm việc với từng khoa xác định việc thực hiện nhiệm vụ của GV, trong đó có nhiệm vụ NCKH. Kết quả làm việc được làm thành văn bản báo cáo BGH [H6.06.07.11]. Trên cơ sở đó, Phòng HCNS tham mưu BGH để cải tiến hoạt động NCKH cả về số lượng và chất lượng. Nhất là hoạt động NCKH cấp tỉnh tại Đồng Nai của GV còn hạn chế cần cải thiện.

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành đầy đủ các văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện và các chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV tham gia NCKH và số lượng đề tài NCKH của GV còn hạn chế, chưa có đề tài cấp tỉnh trở lên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các đề tài nghiên cứu có tính thực tiễn áp dụng cao. Tăng cường số bài báo đăng trên tạp chí quốc tế Tạo điều kiện thuận lợi và hoàn thiện chính sách thu hút GV tham gia NCKH NCKH.	GV của Khoa KTL Nhà trường	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV và các chính sách thu hút GV tham gia NCKH.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hàng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Ngành LKT với đội ngũ GV có trình độ cao, có kiến thức thực tiễn và hoạt động NCKH với chất lượng tốt đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong công tác đào tạo sinh viên. Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ luôn được sự quan tâm và tạo điều kiện của Trường. Hằng năm, việc đánh giá GV được Nhà trường và ngành thực hiện qua nhiều hình thức để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Đội ngũ GV về cơ bản đảm bảo được trình độ chuyên môn và năng lực ngoại ngữ. Trong giảng dạy, đội ngũ GV đảm bảo hoàn thành định mức số giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy tốt. Trong NCKH, đội ngũ GV thực hiện chủ trì đề tài và tham gia các loại hình nghiên cứu, đăng bài trên các tạp chí. Công tác đánh giá, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của khoa và Trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

Tuy nhiên, trình độ ngoại ngữ và năng lực NCKH của đội ngũ GV chưa đồng đều. Khoa vẫn chưa có đề tài cấp tỉnh, nhà nước, chưa có đề tài nào có hợp tác với các đối tác nước ngoài; số lượng đề tài được nghiệm thu hàng năm còn rất hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 6

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 6								4.00	7	100
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu: MIT có đội ngũ chuyên viên, NV có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, tinh thần làm việc nhiệt huyết, hỗ trợ tốt cho tất cả các ngành đào tạo trong trường nói chung và ngành LKT nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ chuyên viên, NV được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Đội ngũ chuyên viên, NV được Nhà trường tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Việc đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ chuyên viên, NV được Nhà trường thực hiện qua nhiều hình thức đảm bảo tính công bằng, khách quan và kèm theo các hình thức khen thưởng hợp lý.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ chuyên viên, nhân viên (làm việc tại văn phòng khoa, thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Có phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Căn cứ sứ mạng, giá trị cốt lõi, định hướng tầm nhìn của Nhà trường trong tương lai, thực trạng nhân sự tại đơn vị và của ngành LKT quy mô tuyển sinh qua các năm học và điều kiện đáp ứng về CSVC, nguồn lực tài chính, Nhà trường đã nghiên cứu và ban hành kế hoạch phát triển đội ngũ NV thư viện, phòng thí nghiệm, CNTT và những lực lượng hỗ trợ khác [H7.07.01.01]. Bên cạnh đó, vào đầu mỗi năm học, các phòng ban, trung tâm căn cứ vào nhiệm vụ được giao về hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng phân tích nhu cầu về đội ngũ chuyên viên, NV đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với kế hoạch vị trí việc làm của Nhà trường. Sau đó, Nhà trường phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ chuyên viên, NV thông qua tiến trình rà soát đội ngũ chuyên viên, NV, đối chiếu với kế hoạch vị trí việc làm và báo cáo về nhu cầu đội ngũ NV ở từng đơn vị thông qua kế hoạch năm học, trên cơ sở đó tiến hành phê duyệt kế hoạch tuyển dụng NV cho các đơn vị [H7.07.01.02].

Từ năm 2018 đến nay, Nhà Trường đã có những kế hoạch phát triển đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ đúng theo các giai đoạn phát triển của Trường cũng như của ngành. Cụ thể:

Về công tác thư viện từ năm 2018 đến nay, Trường đã từng bước thực hiện kế hoạch củng cố và phát triển thư viện với 02 nhân sự cố định (trong đó 01 nhân sự chuyên ngành về thư viện, 01 nhân sự có trình độ thạc sĩ) phối hợp đẩy mạnh công tác hoàn thiện chuẩn hóa danh mục sách thư viện, phối hợp với bộ phận công nghệ thông tin đưa danh mục sách lên phần mềm giúp sinh viên tra cứu, tìm kiếm dễ dàng. Bên cạnh đó từ năm 2021 định hướng phát triển tiếp theo của công tác thư viện sẽ là đầu nối các thư viện điện tử trong hệ thống tập đoàn, cũng như các hệ thống thư viện quốc gia;

Về công tác phát triển công nghệ thông tin của Trường, Trường đã có những kế hoạch phát triển công nghệ thông tin nổi bật trong những năm qua, với đội ngũ nhân sự 01 thạc sĩ công nghệ thông tin, 01 kỹ sư công nghệ thông tin phát triển hệ thống mạng lưới internet toàn trường giúp cho giảng viên và NH có thể vận dụng công nghệ trong giảng dạy và học tập. Đồng thời, xây dựng nghệ thống công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục (phần mềm PMT) và quản lý chấm thi. Có thể thấy được năm 2020 và năm 2021 là những năm đầy khó khăn vì dịch bệnh covid, nhưng cũng là những năm bùng nổ ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy bằng việc tổ chức giảng dạy trực tuyến qua hệ thống Microsoft team, các nhân sự của nhà trường từ giảng viên đến các chuyên viên các phòng ban đều được tập huấn các kiến thức vận hành và chấm thi online để có thể hướng dẫn cho sinh viên học tập. Và năm 2021 với việc gia nhập vào tập đoàn Nguyễn Hoàng, đáp ứng định hướng là một Trường đại học thông minh, được sự hỗ trợ lớn của Ban công nghệ thông tin, Trường đang triển khai một loạt ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ giảng viên, chuyên viên, nhân viên toàn trường (điển hình như nâng cấp việc quản lý đối với phần mềm PMT cả về quản lý học vụ và quản lý nhân sự giảng dạy, phát triển phần mềm loffice, phần mềm thư học phí tự động, phần mềm kế toán bravo, phần mềm e-learning...)

Về đội ngũ hỗ trợ cho công tác đào tạo, các nhân sự làm tại văn phòng khoa đều có trình độ đại học, đặc biệt trong năm 2018, 2019 nhằm phát triển mảng công nghệ thông tin cho khoa, Nhà trường đã bố trí 01 thạc sĩ công nghệ thông tin làm việc hỗ trợ công tác của khoa. Bên cạnh, đội ngũ giảng viên, chuyên viên hỗ trợ cho công tác đạo tại khoa và cơ sở thực hành, Trường còn phòng Đào tạo đại học, phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục, phòng Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, phòng Quản lý sinh viên với các lãnh đạo có trình độ thạc sĩ trở lên có thể hỗ trợ tích cực cho các công tác đào tạo, NCKH. Năm 2021, Trường nâng cao đội ngũ hỗ trợ đào tạo với việc củng cố nhân sự phòng Đào tạo đại học – Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế có trình độ cao (01 phó giáo sư, 02 thạc sĩ) nhằm đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học cho sinh viên; thành lập Trung tâm trải nghiệm và việc làm sinh viên nhằm tăng cường công tác trải nghiệm cho sinh viên, thành lập các câu lạc bộ (câu lạc bộ thiện nguyện, câu lạc bộ tiếng Anh, ...) tăng cường các công tác phục vụ cộng đồng.

Trong năm 2021, Nhà trường đã thực hiện việc xây dựng và ban hành Bản mô tả vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc qua để làm cơ sở cho việc tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin. Theo đó, Nhà trường đã xác định và chuẩn hóa vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp Bản mô tả vị trí việc làm **[H6.06.01.20]**.

Có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác).

Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng đội ngũ NV hỗ trợ đảm bảo đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của văn phòng khoa, các phòng, ban, trung tâm trực thuộc

Trường. Về thu nhập, hằng tháng, ngoài thu nhập từ có chính sách tiền lương đảm bảo cuộc sống, Nhà trường còn có các mức phụ cấp thu hút, phụ cấp cho từng vị trí công việc tăng thêm một cách hợp lý. Bên cạnh đó, các chuyên viên, NV hỗ trợ cũng được nhận thêm các khoản tiền hỗ trợ vào những dịp lễ, Tết và các chế độ phúc lợi ưu đãi. Ngoài ra, Trường cũng cam kết tạo điều kiện cho chuyên viên, NV hỗ trợ được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ khi có nhu cầu, chính sách khen thưởng, tăng lương thu hút **[H6.06.05.08]**, **[H7.07.01.03]**.

Việc quy hoạch đội ngũ NV dựa trên phân tích/ dự báo nhu cầu về đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác).

Hằng năm, Trường xây dựng Kế hoạch tuyển dụng dựa theo quy định hiện hành và Bản mô tả chức năng, nhiệm vụ từng vị trí công việc của từng đơn vị của Nhà trường, yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, yêu cầu về điều kiện khác và khung năng lực **[H7.07.01.04]**. Trong năm 2021, Nhà trường đã ban hành Đề án vị trí việc làm quy định cụ thể số lượng nhân sự cần thiết, trong đó thể hiện rõ số lượng nhân sự cần thiết phải tuyển dụng thêm trong những năm tiếp theo, làm cơ sở cho việc xây dựng các kế hoạch tuyển dụng cho các năm về sau **[H7.07.01.05]**.

NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng về nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

CTĐT ngành Luật kinh tế được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm như Phòng Đào tạo đại học – Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, Phòng KT-ĐBCL, Phòng Cơ sở vật chất – Công nghệ thông tin – Thư viện, Trung tâm trải nghiệm và việc làm sinh viên. Đội ngũ nhân viên ở các trung tâm, phòng ban chức năng được tuyển chọn kỹ càng theo các tiêu chí của trường đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tại Khoa KTL, bên cạnh 1 chuyên viên làm nhiệm vụ văn phòng và trợ lý quản lý SV, còn có 2 GV kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập cho các khoá đào tạo từ năm thứ nhất đến năm thứ tư; đặc biệt ngành LKT còn có 1 giám đốc CTĐT chuyên trách, 2 GV là thành viên của Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, thành lập công ty Luật hỗ trợ trực tiếp cho công tác thực hành của NH ngành LKT; ngoài ra các GV trong ngành LKT hỗ trợ cho NH trực tiếp tham gia các phòng xử án mô phỏng để NH có thể tiếp cận các kỹ năng tố tụng và các kỹ năng mềm khác liên qua đến ngành đào tạo **[H6.06.02.03]**, **[H7.07.01.06]**, **[H7.07.01.07]**.

Định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH về mức độ đáp ứng của đội ngũ chuyên viên, NV **[H2.02.03.03]**. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của NH của ngành LKT với các dịch vụ của nhà trường như: thư viện, phòng thực hành, công nghệ thông tin đều trên 90% đáp ứng được nhu cầu NCKH và đào tạo **[H7.07.01.08]**. Kết quả phản hồi từ các bên liên quan giúp Nhà trường và

các đơn vị có liên quan thêm cơ sở để quy hoạch, phát triển đội ngũ chuyên viên, NV của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có kế hoạch, đề án vị trí việc làm tạo cơ sở quy hoạch phát triển đội ngũ NV. Việc tuyển dụng, tập huấn các chuyên viên, NV xuất phát từng giai đoạn đáp ứng biến động của xã hội, về nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường luôn có kế hoạch phát triển đội ngũ chuyên viên, nhân viên theo định hướng phát triển rõ ràng từng giai đoạn.

3. Điểm tồn tại

Mô tả vị trí việc làm của một số đơn vị chưa đúng với thực tế.

Nhà trường chỉ mới thực hiện khảo sát GV, NV về môi trường làm việc từ năm học 2020-2021.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục rà soát và cập nhật đề án vị trí việc làm cho phù hợp với nhu cầu thực tế của Nhà trường; Định kỳ lấy ý kiến về mức độ hài lòng của các bộ phận cán bộ, GV, chuyên viên, NV và SV.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ chuyên viên, nhân viên dựa trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng theo định kỳ hàng năm. Thực hiện kế hoạch tuyển dụng hằng năm theo đúng quy định.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hằng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Có quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV.

Căn cứ vào Điều lệ Trường đại học của Thủ tướng Chính phủ năm 2010, từ những ngày đầu thành lập MIT đã ra quyết định ban hành quy chế tuyển dụng và hợp đồng lao động, chế độ thử việc trong đó nêu rõ phạm vi áp dụng, điều kiện, tiêu chuẩn, hội đồng tuyển dụng, hình thức tuyển dụng... Trường cũng đã ban hành bản mô tả công việc cho từng vị trí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ chuyên viên, NV rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn; Đồng thời, Nhà trường có quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được công khai chặt chẽ với đầy đủ các bước **[H7.07.02.01], [H7.07.02.02], [H7.07.02.03], [H7.07.02.04]**.

Căn cứ quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường, Trường tuyển dụng và bổ nhiệm theo quy chế về quy trình, đồng thời Trường cũng linh hoạt theo yêu cầu cấp thiết công việc của đơn vị, kế hoạch của Trường trong từng năm học, các tiêu chí tuyển dụng được đưa ra dựa trên mô tả công việc của vị trí cần tuyển, đảm bảo đáp ứng quy định và tính chất công việc. Năm 2021, Trường đã ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động mới, đồng thời ban hành Quy chế Quản lý nhân sự quy định cụ thể về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đáp ứng kịp thời nhu cầu tuyển dụng, bổ sung nhân lực sau dịch

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan.

Hàng năm, để có ý kiến góp ý từ các đơn vị về số lượng cần tuyển dụng, Phòng Hành chính – Nhân sự của Nhà trường tiến hành gửi văn bản đến các đơn vị trực thuộc Nhà trường báo cáo ý kiến góp ý về số lượng cần tuyển và các yêu cầu, tiêu chuẩn khác [H7.07.02.05]. Sau khi đã có các ý kiến từ các đơn vị gửi về, Phòng Hành chính – Nhân sự sẽ xây dựng kế hoạch tuyển dụng cụ thể trên cơ sở Bản mô tả vị trí việc làm và định biên nhân sự trong đề án vị trí việc làm [H7.07.02.06], [H7.07.01.03], [H7.07.01.04], [H7.07.02.07].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của CSGD.

Tất cả các tiêu chí tuyển chọn chuyên viên, NV đều được Nhà trường công bố công khai trong thông báo về tuyển dụng hàng năm trên website của Trường: <https://mit.vn/tuyen-dung-pb33> và trên các phương tiện thông tin đại chúng [H7.07.02.08], [H7.07.02.09], [H6.06.02.07], [H7.07.02.10], [H7.07.02.11]. Cho đến hiện tại, Nhà trường không nhận được bất cứ ý kiến nào đánh giá về tiêu chí lựa chọn đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ của Trường là không rõ ràng và không công khai.

Bên cạnh tuân thủ những quy định, quy trình tuyển dụng, Nhà Trường cũng từng bước tuyển dụng theo xu hướng công nghệ hoá, thích ứng với những sự cố xã hội bằng việc nộp đơn và phỏng vấn online qua hệ thống Microsoft team. Việc này đã giúp cho Trường có thể tìm kiếm, phỏng vấn nhiều ứng viên hơn, có thể tìm ứng viên phù hợp nhất cho các vị trí cần tuyển

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn chuyên viên, NV để bổ nhiệm, điều chuyển của MIT Uni. được xác định rõ ràng và phổ biến công khai. Đồng thời, Trường luôn đổi mới, thay đổi phương thức tuyển dụng khi cần thiết nhằm thu hút nhiều nhân tài hơn, ứng dụng công nghệ thông tin vào tuyển dụng, đánh giá ứng viên qua hệ thống các tiêu chí về bằng cấp, kinh nghiệm, trình độ tiếng Anh, tin học đáp ứng công việc. Nhờ vậy, đội ngũ chuyên viên, NV hỗ trợ CTĐT của ngành LKT đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Các hình thức thông báo tuyển dụng thông báo qua các kênh như báo chí, website nhà trường chưa được chuẩn hoá sang tiếng Anh nhằm thu hút nhiều nhân tài mang tính quốc tế hoá hơn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thông báo tuyển dụng tại các website tuyển dụng trực tuyến có uy tín vietnamwork, tintuc24h,... và các trang fanpage của Trường được chuẩn hoá sang tiếng Anh.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Theo kế hoạch tuyển dụng	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác tuyển dụng, bổ nhiệm dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hàng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV

Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ chuyên viên, NV có đủ phẩm chất và năng lực sẽ là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng đào tạo. Năng lực của đội ngũ chuyên viên, NV được xác định rõ ràng trong Quy chế nhân sự [H7.07.03.01] và được đưa vào các tiêu chuẩn đánh giá năng lực nhân sự [H7.07.01.02]. Nhà trường đã có quy định rõ ràng về quy trình đánh giá năng lực cho đội ngũ chuyên viên, NV hỗ trợ [H7.07.03.02]. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch đánh giá năng lực NV của Nhà trường. Các cá nhân sẽ tự đánh giá quá trình làm việc của mình dựa vào Bản mô tả vị trí việc làm, những công việc đã hoàn thành trong năm, quá trình thực hiện công việc theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường [H7.07.03.03], [H7.07.02.08], [H07.03.04]. Khi cá nhân tự đánh giá xong, trưởng các đơn vị sẽ tổ chức cuộc họp và lấy ý kiến nhận xét của các đồng nghiệp trong bộ phận cho từng cá nhân [H7.07.03.05]. Trưởng đơn vị sẽ cho ý kiến đánh giá hoàn thành công việc cho chuyên viên, nhân viên thuộc bộ phận mình [H7.07.03.06]. Quá trình đánh giá tại đơn vị sẽ trình lên Ban Giám hiệu Nhà trường họp và lấy ý kiến xác nhận cuối cùng [H7.07.03.07].

Thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan.

Xây dựng đội ngũ NV, chuyên viên có đủ phẩm chất và năng lực là yếu tố then chốt để thực hiện cải cách và đổi mới giáo dục. Hiện nay, đội ngũ các chuyên viên, NV thực hiện công tác hành chính và phục vụ NH đa số có trình độ đại học trở lên. Hằng năm, Nhà trường luôn xây dựng kế hoạch đào tạo [H6.06.05.05] và cử đội ngũ nhân viên tham dự các khóa học nâng cao các kiến thức về nghiệp vụ, các kỹ năng cần thiết khác hoặc được tham gia vào hoạt động NCKH [H7.07.03.08], [H7.07.03.09].

Trong giai đoạn từ năm 2018 - 2021, Nhà trường thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ chuyên viên, NV thực hiện công tác hành chính, hỗ trợ NH hằng năm. Trường xây dựng bảng tiêu chí đánh giá trên nhiều khía cạnh công việc, đạo đức, tinh thần làm việc. Đội ngũ NV đều ở mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Số lượng đông đảo NV đều đạt ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ [H7.07.03.07]. Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch đánh giá năng lực NV của Nhà trường. Các cá nhân sẽ tự đánh giá quá trình làm việc của mình dựa vào Bản mô tả vị trí việc làm, những công việc đã hoàn thành trong năm, quá trình thực hiện công việc theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường [H7.07.03.03], [H7.07.02.08], [H07.03.04]. Khi cá nhân tự đánh giá xong, trưởng các đơn vị sẽ tổ chức cuộc họp và lấy ý kiến nhận xét của các đồng nghiệp trong bộ phận cho từng cá nhân [H7.07.03.05]. Trưởng đơn vị sẽ cho ý kiến đánh giá hoàn thành công việc cho chuyên viên, nhân viên thuộc bộ phận mình [H7.07.03.06]. Quá trình đánh giá tại đơn vị sẽ trình lên Ban Giám hiệu Nhà trường họp và lấy ý kiến xác nhận cuối cùng [H7.07.03.07].

Năm 2021, Trường xây dựng hệ thống KPIs cho từng đơn vị vào đầu năm học với các chỉ tiêu thích ứng với từng đơn vị, tổ chức cho đơn vị tự đánh giá vào cuối năm học, phòng HC- NS rà soát đánh giá và trình Ban giám hiệu xem xét mức độ hoàn thành công việc đưa ra những quyết định về nhân sự, hình thức thúc đẩy trong năm học tiếp theo. Tiến tới năm 2022, các tiêu chí KPIs cho từng đơn vị sẽ được cụ thể hoá thành tiêu chuẩn của từng cá nhân trong đơn vị và được áp dụng đánh giá trên phần mềm 1office theo từng cấp bậc để đưa ra kết quả đánh giá khách quan nhất và dựa vào đó có thể đưa ra các quyết định nhân sự quan trọng..

Nhà trường có quy định rõ ràng về công tác lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đối với các hoạt động Nhà trường [H1.01.02.11]. Theo kết quả khảo sát của GV, chuyên viên, NV và NH đang theo học, tỷ lệ mức độ đáp ứng về các điều kiện hỗ trợ hành chính chiếm từ 85% trở lên [H7.07.03.10].

2. Điểm mạnh

Có các quy định, quy trình về đánh giá năng lực của chuyên viên, NV.

Công tác đánh giá chuyên viên, NV được thực hiện đúng quy định, quy trình. Đồng thời đang từng bước công nghệ hoá để có thể đánh giá theo cấp bậc và có thể lưu trữ hồ sơ năng lực của nhân sự.

3. Tồn tại

Chưa có bộ tiêu chí, công cụ đánh giá các GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, hoạt động đoàn thể. Giờ làm việc của GV kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, hoạt động đoàn thể chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy mỗi kỳ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Sớm hoàn chỉnh và sử dụng bộ tiêu chí đánh giá năng lực GV kiêm nhiệm định kỳ hàng năm; Có kế hoạch phân công, kiểm tra hợp lý giúp cho cán bộ kiêm nhiệm ổn định lịch làm việc.	Phòng Hành chính – Nhân sự	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và thực hiện tốt công tác đánh giá năng lực chuyên viên, VN hằng năm theo đúng quy định.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hằng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của chuyên viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc

Đội ngũ chuyên viên NV hỗ trợ các hoạt động đào tạo ngành LKT có trình độ chuyên môn phù hợp, kỹ năng xử lý công việc tốt, nhiệt tình với công việc. Cụ thể, Ngành LKT có 02 cán bộ Văn phòng, 01 giám đốc chương trình. Bên cạnh 02 cán bộ chuyên trách, ngành còn có một số GV kiêm nhiệm làm công tác cố vấn học tập hỗ trợ SV. Đội ngũ chuyên viên, NV, GV kiêm nhiệm hỗ trợ được định hướng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc trong tương lai. Dựa trên Đề án vị trí việc làm, kế hoạch chiến lược phát triển, nhu cầu của từng đơn vị đưa lên trong kế

hoạch năm học, Trường và Khoa đã khảo sát phân tích đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ chuyên viên, NV để đáp ứng nhu cầu phục vụ CTĐT toàn Trường nói chung, ngành LKT nói riêng [H6.06.05.01], [H6.06.05.02].

Có kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV

Hàng năm, căn cứ vào kết quả khảo sát về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ quản lý, GV, CV, NV, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của chuyên viên, NV [H6.06.05.05]. Những cá nhân được Nhà trường phê duyệt cử tham gia các khóa đào tạo, tập huấn sẽ được Nhà trường hỗ trợ kinh phí [H7.07.04.01]. Cụ thể, những buổi tập huấn về kỹ năng giao tiếp khi làm việc trong môi trường giáo dục do Trung tâm Trải nghiệm và việc làm sinh viên chủ trì, phối hợp với công ty cổ phần tư vấn đổi mới sáng tạo Finno tổ chức khóa đào tạo Đổi mới sáng tạo, cấp chứng nhận cho cán bộ giảng viên, chuyên viên Nhà trường với kinh phí 50 triệu, tạo điều kiện, hỗ trợ cho chuyên viên, giảng viên nâng cao trình độ đúng chuyên ngành đang làm, thư ký các khoa, chuyên viên các phòng nâng cao trình độ từ cử nhân theo học thạc sĩ đúng chuyên môn khoa, phòng đang công tác.

Triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV

Nhu cầu bồi dưỡng nghiệp vụ và các năng lực khác được Nhà trường và Khoa chú trọng, tạo điều kiện bằng các hoạt động cụ thể thiết thực như tổ chức các khóa bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ phục vụ trực tiếp cho công việc [H7.07.04.02], [H7.07.04.03], [H7.07.04.04], [H7.07.04.05]. Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho chuyên viên, NV hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, được quy định cụ thể trong chính sách từ Nhà trường [H7.07.04.06].

Kết quả là đến nay, Trường và ngành LKT có đội ngũ NV hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lý NH và các hoạt động khác liên quan đến công tác giảng dạy và NCKH của GV và SV. Nhiều NV ở các phòng ban, trung tâm trong trường có học vị thạc sĩ, tiến sĩ, phó giáo sư. Về phía ngành LKT, tính đến năm 2021 là 05 thạc sĩ và 05 tiến sĩ.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ chuyên viên, NV của Trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH. Trường đã có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, cũng như kỹ năng của đội ngũ cán bộ, chuyên viên, nhân viên. Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, kỹ năng của đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ.

3. Tồn tại

Do tình hình dịch bệnh nên công tác bồi dưỡng bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng mềm thường xuyên cho đội ngũ CB, GV và NV của Trường vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV Nhà trường. Tổ chức nhiều hoạt động bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng mềm cho đội ngũ CB, GV và NV của Trường.	Phòng Hành chính – Nhân sự	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tạo điều kiện thời gian, lên kế hoạch cụ thể để chuyên viên, NV có thể tham gia các khoá tập huấn, học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ định kỳ hàng năm.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hàng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của chuyên viên, nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận

Để việc quản trị theo kết quả công việc của NV đạt hiệu quả, Trường ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị [H6.06.01.02], kế hoạch hành động trong năm của các phòng ban, trung tâm, chuyên viên, NV làm việc tại văn phòng khoa [H6.06.01.01]. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, từng đơn vị tiến hành phân công công việc cho từng NV bằng biên bản phân công công việc cho nhân viên [H7.07.05.01]. Bên cạnh đó để theo dõi, giám sát hiệu quả công việc của NV, Trường cũng ban hành quy định Quản lý nhân sự về theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của

chuyên viên, NV bao gồm các quy định về đánh giá năng lực làm việc và bình xét thi đua khen thưởng **[H7.07.01.02]**, **[H7.07.03.02]**, **[H7.07.03.03]**.

Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

Công tác giám sát, đánh giá hiệu quả công việc đội ngũ NV được lãnh đạo đơn vị thực hiện hàng tháng dựa vào kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng của đơn vị **[H7.07.05.02]**. Đây là cơ sở để lãnh đạo đơn vị theo dõi, giám sát tiến độ công việc, điều chỉnh cho phù hợp giữa phát sinh công việc thực tế so với kế hoạch năm của NV và đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của NV trong năm.

Quy trình đánh giá thực hiện theo các bước như sau. Bước 1: Hằng năm Nhà trường gửi văn bản Hướng dẫn đánh giá, phân loại **[H7.07.05.03]** đến từng đơn vị thuộc Nhà trường. Bước 2: NV tự đánh giá năng lực thực hiện và xếp loại chất lượng trong năm **[H7.07.05.04]**. Bước 3: Trưởng đơn vị chủ trì họp đơn vị để nhận xét, đánh giá; hoàn tất thẩm định và xếp loại đánh giá đối với từng NV **[H7.07.05.05]**. Kết quả đánh giá của mỗi đơn vị sẽ được gửi về Phòng Hành chính – Nhân sự tổng hợp trình Hội đồng thi đua - khen thưởng Nhà trường xem xét khen thưởng các thành tích trong năm, những NV hoàn thành tốt nhiệm vụ luôn nhận được danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua, Giấy khen của Hiệu trưởng Nhà trường **[H6.06.04.14]**. Năm 2021, Trường bắt đầu xây dựng đánh giá theo KPIs đơn vị và ban hành quy chế Quản lý nhân sự đánh giá KPIs nhân viên, đồng thời bắt đầu triển khai đánh giá nhân viên trên phần mềm 1 office theo cấp bậc từ nhân viên đến ban lãnh đạo.

Tất cả NV có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết,... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Đầu năm, mỗi NV sẽ có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành,... thông qua Bản đăng ký chỉ tiêu, nhiệm vụ năm **[H7.07.05.06]**. Từ đó đơn vị sẽ triển khai theo dõi, giám sát và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ NV.

Tất cả NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc.

Trước khi ban hành Quy định đánh giá hiệu quả thực hiện công việc **[H7.07.05.07]** Nhà trường có tổ chức lấy ý kiến của tất cả NV, GV về bản dự thảo thông qua việc gửi bản cứng qua các đơn vị và lãnh đạo các đơn vị triển khai đến tất cả NV của đơn vị, đồng thời gửi qua email nội bộ **[H7.07.05.08]**. Trong quá trình áp dụng các quy chế, NV có quyền đóng góp ý kiến để hoàn thiện thông qua các kênh thông tin tại Nhà trường. Ngoài các văn bản quản trị được góp ý công khai trước khi ban hành, Khoa, Phòng, Trung tâm đều có tổ chức họp lấy ý kiến đóng góp của các cá

nhân và có kiến nghị lên Nhà trường trong các cuộc họp giao ban đối với Ban giám hiệu hàng tháng.

NV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

Hàng năm, Trường cùng phối hợp với Công đoàn Nhà trường tổ chức Hội nghị người lao động [H6.06.06.05], đều có phần đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường, ban chấp hành công đoàn và người lao động về việc quản trị của Nhà trường, về quyền lợi của người lao động. Kết quả báo cáo của Công đoàn trường từ năm 2018 đến năm 2021 Công đoàn Trường không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo nào từ các tổ chức và cá nhân của Nhà trường về công tác thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường [H6.06.06.06] thông qua tất cả các hình thức tiếp nhận thông tin.

2. Điểm mạnh

Nhân viên tự quản lý được kế quả làm việc của bản thân và Trường đã có những triển khai công nghệ thông tin trong việc phân công công việc và đánh giá kết quả hoàn thành công việc bằng phần mềm 1office.

3. Tồn tại

Chưa có chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các cán bộ trong quá trình làm việc. Chưa triển khai khảo sát sự hài lòng của chuyên viên, NV về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng của Nhà trường.

Việc đánh giá, xếp loại chưa dựa vào các tiêu chí chất lượng công việc của đơn vị trực thuộc, chưa xét đến các công việc kiêm nhiệm hỗ trợ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của chuyên viên nên chưa tạo được động lực trong công việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành khảo sát sự hài lòng của chuyên viên, NV về kết quả đánh giá, kế quả thi đua khen thưởng của Nhà trường định kỳ hàng năm. Nhà trường điều chỉnh tiêu chí đánh giá và tiến hành đánh giá khen thưởng dựa vào các tiêu chí chất lượng sản phẩm	Phòng Hành chính – Nhân sự	2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		công việc, chất lượng quản lý phục vụ, chất lượng các công việc kiêm nhiệm, hỗ trợ chuyên môn đào tạo của chuyên viên.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì hệ thống quy định đánh giá năng lực thực hiện của NV.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hàng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ chuyên viên, NV hỗ trợ của ngành LKT, MIT đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, được tuyển dụng đúng quy trình của Nhà trường một cách công khai, minh bạch, rõ ràng. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện để NV hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ của khoa hiện nay đảm bảo nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo ngành LKT và NCKH của Khoa và Nhà trường. Đội ngũ cán bộ thực hiện công việc có kinh nghiệm và chuyên môn cao, thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu trong việc hỗ trợ GV - CV - người lao động và NH trong trường. Nhà trường đã tự xây dựng hệ thống quy định, quy chế rõ ràng về tuyển dụng NV, bổ nhiệm, điều chuyển dựa theo các quy định của pháp luật hiện hành và có sự góp ý xây dựng của toàn thể CB quản lý, GV, chuyên viên của Nhà trường. Cách thức thực hiện các quy trình về tuyển dụng, lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chỉnh được thực hiện theo đúng như các quy định ban hành và công khai, minh bạch. Khoa KTL, ngành LKT có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ NV, GV kiêm nhiệm tại Khoa, ngành. Công tác đánh giá hiệu quả công việc luôn được thực hiện công khai, minh bạch, nghiêm túc, hiệu quả và chính xác từ cá nhân đến tập thể.

Tuy nhiên, các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc NV chưa được lượng hóa cụ thể, chưa đảm bảo tính kết nối giữa mục tiêu của từng NV, đơn vị với mục tiêu chung của Nhà trường. Số lượng hoạt động bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng mềm cho đội ngũ CB, GV và NV của Trường vẫn còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 7

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 7								4.00	5	100
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu: NH là trung tâm của các hoạt động giáo dục và đào tạo. Với quan điểm “Lấy NH làm trung tâm” và mục tiêu đào tạo hướng tới phục vụ NH, trong những năm qua, Khoa đã ưu tiên, chú trọng đặc biệt đến NH. Khoa luôn chủ động và phối hợp với Trường trong tất cả các hoạt động có liên quan tới NH và hỗ trợ NH như: hướng dẫn đầy đủ về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá và các quy chế, quy định về đào tạo; được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách, điều kiện hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, khám sức khỏe, an toàn trong học tập và sinh hoạt...; thực hiện có hiệu quả công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống. Sự kết hợp giữa chuyên môn với các tổ chức đoàn thể đã hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho NH; có biện pháp cụ thể, tác động tích cực để hỗ trợ NH; thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách, các nội quy của Trường cho NH; hỗ trợ có hiệu quả nhằm tăng tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo; NH có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm; được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy và đào tạo của Khoa.

Chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH là điều kiện cơ bản nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định uy tín của Khoa cũng như Trường trong đào tạo và NCKH. NH đã và đang phát huy truyền thống của Khoa và Trường, góp phần đưa Trường ĐHCNMD trở thành một trường đại học có chất lượng cao trong hệ thống các trường đại học trong cả nước.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công

khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm.

Trước mỗi năm tuyển sinh, MIT đều xây dựng kế hoạch, chính sách cũng như truyền thông cho công tác tuyển sinh [H8.08.01.01]. Đề án, thông tin tuyển sinh của Trường được xây dựng, ban hành dựa trên các quy định của Nhà nước và quy chế của Bộ GD&ĐT [H5.05.01.01]. Công tác tuyển sinh của Khoa gắn liền với công tác tuyển sinh chung của Trường nên hoạt động tuyển sinh được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo quy định chung của Bộ GD&ĐT và Trường về chất lượng đầu vào. Trong thông tin tuyển sinh và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường, chính sách tuyển sinh của Trường luôn xác định rõ ràng về chỉ tiêu tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, quy trình xét tuyển, đối tượng ưu tiên,

Từ năm 2015, thực hiện đổi mới trong việc tổ chức thi và cách thức xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, MIT tuyển sinh đại học chính quy dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia. Ngoài ra, Trường còn có chính sách xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.02]. Những chính sách này đều hướng tới việc thu hút các thí sinh có khả năng tốt, có nguyện vọng và quyết tâm theo học tại MIT.

Công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên, ...).

Các thông tin về tuyển sinh được Trường và Khoa công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Trường, trong các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn Đồng Nai và các tỉnh lân cận do Trường tổ chức [H8.08.01.03], [H8.08.01.04]. Thông qua các buổi tư vấn tuyển sinh, các CB tư vấn tuyển sinh của Trường, của Khoa sẽ cung cấp thông tin thông qua các tài liệu như: Đề án tuyển sinh, thông tin tuyển sinh, tờ rơi Thông tin tuyển sinh hoặc tư vấn trực tiếp cho học sinh để làm rõ hơn về các quy định, điều kiện và hình thức tuyển sinh của Trường cũng như các thông tin cần biết về các ngành đào tạo của Trường trong đó có ngành LKT, từ đó phụ huynh và thí sinh có thêm thông tin về các ngành học, chỉ tiêu tuyển sinh, đối tượng ưu tiên, quy trình xét tuyển,... của Trường. Từ đó, thí sinh sẽ lựa chọn được ngành học phù hợp với sở trường của bản thân và nhu cầu của thị trường lao động. Thông qua hoạt động tư vấn tuyển sinh, Trường cũng nắm bắt được nhu cầu của NH đối với các ngành đào tạo từ đó có thêm thông tin để xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp môn thi xét tuyển cho các ngành. Các thông tin có được từ hoạt động tuyển sinh sẽ được Trung tâm Tuyển sinh – Truyền thông tổng hợp, phân tích và tham mưu cho Hội đồng tuyển sinh xây dựng Đề án tuyển sinh hàng năm. Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội, Trường chú trọng đẩy mạnh truyền thông hình ảnh của Trường cũng

nếu thông tin chi tiết về các ngành đào tạo trong đó có ngành LKT trên mạng xã hội để thí sinh và phụ huynh có thêm kênh thông tin để tìm hiểu về chính sách tuyển sinh của Trường đối với các ngành đào tạo **[H8.08.01.05]**.

Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan và phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực được cập nhật hằng năm.

Kết thúc năm tuyển sinh, việc phân tích các số liệu tuyển sinh như chỉ số phân tích về điểm trúng tuyển, chỉ số trúng tuyển theo ngành luôn được đưa vào Báo cáo kết quả tuyển sinh **[H8.08.01.06]** để làm căn cứ cho thực hiện và triển khai kế hoạch các năm tiếp theo.

Chính sách tuyển sinh được cập nhật hàng năm theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT **[H5.05.01.01]**. Ngoài ra, từ năm 2020 đến nay, Nhà trường đều thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan về xây dựng chính sách tuyển sinh của Nhà trường ngày một tốt hơn và đáp ứng được nhu cầu của xã hội **[H8.08.01.07]**, **[H8.08.01.08]**. Đồng thời, sau khi kết thúc mỗi năm tuyển sinh Hội đồng tuyển sinh luôn có các cuộc họp rút kinh nghiệm, có báo cáo tổng kết tuyển sinh để thực hiện các đợt tuyển sinh năm sau tốt hơn **[H8.08.01.09]**.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Trường được thực hiện theo đúng Quy chế của Bộ GD&ĐT. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai trên các phương tiện thông tin của Nhà trường như website, Fanpage của Trường và được cập nhật hàng năm. Đây là cơ sở quan trọng để thí sinh đưa ra lựa chọn ngành học phù hợp với sở trường của bản thân và nhu cầu của thị trường lao động.

3. Điểm tồn tại

Công tác quảng bá tuyển sinh chưa phong phú, chưa thu hút được nhiều thí sinh có chất lượng tham gia dự tuyển.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2021-2022, Trường sẽ thực hiện điều chỉnh, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành LKT; mỗi GV, NH của Khoa là một tuyên truyền viên cho ngành.	Trung tâm Tuyển sinh – truyền thông; Khoa KTL	2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện chính sách tuyển sinh của Trường theo đúng Quy chế của Bộ GD&ĐT, được xác định rõ ràng, công bố công khai trên các phương tiện thông tin của Nhà trường.	Trung tâm Tuyển sinh – truyền thông	Hàng năm	

5. *Tự đánh giá tiêu chí:* Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. *Mô tả hiện trạng*

Có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn NH rõ ràng.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH vào Trường nói chung và ngành LKT nói riêng được Trường thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được thể hiện trong đề án tuyển sinh **[H5.05.01.01]**. Hàng năm, căn cứ vào quy chế tuyển sinh, quy định cách thức xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và nhu cầu xã hội, Trường xác định và công bố chỉ tiêu, tiêu chí tuyển sinh. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được Trường xây dựng theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và được xác định rõ ràng. Với những thay đổi trong hình thức tổ chức thi và phương thức xét tuyển, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của Trường cũng được xây dựng theo hướng đa dạng hơn trong việc lựa chọn tổ hợp môn thi để xét tuyển vào các ngành học.

Từ năm 2015 đến nay, cùng với sự thay đổi trong hình thức thi và cách thức xét tuyển do Bộ GD&ĐT quy định, thí sinh được đăng ký xét tuyển vào MIT đối với các ngành nói chung và ngành LKT nói riêng phải thỏa mãn các điều kiện như: (1) Tính đến thời điểm xét tuyển đã tham gia kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) của năm xét tuyển và đã tốt nghiệp THPT; (2) Tham dự kỳ thi THPT quốc gia có điểm 3 bài thi/môn thi thuộc các tổ hợp xét gồm cả điểm ưu tiên theo khu vực đối tượng lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của trường.

Nguyên tắc chung để xét tuyển: Trường xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy do Bộ GD&ĐT ban hành. Thí sinh trúng tuyển là những thí sinh đạt mức điểm xét tuyển theo quy định của Trường theo từng tổ hợp môn xét tuyển và theo

từng ngành đào tạo. Đối với từng ngành đào tạo: Trường xét tuyển theo nguyên tắc lấy điểm xét tuyển từ điểm cao đến thấp cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu. Trong trường hợp tại mức điểm xét tuyển nhất định, số lượng thí sinh trúng tuyển nhiều hơn chỉ tiêu được tuyển. Trường sử dụng các tiêu chí phụ để xét tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu được tuyển [H8.08.01.02]. Hết thời gian xét tuyển, Nhà trường tổng hợp kết quả xét tuyển và danh sách trúng tuyển được gửi cho các đơn vị trực thuộc liên quan [H8.08.02.01] và gửi giấy báo trúng tuyển đến các thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển. Thí sinh nhận được giấy báo trúng tuyển sẽ thực hiện thủ tục nhập học theo nội dung và thời hạn ghi trong giấy báo trúng tuyển. Quá thời hạn quy định, những thí sinh không nộp hồ sơ hoặc nộp không đủ hồ sơ bắt buộc thì xem như từ chối nhập học [H8.08.02.02].

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn NH được rà soát, đánh giá hằng năm.

Hàng năm, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH đối với các ngành đào tạo trong Đề án và Thông tin tuyển sinh được Trường rà soát, đánh giá để phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Quá trình rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được thực hiện thông qua việc lấy ý kiến của các bên liên quan [H8.08.02.03]. Trước khi xây dựng Đề án tuyển sinh, Thông tin tuyển sinh để công bố trên website và các phương tiện thông tin đại chúng. Hội đồng tuyển sinh Trường tiến hành họp để các thành viên trong hội đồng thảo luận về các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH dựa trên kết quả thống kê tuyển sinh hàng năm và Quy chế tuyển sinh đại học do Bộ GD&ĐT ban hành [H8.08.02.04]. Trên cơ sở phân tích tình hình tuyển sinh của năm trước, CSVN và đội ngũ GV, các thành viên hội đồng tuyển sinh thảo luận và thông qua đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh đồng thời xây dựng Đề án và Thông tin tuyển sinh theo đúng Quy chế tuyển sinh do Bộ GD&ĐT ban hành.

Sau khi kết thúc công tác tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh của Trường tổ chức họp để rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH trong chính sách tuyển sinh, từ đó đề ra phương hướng khắc phục các hạn chế và đưa ra phương hướng, giải pháp để cải tiến, nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh của Trường trong năm tiếp theo [H8.08.02.05].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của Trường rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT và được rà soát, đánh giá hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện đối sánh điểm tuyển sinh đầu vào của CTĐT ngành LKT so với các ngành khác trong Nhà trường và các trường đại học khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2021-2022, tiến hành thực hiện đối sánh điểm tuyển sinh đầu vào của CTĐT ngành LKT so với các ngành khác trong Nhà trường và các trường đại học khác, để xác định được chất lượng đầu vào của CTĐT và có những điều chỉnh phù hợp trong phương pháp và tiêu chí tuyển sinh Nhà trường.	Trung tâm Tuyển sinh – truyền thông; Khoa KTL.	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Phương pháp, tiêu chí tuyển sinh của Nhà trường được xác định rõ ràng. Tiếp tục thực hiện đánh giá và rà soát phương pháp, tiêu chí tuyển sinh hàng năm đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.	Trung tâm Tuyển sinh – truyền thông; Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Có bộ phận/CB chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ.

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, Trường đã phân công các đơn vị chức năng thực hiện việc giám sát sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện. Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT và Phòng KT–ĐBCL là đơn vị chức năng có nhiệm vụ giám sát sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ [H6.06.01.02]. Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT phối hợp với các cố vấn học tập của Khoa KTL giám sát tiến độ, kết quả học tập của NH sau mỗi học kỳ [H2.02.03.01], [H4.04.02.05]. Bên cạnh đó, Trung tâm Trải nghiệm – Việc làm NH

phối hợp với cố vấn học tập phụ trách giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện của NH **[H3.03.01.04]**, **[H5.05.01.07]**.

Ngoài ra, Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết học tập của SV. Phần mềm này cũng giúp NH cập nhật thường xuyên kết quả học tập và biết được tình trạng cảnh báo học vụ thông qua việc đăng nhập vào tài khoản NH **[H8.08.03.01]**, **[H4.04.02.06]**.

Đối với công tác đánh giá điểm rèn luyện cho NH ngành LKT, nhiệm vụ này được giao cho Trung tâm Trải nghiệm – Việc làm NH thực hiện cuối mỗi học kỳ. Theo đó, dựa trên kết quả đánh giá điểm rèn luyện mà cố vấn học tập cung cấp theo từng lớp **[H8.08.03.02]**, Trung tâm Trải nghiệm – Việc làm NH sẽ tổng hợp, thống kê và phân tích kết quả rèn luyện của NH qua từng học kỳ **[H8.08.03.03]**.

Có quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của NH trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ, Trường đã ban hành nhiều quy định như: Quy chế đào tạo tín chỉ **[H3.03.01.04]**, Quy định quản lý và đánh giá kết quả học tập của NH **[H5.05.01.02]**, quy định chấm điểm rèn luyện cho NH **[H4.04.02.06]**, Quy chế NH **[H8.08.03.04]**,... Đồng thời, Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau như: xây dựng, phát triển phần mềm quản lý đào tạo, cổng thông tin đào tạo, cung cấp tài khoản phần mềm cho NH để NH tự chủ động theo dõi tình hình học tập của bản thân **[H8.08.03.01]**, **[H4.04.02.06]**.

Tại Khoản 7 Điều 15, Quy chế đào tạo đã quy định rõ khối lượng học tập của NH phải đăng ký trong mỗi học kỳ **[H3.03.01.04]**. Theo đó, khối lượng học tập được phân bổ phù hợp trong từng năm học, từng học kỳ đảm bảo NH có học lực trung bình cũng có thể hoàn thành chương trình đúng hạn. CTĐT ngành LKT có tổng cộng 131 tín chỉ chưa tính các học phần giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất **[H1.01.01.03]**. Khối lượng tín chỉ của CTĐT được phân bổ theo từng học kỳ để NH dễ dàng học tập. Để đảm bảo NH hoàn thành được CTĐT đúng thời hạn, khối lượng tín chỉ NH được đăng ký trong từng học kỳ đúng với khối lượng kiến thức phân bổ của từng học kỳ **[H8.08.03.05]**.

Trường quy định CVHT có nhiệm vụ giám sát sự tiến bộ của NH **[H2.02.03.01]**. Trường cũng đã ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện kèm theo Phiếu chấm điểm với các mức điểm chi tiết để đánh giá sự tiến bộ của NH về rèn luyện 2 lần/năm **[H5.05.01.07]**. Bên cạnh đó, GV phụ trách học phần cũng tham gia giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của NH thông qua điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên. Trong ĐCCT các HP của ngành LKT quy định rõ mục tiêu đạt được, phương thức kiểm tra, đánh giá cụ thể đối với từng HP như mức độ chuyên cần, thái độ học tập, hình thức và cách thức đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ và được công khai cho NH vào ngày học đầu tiên của HP **[H1.01.02.07]**, **[H1.01.03.05]**.

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện

được thực hiện thường xuyên và định kỳ **[H8.08.03.06]**. Khoa thường xuyên giám sát kết quả của NH để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những NH không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn. Hàng kỳ, nhằm giúp cho NH có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời gian tối đa cho phép được theo học chương trình, Trường đều có cảnh báo kết quả học tập của NH theo đúng Quy chế đào tạo. Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện, Trung tâm trải nghiệm – Việc làm sinh viên lập danh sách NH bị cảnh báo kết quả học tập gửi tới các khoa chuyên ngành nói chung và Khoa để phối hợp liên hệ với NH và gia đình NH bằng thư/ gọi điện thoại trực tiếp nhằm giúp NH tập trung học tập, cải thiện điểm số **[H8.08.03.07]**, **[H8.08.03.08]**.

Có cơ sở dữ liệu (công cụ) theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học.

Để triển khai hoạt động đào tạo theo hệ thống tín chỉ, từ năm 2018, Trường đã xây dựng phần mềm Quản lý đào tạo quản lý toàn bộ NH từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp ra trường, gồm quản lý điểm học tập, rèn luyện, thôi học, nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập, buộc thôi học, quản lý thi đua, chế độ chính sách... Trước mỗi học kỳ, Trường tổ chức đăng ký HP cho SV, quá trình đăng ký học tập của NH được thực hiện trên phần mềm quản lý đào tạo. Kết quả học tập cuối cùng của một HP trong chương trình học được đánh giá theo 3 loại thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ. Các HP được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4, thang điểm 4 đạt từ điểm 1, thang điểm chữ đạt từ điểm D. Trong trường hợp không đạt, NH được phép thi thêm một lần nữa, nếu lần 2 không đạt, NH phải đăng ký học lại HP đó. NH được Trường công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên theo thang điểm 4 và phải đáp ứng các điều kiện khác được quy định trong Quy chế đào tạo **[H3.03.01.04]** và quy định về điều kiện tốt nghiệp **[H5.05.01.06]**. Cơ sở dữ liệu kết quả học tập của NH sẽ được lưu giữ trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo PTM-EMS Education. Kết thúc mỗi học kỳ căn cứ cơ sở dữ liệu kết quả học tập trên phần mềm quản lý đào tạo, Khoa theo dõi và nắm bắt được hình học tập của SV. Đây là cơ sở dữ liệu quan trọng để Trung tâm trải nghiệm – Việc làm NH và Khoa theo dõi, đánh giá sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học của NH trong Khoa **[H8.08.03.01]**.

Hàng năm, Trường ban hành Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và điều kiện được làm khóa luận cuối khóa của Trường và của ngành LKT cho SV. NH đủ điều kiện được đi thực tập tốt nghiệp phải tích lũy đủ các học phần theo quy định trong CTĐT **[H5.05.01.04]**. Sau khi hoàn thành quá trình đi thực tập và làm tốt nghiệp, Hội đồng xét tốt nghiệp xét tốt nghiệp cho SV. NH được xét công nhận tốt nghiệp phải tích lũy đủ số tín chỉ theo CTĐT, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn hoặc bằng 2.00, hoàn thành chương trình giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng theo đúng quy định của Quy chế đào tạo và một số điều kiện khác như đáp ứng CDR tiếng Anh và chuẩn

kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin [H1.01.02.02]. Sau khi họp xét tốt nghiệp, Trường ban hành Quyết định và danh sách tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp cho NH các ngành đào tạo, trong đó có ngành LKT [H8.08.03.09].

2. Điểm mạnh

Trường đã có sự phân công đơn vị, cá nhân phụ trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Bên cạnh đó, Trường đã ban hành nhiều quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

Ngoài ra, Trường đã có phần mềm đào tạo đã được phân cấp, NH được cấp một tài khoản riêng để theo dõi kết quả học tập và điều chỉnh điểm khi cần thiết. Trường có hệ thống CVHT xuyên suốt để hỗ trợ và giám sát sự tiến bộ của SV.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm quản lý đào tạo chưa có hệ thống báo động đỏ tự động khi đăng ký HP cho NH chưa đủ tín chỉ, điểm lịch lũy thấp hơn quy định nên việc nhắc nhở vẫn do CVHT và Khoa tư vấn.

Việc thống kê về sự tiến bộ trong kết quả học tập và rèn luyện của NH chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Thực hiện thống kê về sự tiến bộ trong kết quả học tập và rèn luyện của NH theo từng học kỳ.	Phòng ĐTĐH–NCKH–HTQT; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng KT-ĐBCL; Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm SV.	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát các quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.	Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT; Phòng KT–ĐBCL; Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm SV; Khoa KTL.	Hằng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Có đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH.

Công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa tại MIT và Khoa được xác định là nhiệm vụ quan trọng giúp NH cải thiện việc học. Trường có các đơn vị chức năng khác nhau để phục vụ các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Về tư vấn học tập: Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT và Khoa quản lý điều hành công tác này, chịu trách nhiệm với từng NH **[H6.06.01.02]**. Trường và Khoa đặc biệt quan tâm đến đội ngũ hỗ trợ tư vấn NH. Các CVHT, đồng thời là GV có kinh nghiệm của Khoa luôn sát sao hỗ trợ, tư vấn học tập - nghề nghiệp. **Trường đã ban hành quy chế CVHT nhằm hướng dẫn cụ thể và giám sát công tác chăm sóc NH.** Chuyên viên của phòng ĐTDH – NCKH & HTQT cũng hỗ trợ NH khi gặp vấn đề liên quan tới quá trình đào tạo, hay đăng ký học tại trường vì họ cũng là CVHT phối hợp với Khoa. Ở các lớp, Ban cán sự lớp là nòng cốt hỗ trợ Khoa tổ chức thực hiện các hoạt động học tập, rèn luyện và các hoạt động khác, theo dõi, nắm bắt tình hình NH trong lớp, thường xuyên liên lạc với Giáo vụ khoa/ CVHT để kịp thời báo cáo tình hình học tập và rèn luyện. Vào học kỳ 7 của khóa học, NH được Khoa tổ chức buổi hướng dẫn viết báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp.

Trong thời gian học tập của SV, Khoa luôn phân công cho thư ký Khoa tư vấn, giải đáp thắc mắc cho SV. Ngoài ra, các admin của các trang mạng xã hội của Trung tâm Trải nghiệm – Việc làm sinh viên, Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT, Khoa, Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên đều sẵn sàng giải đáp các băn khoăn, thắc mắc của sinh viên **[H8.08.04.01]**. Đặc biệt, Nhà trường có quy định về việc học cải thiện điểm nếu NH có nhu cầu **[H3.03.01.04]**.

Để hỗ trợ việc nâng cao ý thức tự học của NH, Đoàn Thanh niên - Hội NH phối hợp với Trung tâm trải nghiệm & Việc làm NH thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, phong trào thanh niên để tăng cường các kỹ năng nghề nghiệp của NH như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nói trước đám đông,... góp phần thúc đẩy năng lực cá nhân trong học tập và rèn luyện của NH **[H8.08.04.02]**.

Về hoạt động thi đua, khen thưởng do Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm NH (trước đây là Phòng Công tác Chính trị và Quản lý SV) làm đầu mối phối hợp với Khoa, Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT khen thưởng NH có thành tích trong học tập, rèn luyện. Ngoài ra còn có Đoàn Thanh niên và Hội NH cũng khen thưởng những sinh viên có thành tích trong các hoạt động phong trào **[H8.08.04.03]**, **[H8.08.04.04]**, **[H8.08.04.05]**. Việc khen thưởng NH theo năm học được thực hiện vào Lễ khai giảng đầu năm học, khen thưởng NH có thành tích toàn khóa được thực hiện tại Lễ Tốt nghiệp.

Hoạt động NCKH được Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT phụ trách tư vấn và hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện hoạt động NCKH. Hằng năm, Trường ban hành kế hoạch NCKH triển khai đến các đơn vị, cá nhân **[H8.08.04.06]**. Căn cứ vào kế hoạch của Trường, Khoa cũng có kế hoạch hoạt động cụ thể để tư vấn cho NH trong quá trình lựa chọn tên đề tài và định hướng nghiên cứu **[H4.04.03.02]**. Hàng năm, Khoa đều tổ chức Hội nghị NCKH cấp Khoa để chọn ra các đề tài NCKH có chất lượng tham gia Hội nghị khoa học cấp Trường và các cấp cao hơn **[H8.08.04.07]**, **[H8.08.04.08]**.

Có đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH.

Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm NH là đơn vị đầu mối phối hợp với Khoa chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH **[H6.06.01.02]**. Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm NH phân công một chuyên viên phụ trách về công tác tư vấn hướng nghiệp phối hợp với các khoa tổ chức các buổi hướng dẫn kỹ năng **[H8.08.04.09]**. Chuyên viên đó cũng chịu trách nhiệm đăng thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp lên trang Website việc làm của Trường và Fanpage Việc làm MIT University **[H8.08.04.10]**, **[H8.08.04.11]**.

Có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH.

Khoa, Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm NH và Đoàn Thanh niên, Hội NH đã xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa để nâng cao kết quả học tập và rèn luyện cho NH [H8.08.04.02]. NH năm thứ nhất được học tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trang bị đầy đủ, kịp thời một số thông tin cơ bản và cần thiết về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế, hướng dẫn các nội quy, quy chế của Trường, cách đăng ký học và phương pháp học tập ở đại học. Lãnh đạo và GV trong Khoa ngay từ tuần đầu tiên NH nhập học đã tổ chức buổi gặp mặt tân NH để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ GV, CTĐT, phương thức đào tạo của Khoa, định hướng cho NH về ngành nghề họ sẽ theo học trong 04 năm học [H1.01.03.10].

Hàng năm, Trường đều tổ chức buổi đối thoại giữa Hiệu trưởng với NH [H4.04.03.06]. Chương trình đối thoại được tổ chức nhằm giải đáp các thắc mắc của SV, đồng thời thu thập các thông tin phản hồi của NH và tất cả hệ thống quản lý của Trường để có thể làm hài lòng NH [H2.02.03.14].

Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm NH và Đoàn Thanh niên, Hội NH nhà trường đã thành lập các Câu lạc bộ (CLB), đội, nhóm sở thích và học thuật như: CLB Tiếng Anh, CLB Khởi nghiệp, CLB học thuật, CLB yêu sách, CLB Tình nguyện, Đội Văn nghệ, Đội Bóng đá,... [H8.08.04.12]. Hàng năm, Đoàn Thanh niên và Hội NH tổ chức rất nhiều hoạt động ngoại khóa cho NH như: Hội trại, Hội thao, Hội diễn văn nghệ, Tập huấn cán bộ Đoàn – Hội, Đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Tiếp sức mùa thi, Mùa hè xanh, Về nguồn,... [H8.08.04.02], [H8.08.04.13]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện để hỗ trợ NH tham gia các hoạt động ngoại khóa để NH rèn luyện các kỹ năng và giúp NH cải thiện việc học tập và nâng cao năng lực phát triển bản thân.

Có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH (liên hệ thực tập thực tế; trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động; tăng cường kỹ năng mềm,).

Định kỳ theo năm học, Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm NH phối hợp với các Khoa có kế hoạch triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm, giới thiệu thực tập cho NH. Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm sinh viên giám sát Viện đào tạo liên tục về việc tổ chức các buổi hướng dẫn kỹ năng viết CV - ứng phó với nhà tuyển dụng [H8.08.04.14], [H8.08.04.15]. Trước khi đi thực tập hoặc đi làm, Trung tâm phổ biến các yêu cầu, quy định của doanh nghiệp khi NH đến làm việc [H8.08.04.09]. Trung tâm phân công chuyên viên phụ trách làm việc theo quy trình hướng dẫn thực tập và quy trình giới thiệu việc làm, đăng thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp lên trang Website việc làm của nhà trường Trang chủ - Cổng thông tin việc làm - Trường Đại học Công nghệ Miền Đông (mit.vn) và đăng trên Group Việc làm MIT University hiện đang có gần 1.700 thành viên tham gia [H8.08.04.10], [H8.08.04.11] <https://www.facebook.com/groups/vieclammit>. Hàng năm, Trường tổ chức các phiên ngày hội việc làm thu hút nhiều doanh nghiệp liên quan đến 16 ngành được đào

tạo tại nhà trường và được hầu hết NH đến tham gia tìm hiểu doanh nghiệp và phỏng vấn trực tiếp [H8.08.04.15]. Ngày hội việc làm được tổ chức nhằm giúp cho NH được tiếp cận trực tiếp với doanh nghiệp và có cơ hội được tuyển dụng khi còn là SV. Trong sự kiện này, NH còn được tham dự các workshop do nhà trường phối hợp cùng doanh nghiệp nhằm tạo cơ hội cho NH nâng cao thêm kỹ năng nghề nghiệp, nắm bắt được các yêu cầu tuyển dụng để hoàn thiện năng lực bản thân. Đối với ngành Luật kinh tế, nhà trường liên kết với các đơn vị như tòa án nhân dân, cục thi hành án, phòng công chứng, viện kiểm sát nhân dân các địa phương, các văn phòng Luật sư, ... để đảm bảo cơ hội việc làm cho SV. 80% NH ngành Luật Kinh tế sau khi tốt nghiệp đều có việc làm đúng ngành học.

Ngoài ra, Khoa và Đoàn TN, Hội NH cũng tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu với các diễn giả, doanh nhân thành đạt nhằm truyền lửa cho NH [H8.08.04.16], [H8.08.04.17].

Trong quá trình học tập, Khoa đã phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp để đưa NH đi thực tế. Khoa cũng phân công GV có kinh nghiệm hướng dẫn NH đi thực tế, quản lý và hỗ trợ NH trong quá trình đi thực tế tại cơ sở [H4.04.02.03], [H8.08.04.18].

Ít nhất 75% số NH tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

Các hoạt động tư vấn, ngoại khóa hỗ trợ NH đã góp phần đáng kể cải thiện điểm rèn luyện và kết quả học tập trong SV. Mặt khác, NH được tham gia vào các hoạt động chuyên môn bổ ích, góp phần nâng cao chất lượng học tập. Đối với các NH tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động tình nguyện đã làm cải thiện kết quả điểm rèn luyện trong SV. Khảo sát về mức độ hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập trên 80% NH được hỏi đều hài lòng về chất lượng, hiệu quả của hoạt động này [H8.08.04.19], [H8.08.04.20].

Kết quả khảo sát tình hình việc làm của NH tốt nghiệp từ năm 2020 đến nay cho thấy tỉ lệ NH tốt nghiệp có việc làm rất cao (trên 90%). Điều đó chứng tỏ các hoạt động tư vấn, hỗ trợ NH trong học tập, rèn luyện khi NH đang ngồi trên ghế nhà trường đã đạt hiệu quả so với mục tiêu đề ra [H8.08.04.21].

2. Điểm mạnh

Trường luôn có kế hoạch cho các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH, cung cấp đầy đủ thông tin cho SV, kịp thời tháo gỡ những khó khăn liên quan đến học tập, rèn luyện, thực tập và việc làm trong quá trình học tập tại MIT và sau khi tốt nghiệp với chuyên ngành LKT.

Trường liên kết được với trên 50 đơn vị liên quan đến giới thiệu việc làm và thực tập cho NH ngành LKT, tạo điều kiện tốt để NH tiếp cận thực tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Trường và Khoa đã có nhiều hoạt động, đa dạng về loại hình, có nhiều CLB học thuật, kỹ năng giúp NH nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Một số NH chưa tích cực trong việc tham gia các hoạt động tư vấn và hoạt động ngoại khóa, điều đó cũng ảnh hưởng đến khả năng có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Gặp gỡ, trao đổi, tìm hiểu để giúp đỡ NH mạnh dạn, tích cực trong việc tham gia các hoạt động hỗ trợ NH của Nhà trường.	Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm SV; Khoa KTL.	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao sự hài lòng của NH đối với các hoạt động hỗ trợ NH.	Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm SV; Khoa KTL; Đoàn Thanh niên; Hội SV.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của MIT đã tạo môi trường làm việc thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH **[H8.08.05.01]**.

Nhà trường đã ban hành Quy tắc ứng xử văn hóa trong Nhà trường bao gồm quy tắc ứng xử văn hoá đối với CB, GV, người lao động (ứng xử với những quy định của Nhà nước và Nhà trường; thực hiện đạo đức nghề nghiệp; thể hiện lối sống, tác phong;

những việc không được làm) và quy tắc ứng xử đối với NH (ứng xử với bản thân, gia đình; ứng xử với CB, GV, NV Nhà trường; ứng xử với khách đến thăm và làm việc tại Trường; ứng xử với việc học tập, rèn luyện; ứng xử với NH khác trong Nhà trường và ứng xử với cảnh quan, môi trường) **[H8.08.05.02]**. Ngoài ra, tại các địa điểm như giảng đường, ký túc xá SV, Trường đều treo các bảng, biển hướng dẫn thực hiện nội quy tạo môi trường thân thiện, thoải mái và văn minh **[H8.08.05.03]**.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho CB, GV, NV và NH tạo sân chơi tinh thần sau thời gian làm việc và học tập căng thẳng.

Đối với CB, GV và NV Nhà trường: hằng năm, Công đoàn Trường đều tổ chức các cuộc thi thể thao, văn nghệ, thi cắm hoa, nấu ăn, trình diễn thời trang, thi hát Karaoke... nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm tạo không khí phấn khởi, vui tươi cho các CB, GV và người lao động trong trường sau những giờ làm việc căng thẳng **[H8.08.05.04]**, **[H8.08.05.05]**.

Đối với SV, Nhà trường đã tổ chức rất nhiều hoạt động thể dục, thể thao và các cuộc thi bổ ích, tạo sân chơi lành mạnh để rèn luyện về thể lực, trí lực, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng NH của khoa nói riêng và NH trong toàn trường nói chung như: Hội thao truyền thống hằng năm, Hội diễn văn nghệ truyền thống, Hội thi NH thanh lịch, Hội trại truyền thống, các hoạt động tình nguyện, hoạt động của các CLB, đội, nhóm,... được đông đảo NH của Trường tham gia thi đấu và cổ vũ **[H8.08.04.13]**, **[H8.08.05.06]**. Các hoạt động đã tạo thêm sân chơi bổ ích, sáng tạo cho SV, khuyến khích NH tự tin bộc lộ bản thân, mở ra cơ hội giao lưu cho NH toàn trường.

Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn trường.

Trường có khuôn viên cây xanh với không gian sân trường thoáng mát và các hàng ghế thuận lợi cho NH ngồi trao đổi, thảo luận, tạo nên môi trường rất thân thiện cho SV. Bên cạnh đó, Trường còn dành cho Đoàn thanh niên, Hội sinh viên phòng làm việc và sinh hoạt chính trị. Để tiếp đón NH tại văn phòng Khoa, Trường đã bố trí cho Khoa văn phòng làm việc tại tầng 2, nhà A1 với diện tích khoảng 40m², tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hành chính của Khoa cũng như tổ chức các cuộc họp Khoa.

Về công tác y tế học đường: Trường có phòng Y tế có đầy đủ tủ thuốc và thuốc cơ bản, giường bệnh theo quy định. Nhà trường đã làm tốt công tác chăm lo sức khỏe cho NH. 100% CB, GV và người lao động được mua Bảo hiểm y tế và được khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm **[H8.08.05.07]**, **[H8.08.05.08]**. Qua các đợt khám sức khỏe, nhiều người phát hiện ra bệnh và kịp thời chữa trị. 100% NH năm thứ nhất được khám sức khỏe đầu khóa học **[H8.08.05.09]** và mua Bảo hiểm y tế **[H8.08.05.10]**. Phòng Y tế hoạt động từ 07h00 đến 17h00 mỗi ngày để tổ chức sơ, cấp cứu, điều trị ban đầu cho CB, GV và người lao động và NH trong thời gian làm việc và học tập

tại Trường [H8.08.05.11]. Căn tin trong khuôn viên Trường luôn được kiểm tra đầy đủ và thực hiện theo đúng các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm. Trong các đợt cao điểm về dịch bệnh sốt xuất huyết, phòng Y tế đã chủ trì phối hợp với Trung tâm Y tế Huyện thống Nhất tổ chức tập huấn cho NH về cách phòng dịch bệnh sốt xuất huyết đúng cách [H8.08.05.12]. Tổ chức phun khử trùng KTX định kỳ 2 lần/năm. Tuyên truyền các biện pháp phòng tránh kiến ba khoang.... [H8.08.05.13], [H8.08.05.14].

Về công tác đảm bảo an toàn cho NH trong khuôn viên trường: Trường có tường rào, cách ly hoàn toàn với môi trường bên ngoài. Trường có Đội bảo vệ trực 24/24. Ngoài ra, Trường còn liên hệ chặt chẽ với Chính quyền và Công an Thị trấn Dầu Giây, Công an Huyện Thống Nhất để phối hợp tốt công tác bảo vệ an ninh chung trong khu vực. Trường còn thành lập Đội dân quân tự vệ và được tập huấn bài bản tại Huyện đội Thống Nhất [H8.08.05.15]; Trường đã bố trí hệ thống Phòng cháy, chữa cháy tại các khu nhà làm việc, nhà học và ký túc xá của NH theo đúng quy định, bên cạnh đó còn thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và tổ chức tập huấn định kỳ hàng năm đảm bảo công tác phòng cháy và cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố xảy ra [H8.08.05.16], [H8.08.05.17], [H8.08.05.18].

Có khảo sát/lấy ý kiến NH và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong CSGD.

Nhà trường đã thực hiện các khảo sát từ năm 2018 đến năm 2021 lấy ý kiến NH và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Nhà trường. Năm 2018, Nhà trường đã tổ chức khảo sát 20 CB, GV và 150 NH về CSVC phục vụ đào tạo [H2.02.03.03]. Nội dung khảo sát NH và CB, GV gồm khảo sát về chất lượng dịch vụ bảo vệ, trông xe, vệ sinh, cơ sở vật chất, trang thiết bị, căn tin, ký túc xá. Kết quả khảo sát có 95% CB, GV và 93,3% NH hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Nhà trường [H8.08.05.19].

Kết quả khảo sát NH về hoạt động quản lý và phục vụ đào tạo từ năm 2019 đến 2021 cũng cho thấy mức độ vệ sinh sạch sẽ của bàn ghế, hội trường, lớp học; mức độ sẵn sàng của các phương tiện, thiết bị trong giảng dạy và học tập (bảng, máy chiếu, micro...) ở mức độ “Khá” trở lên đều chiếm trên 80%. Điều đó cho thấy, NH của Khoa có môi trường cảnh quan, các tiện ích tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho cá nhân NH [H8.08.05.20].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ đội ngũ bảo vệ và vệ sinh, đội dân quân tự vệ và đội phòng cháy chữa cháy đảm bảo tốt vệ sinh, an toàn, an ninh cảnh quan sư phạm trong nhà trường.

Các hoạt động ngoại khóa do Nhà trường tổ chức rất phong phú và đa dạng. Điều đó đã tạo ra môi trường học tập lành mạnh cho NH trong quá trình học tập, rèn luyện nhân cách, đạo đức, lối sống trau dồi kiến thức và kỹ năng mềm cần thiết.

Trường thường xuyên cải tạo CSVC, cải thiện môi trường cảnh quan nhằm duy trì môi trường văn hóa học đường, môi trường sư phạm hiện đại, năng động cho tập thể GV, NV và SV.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát cán bộ, GV và người lao động và NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Nhà trường chưa được thường xuyên.

Chưa có các thiết bị hỗ trợ cho công tác bảo vệ như lắp đặt hệ thống camera tại các cổng ra vào Trường, hành lang các giảng đường, hành lang các phòng làm việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan về môi trường, cảnh quan và các điều kiện hỗ trợ học tập đúng kế hoạch. Không ngừng nâng cấp CSVC, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo đảm bảo vệ sinh, an toàn trong Nhà trường.	Phòng Quản lý CSVC-IT, Phòng KT-ĐBCL	Năm 2021-2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và phát triển đội ngũ bảo vệ, lao công, dân quân tự vệ và phòng cháy, chữa cháy của Nhà trường. Phát huy tỉ lệ hài lòng của NH đối với môi trường, cảnh quan và các điều kiện hỗ trợ học tập đạt mức trên 90%.	Các Phòng, Khoa, Trung tâm	Năm 2021-2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Trong những năm qua, chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH được Nhà trường và Khoa xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, khâu then chốt trong hoạt động đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường và Khoa, thể

hiện rõ qua các điểm mạnh sau: Chính sách tuyển sinh của Trường được thực hiện theo đúng Quy chế của Bộ GD&ĐT, được xác định rõ ràng, công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như website của Trường và được cập nhật hàng năm. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của Trường rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT và được công bố rộng rãi, công khai, là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi, giám sát. Trường có phần mềm đào tạo đã được phân cấp, NH được cấp 01 tài khoản riêng để theo dõi kết quả học tập và điều chỉnh điểm khi cần thiết. Trường có hệ thống CVHT xuyên suốt để hỗ trợ và giám sát sự tiến bộ của SV. Trường đã cung cấp đầy đủ thông tin cho SV, kịp thời tháo gỡ những khó khăn liên quan đến học tập, rèn luyện trong quá trình học tập tại MIT với chuyên ngành LKT. Bên cạnh đó, các mối quan hệ giữa Khoa với các doanh nghiệp tạo điều kiện tốt để NH tiếp cận thực tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Trường và Khoa đã có nhiều hoạt động, đa dạng về loại hình, có nhiều CLB kỹ năng giúp NH nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Trường thường xuyên cải tạo CSVC, cải thiện môi trường cảnh quan nhằm duy trì môi trường văn hóa học đường, môi trường sư phạm hiện đại, năng động cho tập thể GV - NV và SV. Khuôn viên trường có đầy đủ các bảng nội quy, hướng dẫn, có các thông điệp mang ý nghĩa tích cực NH năng động, tích cực trong học tập và sinh hoạt tại Trường.

Bên cạnh những điểm mạnh, Trường và Khoa cũng cần nhìn nhận những điểm hạn chế để có kế hoạch hành động kịp thời, phù hợp trong thời gian tới như: Công tác quảng bá tuyển sinh chưa phong phú, chưa thu hút được nhiều thí sinh có chất lượng tham gia dự tuyển; Chưa thực hiện đối sánh điểm tuyển sinh đầu vào của CTĐT ngành LKT so với các ngành khác trong Nhà trường và các trường đại học khác; Phần mềm quản lý đào tạo chưa có hệ thống báo động đỏ tự động khi đăng ký HP cho NH chưa đủ tín chỉ, điểm lịch lũy thấp hơn quy định nên việc nhắc nhở vẫn do CVHT và Khoa tư vấn; Việc thống kê về sự tiến bộ trong kết quả học tập và rèn luyện của NH chưa được thực hiện thường xuyên; Một số NH chưa tích cực trong việc tham gia các hoạt động tư vấn và hoạt động ngoại khóa, điều đó cũng ảnh hưởng đến khả năng có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp; Việc khảo sát cán bộ, GV và người lao động và NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Nhà trường chưa được thường xuyên; Chưa có các thiết bị hỗ trợ cho công tác bảo vệ như lắp đặt hệ thống camera tại các cổng ra vào Trường, hành lang các giảng đường, hành lang các phòng làm việc.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 8

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 8								4.80	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị ngành luật kinh tế

Mở đầu: Trên cơ sở kế hoạch hàng năm, với nguồn kinh phí của Tập đoàn Giáo dục Nguyễn Hoàng cấp và các nguồn thu hợp pháp của Nhà trường. MIT đã đầu tư hoàn thiện từng bước để mở rộng và nâng cấp, bổ sung mới cho các Phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng như đầu tư xây dựng cải tạo (sửa chữa, cải tạo chống xuống cấp hàng năm theo nguồn kinh phí được cấp và nguồn thu hợp pháp của Nhà trường) cùng với đó là xây dựng Nhà thực hành, nhà thi đấu đa năng, nâng cấp trang thiết bị hiện hữu tại các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng (cải tạo sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điều hòa, hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin). Các công tác đầu tư đảm bảo hiệu quả, đến thời điểm hiện tại đã đáp ứng cơ bản hoạt động đào tạo nói chung và hoạt động đào tạo cho ngành LKT nói riêng.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành.

Hiện tại MIT tọa lạc trên phần đất diện tích đất 10ha tại Thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Theo QĐ giao đất số: 2621/QĐ-UBND ngày 12/10/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai **[H9.09.01.01]**. Hiện nay, Nhà trường có 25

phòng làm việc với diện tích 1.424m² cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của các CB, GV và NV cơ hữu của Nhà trường.

Về phòng học, hiện tại, Trường có 25 phòng học với tổng diện tích 2918m² và 15 phòng thí nghiệm thực hành với tổng diện tích sử dụng là 1.050 m² với tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy là 2918/60 [H9.09.01.02]. Hệ thống phòng học được Phòng CSVN-IT quản lý sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lý, hết tần suất 9 giờ mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 60% vào hai ngày cuối tuần [H9.09.01.03], [H9.09.01.04].

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT.

Tất cả các phòng làm việc, các phòng chức năng được trang bị đầy đủ hệ thống đèn chiếu sáng, có hệ thống thông gió, điều hòa, bộ bàn ghế làm việc văn phòng, các tủ đựng hồ sơ, hệ thống máy tính, máy in và máy scan đầy đủ phù hợp hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.01.05]. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH ngành LKT, trường trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị tại các phòng học như máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, máy móc, phương tiện dạy học trực tuyến [H9.09.01.06]. Hệ thống máy tính có nối mạng, loa máy độc lập, máy chiếu Projector phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành LKT được cung cấp, bổ sung, sửa chữa hàng năm [H9.09.01.07]. Hiện nay, Trường đang thực hiện đầu tư cải tạo sửa chữa các phòng học, ký túc xá sinh viên, hội trường, mở rộng cổng trường, xây dựng xưởng thực hành và nhà thi đấu đa năng với tổng mức đầu tư khoảng 31,25 tỷ đồng, cùng với đầu tư mua sắm trang thiết bị, nâng cấp phần mềm phục vụ cho đào tạo với tổng mức đầu tư là 1,2 tỷ đồng [H9.09.01.08], [H9.09.01.09]. Tuy nhiên do hệ thống trang thiết bị được đầu tư lâu năm mặc dù được duy tu sửa chữa thường xuyên nhưng vẫn chưa thể đáp ứng hết được nhu cầu đào tạo ngày một mở rộng như hiện nay.

Phần lớn các trang thiết bị để hỗ trợ quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị trong Nhà trường nên tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị cao, linh hoạt trong giảng dạy và nghiên cứu của GV, học tập hiệu quả ở SV. Việc đăng ký sử dụng phòng học/trang thiết bị được thực hiện theo quy trình của Nhà trường [H9.09.01.10]. Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ NH về hệ thống phòng học, giảng đường và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành LKT. Hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành LKT của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của NH. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ NH về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT có trên 70% số NH được khảo sát đánh giá mức độ “tốt”, gần 30% đánh giá mức độ “khá” [H9.09.01.11].

2. Điểm mạnh

Phòng làm việc, phòng học rộng rãi, thoải mái. GV và NH ngành LKT được cung cấp đủ số phòng học, giảng đường phục vụ cho dạy, học đáp ứng yêu cầu đào tạo

và NCKH. CB, GV và NH ngành LKT được đáp ứng đầy đủ trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và thực hiện các đề tài, dự án; bên cạnh đó, các trang thiết bị được kịp thời sửa chữa, thay thế khi có yêu cầu.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống trang thiết bị của trường đã lâu (Máy tính, máy in, bàn ghế,..đã cũ, hư hỏng) cũng ảnh hưởng đến việc dạy và học của GV và SV.

Hệ thống quản lý CSVC, trang thiết bị của Nhà trường còn chưa chặthẽ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lập kế hoạch dự toán nâng cấp sửa chữa, nâng cấp hoặc mua sắm thay thế bổ sung các trang thiết bị mới. Rà soát, cải tiến lại hệ thống quản lý CSVC, trang thiết bị trong toàn trường.	Phòng Quản lý CSVC-IT, Phòng Tài chính Kế toán	Năm 2021-2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì đảm bảo số lượng phòng làm việc và phòng học phục vụ cho dạy, học đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH.	Phòng Quản lý CSVC-IT	Năm 2021-2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Có thư viện, phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT.

Thư viện Trường được thành lập vào năm 2013. Thư viện được bố trí tại dãy Nhà học U, với tổng diện tích 344m² bao gồm phòng Đọc, Phòng mượn và Phòng thư viện điện tử [H9.09.01.02], [H9.09.02.01]. Hiện nay Thư viện đã được đầu tư phần mềm Quản lý Thư viện Emiclib với đầy đủ các chức năng cần có đáp ứng nhu cầu phát

triển. Tạo điều kiện cho CB, GV, NH dễ dàng tiếp cận hơn với các nguồn tài liệu phục vụ hoạt động dạy và học **[H9.09.02.02]**.

Thư viện có nội quy, quy định và được trang bị các trang thiết bị để hoạt động

Thư viện đã ban hành nội quy hoạt động trong đó đề cập đến các vấn đề như: quy định chung, thời gian, đối tượng phục vụ, quy định mượn tài liệu, quy định xử phạt khi vi phạm **[H9.09.02.03]**. Thư viện có đầy đủ CSVC khác đảm bảo cho hoạt động phục vụ NH và xử lý nghiệp vụ gồm: 01 hệ thống máy chủ dùng chung cho cả trường, 25 máy tính, bàn ghế, quạt, đèn,....

Thư viện được đầu tư phần mềm quản lý chuyên dụng Emiclib từ cuối năm 2018 với nhiều chức năng: xử lý nghiệp vụ, phục vụ SV, thống kê tài liệu, xây dựng tài liệu điện tử **[H9.09.02.04]** phục vụ các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu chung của nhà trường.

Có đầy đủ học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ),... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Các đầu sách của Thư viện bổ sung theo danh mục học liệu trong ĐCCT các HP của các ngành đào tạo **[H1.01.02.07]**, **[H1.01.03.05]**. Nguồn tài liệu của thư viện được quản lý thông qua phần mềm Quản lý Thư viện Emiclib **[H9.09.02.02]**. Thư viện Trường cung cấp các loại sách, giáo trình tài liệu tham khảo khá phong phú cho ngành LKT đáp ứng nhu cầu dạy học. Công tác bổ sung nguồn tài liệu thường xuyên, bám sát với CTĐT của ngành LKT. Tính đến tháng 12 năm 2021, Thư viện Trường có hơn 7.000 cuốn sách các loại phục vụ cho các ngành đào tạo trong trường, Trong đó bao gồm hơn 350 cuốn sách giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho ngành LKT **[H9.09.02.05]**. Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, Thư viện bước đầu đã đầu tư xây dựng Thư viện số phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho bạn đọc từng bước tiếp cận, khai thác nguồn tài liệu qua website của Thư viện trường **[H9.09.02.06]**. Bên cạnh tài liệu truyền thống, tài liệu số từng bước được quan tâm và cập nhật mới thường xuyên nhằm phục vụ công tác đào tạo của trường. Hiện nay có 652 tài liệu, giáo trình điện tử **[H9.09.02.07]**.

Các tài liệu, học liệu (bản in và điện tử) được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu.

Hàng năm, Thư viện luôn rà soát, cập nhật tài liệu mới thường xuyên. Thư viện đã liên tục bổ sung nhiều tài liệu mới, trong đó bổ sung tài liệu phục vụ NH ngành LKT đến năm 2021 với kinh phí hơn 40.000.000đ **[H9.09.02.08]**. Cùng vốn tài liệu sẵn có đã cung cấp đầy đủ cho ngành LKT trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Có dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Phần mềm quản lý thư viện Emiclib có chức năng thống kê lượt bạn đọc sử dụng thư viện theo nhiều tiêu chí: thời gian, thuộc tính (ấn phẩm được mượn nhiều nhất, bạn đọc mượn nhiều nhất) [H9.09.02.02]. Riêng từ tháng 4 đến tháng 9/2021, tổng lượt truy cập vào trang Thư viện của Trường đạt trung bình khoảng 12.747 lượt/tháng, không tính lượt download tài liệu. Thư viện còn sử dụng sổ thống kê truyền thống đối với NH vào thư viện đọc báo, tạp chí, dùng internet, học bài, làm việc nhóm [H9.09.02.09]. Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của Thư viện đối với CTĐT ngành LKT cho thấy GV và NH cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của Thư viện [H9.09.02.10].

2. Điểm mạnh

Số đầu sách phục vụ việc dạy và học của NH ngành LKT khá đa dạng. Thư viện điện tử cho phép NH và GV ngành LKT tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập, download cơ sở dữ liệu của nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Số kinh phí bổ sung thêm tài liệu, giáo trình hằng năm và số đầu sách, giáo trình tiếng nước ngoài phục vụ cho việc học tập, giảng dạy ngành LKT còn hạn chế.

Chưa thực hiện liên kết với các thư viện điện tử ngoài Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa kết hợp với Thư viện đề xuất nhà trường tiếp tục đầu tư mua thêm giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ ngành LKT đáp ứng yêu cầu CTĐT. Thực hiện liên kết với các thư viện điện tử ngoài Nhà trường.	Phòng Quản lý CSVC-IT; Khoa LKT; Phòng Tài chính Kế toán	Năm 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và nâng cấp Thư viện điện tử của Nhà trường.	Phòng Quản lý CSVC-IT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp, được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Đảm bảo đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường có hệ thống các phòng thực hành đáp ứng đủ theo các yêu cầu CTĐT của các ngành [H9.09.03.01]. Các phòng thực hành có trang thiết bị đầy đủ máy lạnh, bàn ghế, bảng, hệ thống chiếu sáng, hệ thống âm thanh, máy chiếu, máy tính, phần mềm. Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.03.02]. Hằng năm, Nhà trường đều có tiến hành kiểm kê toàn bộ hệ thống trang thiết bị để thống kê [H9.09.03.03]. Toàn Trường có 03 phòng thực hành máy tính với hơn 120 máy tính đảm bảo đủ phục vụ cho GV, NH dạy và học thực hành tin học, học tập và thi trực tuyến. Nhà trường có trang bị hệ thống wifi phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường (bao gồm thư viện, ký túc xá) tạo điều kiện cho công tác dạy, học và nghiên cứu khoa học của ngành LKT [H9.09.04.04].

Các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành được duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu.

Tất cả các phòng thí nghiệm, thực hành chuyên ngành đều có quy định của phòng thực hành [H9.09.03.05], hồ sơ kỹ thuật trang thiết bị phòng thực hành nhằm theo dõi, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị [H9.09.03.06]. Đồng thời, hằng năm Nhà trường đều ban hành kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm mới và tăng cường máy móc, thiết bị được trang bị tại các phòng thực hành [H9.09.03.07], nhưng còn một số thiết bị sử dụng một thời gian đã lạc hậu hoặc hết thời hạn khấu hao chưa thay thế.

Có người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành, có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị

Các phòng thực hành có CB chuyên môn phụ trách, NV quản trị thiết bị thuộc phòng Phòng CSVN-IT trực suốt trong các buổi học để quản lý tình hình sử dụng thiết bị và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong quá trình sử dụng [H9.09.03.08]. Có cán bộ phụ trách trang thiết bị được đào tạo phù hợp với hệ thống trang thiết bị như chuyên viên IT có chuyên ngành CNTT được đào tạo phù hợp làm cán bộ phụ trách thiết bị phòng thực hành. Các phòng thực hành có quy định các phòng thực hành, thí nghiệm [H9.09.03.05]. Các trang thiết bị được cấp phát tại phòng thực hành được kiểm kê định kỳ và theo dõi [H9.09.03.09] để người phụ trách theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Tình hình sử dụng trang thiết bị phòng thực hành, thực tập được báo cáo mỗi năm về thời gian, tần suất sử dụng [H9.09.03.10]. Để đánh giá hiệu quả sử dụng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng, hàng năm Nhà trường khảo sát và có báo cáo kết quả khảo sát đánh giá, phản hồi về chất lượng phục vụ của phòng thực hành, có trên 80% người được khảo sát (giảng viên, chuyên viên,

nhân viên, và NH của ngành LKT) cho rằng phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng được nhu cầu **[H9.09.03.11]**. Tuy nhiên hiện vẫn còn một vài trang thiết bị đang được sử dụng, nhưng ở trong tình trạng lạc hậu hoặc hết thời hạn khấu hao.

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng thực hành của Nhà trường đảm bảo đáp ứng nhu cầu đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của NH ngành LKT.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng phòng thực hành phục vụ hoạt động NCKH còn hạn chế. Các tư liệu, tài liệu và trang thiết bị vẫn chưa thực sự đầy đủ cho hoạt động thực hành và tư vấn trên thực tế của SV.

Một số trang thiết bị phục vụ dạy học cho ngành LKT đã và đang được sử dụng nhưng trong tình trạng lạc hậu hoặc hết thời hạn khấu hao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lập kế hoạch đầu tư mới trang thiết bị thay thế các thiết bị đã lạc hậu hoặc hết thời hạn khấu hao.	Phòng Quản lý CSVC-IT; Khoa LKT; Phòng Tài chính Kế toán	Năm 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường đảm bảo đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của SV.	Phòng Quản lý CSVC-IT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Có hệ thống CNTT (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử,...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

Nhà trường có hệ thống CNTT hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin và tri thức. Công tác quản lý của Trường thực hiện thông qua hệ thống Office 365, PMT-EMS Education, PMT-EMS HRM các lĩnh vực đều sử dụng các phần mềm quản lý để quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác **[H9.09.04.01]**. Hiện nay, Trường có 120 bộ máy vi tính để bàn để phục vụ cho giảng dạy, học tập.

Nhà trường trang bị máy tính xách tay cho đội ngũ CB quản lý, trưởng bộ môn trong đó có trưởng bộ môn ngành LKT để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và học tập của GV và NH. Thư viện trường có hơn 40 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho NH **[H9.09.03.04]**. CB, GV toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@mit.vn **[H9.09.04.02]**. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt thuộc Phòng CSVC-IT **[H5.05.01.03]**.

Các hoạt động của Nhà trường, được quản lý bằng hệ thống phần mềm một cách khoa học và hợp lý. Các dữ liệu về quản lý Nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống phần mềm PMT-EMS. Dựa vào phân quyền cụ thể mà tất cả các đơn vị, cá nhân thực hiện chức năng trên phần mềm quản lý đào tạo đảm bảo đáp ứng **[H8.08.03.01]**.

. Hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

Nhà trường có hệ thống máy tính đáp ứng đủ số lượng cho CB, GV, NV Nhà trường làm việc và hơn 120 máy để phục vụ cho NH học tập, nghiên cứu. Bên cạnh đó. Trường đã bố trí hơn 40 máy tính tại thư viện điện tử của Nhà trường phục vụ cho việc tra cứu và tải tài liệu, giáo trình điện tử đáp ứng hoạt động học tập và nghiên cứu của NH **[H9.09.04.03]**.

Tại các phòng làm việc của các phòng, ban chức năng đều được bố trí hệ thống Wifi riêng đảm bảo đường truyền cho các hoạt động của các đơn vị. Đồng thời, tại các dãy nhà học, ký túc xá đều có bố trí hệ thống wifi miễn phí phục vụ cho NH của toàn trường.

Hệ thống CNTT được sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hệ thống CNTT được duy tu, bảo dưỡng và cập nhật kịp thời thông qua sổ theo dõi **[H9.09.01.04]** để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho ngành LKT và các ngành khác trong Nhà trường. Hằng năm, Trường đều có ban hành kế hoạch sửa chữa, tu bổ và nâng cấp các trang thiết bị, trong đó có hệ thống CNTT của Nhà trường để đảm bảo các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường và Khoa được diễn ra tốt đẹp **[H9.09.03.07]**.

Có lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT.

MIT đã triển khai khảo sát NH về công tác đảm bảo hoạt động đào tạo về công nghệ thông tin, trong đó có khảo sát về sự hài lòng của NH về hạ tầng CNTT ngay từ năm 2019 đến nay. Kết quả khảo sát cho thấy 75 % NH và 82% GV hài lòng với hạ tầng CSVC, trang thiết bị tin học phục vụ giảng dạy học tập và NCKH (năm 2019-2020); 82 % NH và 85% GV (năm 2020-2021) **[H9.09.04.04]**. Nhìn chung, về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT được GV và NH đánh giá tốt, đáp ứng được hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Ngành LKT nói riêng và toàn trường nói chung.

2. Điểm mạnh

Nhìn chung, chất lượng hệ thống CNTT của Nhà trường khá tốt, được đầu tư hiện đại, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả hỗ trợ quá trình đào tạo và NCKH của GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Còn một số GV của Khoa chưa chủ động trong việc khai thác nguồn lực CNTT của Trường.

Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các thiết bị hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập vào internet bị chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa làm việc với những GV nhằm thúc đẩy chủ động trong việc khai thác sử dụng CNTT trong giảng dạy và nghiên cứu. Tập trung đầu tư nâng cấp, hoạch định lại hệ thống server và tăng tốc độ đường truyền internet phục vụ cho công tác quản lý, đào tạo và NCKH.	Khoa LKT; Phòng Quản lý CSVC-IT; Phòng Tài chính Kế toán	Năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên theo dõi việc vận hành và bảo trì hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm trong toàn trường	Phòng Quản lý CSVC-IT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định theo quy định hiện hành có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật

Nghị định 80/2017/NĐ - CP của Thủ tướng chính phủ và các văn bản hiện hành quy định về môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường đã đưa ra các quy định và tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định trên cơ sở quy chuẩn của các Bộ, ngành liên quan (có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật) **[H9.09.05.01]**.

Nhà trường cũng ban hành các văn bản quy định bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn, sức khỏe năm 2018, quy định nội quy về an toàn trật tự, giữ vệ sinh dưới mọi hình thức **[H9.09.05.02]** cho CB, GV, NH thống nhất thực hiện trong toàn Nhà trường. Quy tắc ứng xử văn hóa quy định toàn thể người lao động, NH của Nhà trường có trách nhiệm gìn giữ vệ sinh, bảo vệ CSVC, thiết bị dạy và học trong phòng học, phòng thực hành, thực tập, phòng họp, phòng ở ký túc xá và các khu vực khác trong khuôn viên Nhà trường; không kỳ thị, phân biệt đối xử người khuyết tật **[H8.08.05.02]** phù hợp với quy định hiện hành.

Nhà trường có các quy định đảm bảo an toàn trong khu vực phòng thực hành, ký túc xá như Nội quy Ký túc xá **[H9.09.05.03]**; Nội quy các phòng thực hành – thí nghiệm **[H9.09.03.05]**. Nhà trường ban hành quy định, hướng dẫn về phòng cháy chữa cháy, phương án chữa cháy tại chỗ **[H9.09.05.04]**. Quy định, nội quy được tóm thành bảng và treo ở khuôn viên trường để toàn thể CB, GV, NV, NH biết và thực hiện **[H9.09.05.05]**; nội quy, quy định, phòng cháy chữa cháy này cũng được Nhà trường phổ biến cho tân NH tại tuần lễ sinh hoạt công dân **[H1.01.03.10]** và tại các buổi tập huấn phòng cháy chữa cháy **[H8.08.05.17]**, **[H8.08.05.18]**. Tại ký túc xá, căn tin của Trường có lối vào cho người khuyết tật dùng xe lăn **[H9.09.05.06]**.

Quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện

Nhà trường có đội ngũ lao công, đội cây xanh đảm bảo môi trường trong khuôn viên Nhà trường luôn sạch và đẹp [H9.09.05.07]. Nhà trường có khuôn viên trồng cây xanh và được đầu tư cải tạo.

Đối với vấn đề sức khỏe, Nhà trường có căn tin sạch sẽ, thoáng mát, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H9.09.05.08]. Hằng năm, Trường còn tổ chức cho CB, GV, CNV nhà trường đi khám sức khỏe định kỳ [H8.08.05.07], [H8.08.05.08]. Năm 2020, Nhà trường đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, triển khai công tác phòng chống dịch COVID-19, phun thuốc khử trùng, đo thân nhiệt, rửa tay sát khuẩn nhằm bảo đảm an toàn sức khỏe cho người lao động, NH trong toàn Nhà trường [H9.09.05.09]. Đồng thời, để chung tay đẩy lùi dịch bệnh Covid-19, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Trường tổ chức bào chế nước sát khuẩn để phát cho CB, GV, NV và NH Nhà trường và phát miễn phí cho các khu cách ly trên địa bàn tỉnh Đồng Nai [H9.09.05.10].

Đối với đảm bảo an ninh trường học, Nhà trường đã thành lập đội Dân quân tự vệ và đội Phòng cháy chữa cháy riêng của Trường [H8.08.05.15], [H8.08.05.15] và đội ngũ bảo vệ trực 24/24 giờ có nhiệm vụ phát hiện, ngăn chặn hành vi mất an toàn trật tự, hỗ trợ người khuyết tật, hướng dẫn khách và các phương tiện lưu thông ra vào, phát hiện và xử lý bước đầu khi có sự cố cháy, nổ xảy ra. Nhà trường thường xuyên được kiểm tra hàng năm và đảm bảo về công tác phòng cháy chữa cháy, công tác an toàn hệ thống điện [H9.09.05.11]. Trong đó, tại mỗi tầng lầu đều có ít nhất 3 bình PCCC, có hệ thống báo cháy, có hệ thống đèn dẫn, lối đi thoát hiểm đảm bảo tiêu chuẩn sử dụng theo quy định [H9.09.05.12], [H9.09.05.13], để khi có sự cố xảy ra, tất cả các phòng, khoa kịp thời ứng cứu. CSVC của Nhà trường ưu tiên sửa chữa phát huy công năng, xây dựng môi trường học tập làm việc xanh, sạch, đẹp [H9.09.05.14]. Tuy nhiên, Trường chưa có nhiều phương tiện thuận lợi cho người khuyết tật như chưa bố trí chỗ ngồi thuận lợi trong phòng học và thang máy cho người khuyết tật.

Có lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Hằng năm, Trường có thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn [H2.02.03.03]. Kết quả khảo sát cho thấy năm học 2018-2019 có trên 90% CB, GV, NV và trên 85% NH đang theo học ngành LKT hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn của Nhà trường; Năm học 2019-2020 có trên 91% CB, GV, NV và trên 88% NH đang theo học ngành LKT hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn của Nhà trường. Năm 2020- 2021, có trên 92% CB, GV, NV và trên 90% NH đang theo học ngành LKT hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn của Nhà trường [H9.09.05.15].

2. Điểm mạnh

Công tác vệ sinh môi trường được thực hiện bởi đội ngũ lao công của Nhà trường có đầy đủ dụng cụ, hóa chất chuyên dụng làm vệ sinh để đảm bảo môi trường sạch sẽ,

thoáng mát. Đồng thời có đội ngũ cây xanh chuyên chăm sóc cây cảnh trong khuôn viên Nhà trường giúp Nhà trường luôn xanh và đẹp.

Trật tự, an ninh trong Nhà trường được đảm bảo bởi bộ phận chuyên trách làm công tác bảo vệ, đội Dân quân tự vệ và đội Phòng cháy chữa cháy phối hợp chặt chẽ với các lực lượng an ninh của địa phương.

3. Điểm tồn tại

Chưa có hệ thống camera quan sát hỗ trợ đội ngũ bảo vệ Nhà trường.

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai chưa thật sự lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lắp đặt hệ thống camera tại cổng trường, các nhà học. Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ người khuyết tật khi đến trường.	Phòng Quản lý CSVC-IT; Phòng Tài chính Kế toán	Năm 2022 - 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và thực hiện tốt nhiệm vụ của các đội ngũ lao công, cây xanh, dân quân tự vệ, đội Phòng cháy chữa cháy của nhà trường.	Phòng Quản lý CSVC-IT và Phòng Hành chính – Nhân sự	Hàng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Thông qua việc đầu tư cải tạo, sửa chữa, mua sắm hàng năm, MIT hiện có đầy đủ các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phục vụ cho đào tạo NCKH nói chung và đào tạo cho ngành LKT nói riêng. MIT hiện có đầy đủ các phòng học lý thuyết, phòng thực hành được bố trí và sử dụng một cách hiệu quả. Cùng với đó là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý, đào tạo, dạy học đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH nói chung cũng như là đào tạo NCKH cho ngành LKT nói riêng. Bên cạnh các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của MIT còn có các khu hoạt động thể dục thể thao, khu vực hội trường phục vụ nhu cầu văn hóa văn nghệ,

thể thao của NH, cũng như của CB, GV công tác tại Trường. Công tác PCCC, an ninh an toàn được thực hiện theo đúng quy định, có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan công an trên địa bàn.

Tuy nhiên MIT còn một số tồn tại như: Một số trang thiết bị dùng cho hoạt động đào tạo, NCKH do được trang cấp từ lâu hiện đã xuống cấp, hiệu quả khai thác còn chưa cao. Chưa đáp ứng được sự hài lòng của toàn bộ người sử dụng trong Nhà trường nói chung.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 9

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 9								4,20	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu: Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển nền giáo dục của cơ sở đào tạo. Nâng cao chất lượng giáo dục gắn liền với các yếu tố: Kiến thức, kỹ năng, thái độ của NH; Môi trường và các cơ hội học tập; Chất lượng của cơ sở giáo dục hoặc CTĐT.

Trường cùng với Khoa đã có các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng chương trình đó là: Xây dựng CĐR theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; CTĐT được đánh giá và cải tiến chất lượng đáp ứng CĐR và nhu cầu nhân lực trên thị trường lao động; Phương pháp dạy và học, quy định đánh giá KQHT của NH được rà soát, đánh giá thường xuyên đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR; CSVC, trang thiết bị và dịch vụ hỗ trợ thường xuyên được đánh giá và cải tiến chất lượng; Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học; Duy trì cơ chế phản hồi từ NH cũng như các bên liên quan khác với CTĐT của Trường, Khoa, để giúp thiết kế tốt chương trình cũng như đảm bảo tính cập nhật và phù hợp.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển Chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng

Có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan

Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về các chương trình dạy học, cụ thể như: lấy ý kiến phản hồi từ NH về chất lượng đào tạo của khóa học, lấy ý kiến của NTD và cựu NH thực hiện theo, lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia... theo Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H1.01.02.03], [H10.10.01.01]. Nhà trường quy định chi tiết về nội dung khảo sát, thời điểm, công cụ và hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan trong quy định [H1.01.02.11].

Khoa quản lý CTĐT trước khi xây dựng mới hoặc khi rà soát, điều chỉnh CTĐT phải thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan để làm cơ sở điều chỉnh. Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm NH khảo sát cựu NH về chất lượng CTĐT và Khoa lấy ý kiến của NTD về chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng nhu cầu công việc cũng như nhu cầu và xu hướng tuyển dụng. Việc khảo sát được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau (như dùng bảng hỏi, khảo sát trực tuyến, phỏng vấn, thông qua các buổi Hội thảo, họp chuyên môn của Khoa, Bộ môn...) tùy thuộc vào đối tượng được khảo sát và kế hoạch của đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát. Công cụ khảo sát có liên quan đến phát triển CTDH gồm có phiếu khảo sát như "Phiếu khảo sát phản hồi của NH trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo tại trường" trong Phụ lục của "Hoạt động khảo sát các bên liên quan phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Miền Đông" [H10.10.01.02], "Phiếu khảo sát phản hồi của cựu NH về tình hình việc làm và chất lượng đào tạo tại trường" [H10.10.01.03] và "Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của NTD/doanh nghiệp/chuyên gia về chất lượng đào tạo tại trường" [H10.10.01.04] dành cho NTD lần lượt có tại Phụ lục của "Hoạt động khảo sát các bên liên quan phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Miền Đông".

Khoa LKT còn tiến hành tổ chức Hội thảo để lấy ý kiến các bên liên quan về CTDH như Hội thảo CTĐT ngành LKT trình độ đại học vào năm 2018 làm cơ sở cho việc xây dựng CTĐT năm 2018; Hội thảo vào năm 2021 [H10.10.01.04] làm cơ sở cho việc xây dựng CTĐT năm 2021 nhằm xây dựng, điều chỉnh CTĐT phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn,

Trên cơ sở phân tích kết quả khảo sát [H10.10.01.05], xác định nhu cầu và phản hồi của NTD, chuyên gia, NH đang học, cựu NH và GV giảng dạy, Nhà trường và Khoa xác định phương hướng phát triển CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng các yêu cầu của thị trường lao động và làm hài lòng các bên liên quan.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển CTDH

Hàng năm, Nhà trường lập kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan và phân công nhiệm vụ thực hiện thu thập các ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo đối với NH sắp tốt nghiệp cho Phòng KT - ĐBCL, của cựu NH cho Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm NH [H2.02.03.03]. Đây là một trong các kênh thông tin hỗ trợ khoa KTL trong việc rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành LKT. Ngoài ra, Khoa còn thực hiện việc lấy ý kiến của GV, NTD lao động trước mỗi lần rà soát, điều chỉnh hay xây dựng CTĐT. Cụ thể, năm 2021 khoa đã thực hiện lấy ý kiến khảo sát của 10 GV cơ hữu của Nhà trường và 15 cựu NH từ khóa 2015 và khoa 2016 về CTĐT đại học ngành LKT bằng Phiếu khảo sát giấy [H10.10.01.03]. Sau đó, Khoa tổ chức Hội thảo CTĐT ngành LKT trình độ đại học [H10.10.01.04] với sự tham dự của 09 đại diện cho các đơn vị sử dụng lao động ngành LKT tại nhiều vị trí khác nhau, cùng với GV của khoa KTL và đại diện các khoa đào tạo khác trong Nhà trường, phòng ban chức năng của Nhà trường. Ý kiến thu thập được từ Hội thảo và từ các kết quả khảo sát bằng Phiếu khảo sát giấy được sử dụng làm cơ sở cho việc thiết kế xây dựng CTĐT ngành LKT [H10.10.01.06]. Sau mỗi lần khảo sát, Khoa đều tổng hợp và phân tích, tiếp thu các ý kiến góp ý của các đối tượng [H10.10.01.07] và sử dụng các dữ liệu thông tin để điều chỉnh CTĐT vào năm 2018 và 2021 [H1.01.01.09]. Tuy nhiên, số lượng NTD được lấy ý kiến đóng góp qua các cuộc Hội thảo về CTĐT ngành LKT còn ít. Khoa cũng đã nghiên cứu lựa chọn những ý kiến đóng góp của các bên liên quan để phát triển CTĐT.

2. Điểm mạnh

Đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi đa dạng từ nhiều đối tượng khác nhau dùng làm căn cứ rà soát và phát triển CTĐT.

Các kênh thông tin, phản hồi đa dạng: Bảng hỏi, hội thảo, họp hội đồng khoa học và đào tạo Khoa, Bộ môn, các báo cáo đánh giá triển vọng nghề nghiệp trong tương lai.

3. Điểm tồn tại

Số lượng thực hiện khảo sát ý kiến của đối tượng nhà tuyển dụng còn hạn chế.

Việc khảo sát ý kiến các bên liên quan mới được thực hiện từ năm 2018 đến nay.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và triển khai kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến thêm của đối tượng NTD về CTĐT.	Khoa KTL	Năm 2022 - 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Nâng cao hơn nữa chất lượng của các công cụ khảo sát để có thể thu thập ý kiến phản hồi một cách hiệu quả, tiết kiệm.	Khoa KTL, Phòng KT-ĐBCL; Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm SV	Năm 2021 - 2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển Chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Có quy trình thiết kế và phát triển CTDH

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT **[H1.01.02.03]**, **[H10.10.01.01]**. Trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã ban hành quy định quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT nhằm thống nhất về các bước tiến hành, chuẩn hóa việc xây dựng CTĐT, phục vụ cho việc phát triển mở rộng, đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có kiến thức và am hiểu về pháp luật cho xã hội **[H10.10.02.01]**. Quy trình chi tiết về xây dựng, thiết kế, đổi mới CTĐT gồm 08 bước theo lưu đồ với nội dung được mô tả rõ ràng và có biểu mẫu hướng dẫn kèm theo **[H10.10.02.02]**. Bước đầu tiên trong quy trình 08 bước là Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/ chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu sử dụng của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/ chuyên ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu (Khoản 2 Điều 7 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và yêu cầu năng lực NH đạt được sau khi tốt nghiệp, sau đó xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CDR của CTĐT; Tiếp theo là xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và CDR; Sau đó đối chiếu, so sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành/chuyên ngành của cơ sở đào tạo khác trong nước và nước ngoài để hoàn thiện CTĐT; Bước tiếp theo là thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định; Sau đó, tổ chức hội thảo lấy ý kiến của GV, CB quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về CTĐT; Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của các cơ sở đào tạo xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng và cuối cùng là Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn

học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiên bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

Thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH

Năm 2021, Khoa đã khảo sát ý kiến của CB, GV về quy trình phát triển CTDH [H10.10.02.03]. Nội dung khảo sát gồm: phần tổng quan bao gồm mục đích, phạm vi áp dụng, các thuật ngữ viết tắt; Quy trình cụ thể gồm lưu đồ của quy trình, phân công trách nhiệm, bộ phận phụ trách, các nội dung thực hiện; phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, kết quả tham khảo các CTĐT, CTĐT theo học chế tín chỉ, ĐCCT HP trong phần các biểu mẫu. Sau khi thu thập ý kiến khảo sát, Khoa đã họp tổng hợp đánh giá và rà soát về quy trình xây dựng bộ CTĐT đại học theo học chế tín chỉ năm 2018 [H10.10.02.04]. Phòng KT-ĐBCL đã tiến hành họp thông qua kết quả rà soát năm 2018 về quy trình phát triển CTĐT [H10.10.02.05] và đề xuất Hiệu trưởng giao Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT hoàn thiện quy trình xây dựng và phát triển CTDH và làm quyết định điều chỉnh quy trình áp dụng từ năm 2018 [H10.10.02.06].

Khoa đã cơ bản triển khai xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH căn cứ theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường để phát triển CTĐT, CTDH năm 2014, 2018 và một phần cho dự thảo CTĐT, CTDH năm 2021. Để đảm bảo tiêu chí nâng cao chất lượng, Trường cũng đã tiến hành rà soát, đánh giá theo quy trình nói trên, làm cơ sở để điều chỉnh và xây dựng quy trình mới thể hiện qua bảng so sánh đối chiếu CTĐT 2014 - 2018 [H10.10.02.07].

Cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH

Năm 2021, dựa trên kết quả khảo sát quy trình phát triển CTĐT của Khoa KTL, MIT ban hành quyết định về việc thay thế quy trình xây dựng bộ CTĐT đại học theo học chế tín chỉ kèm theo quy trình xây dựng bộ CTĐT [H10.10.02.08], cải tiến từ 10 bước trong quy trình năm 2015 thành 08 bước trong quy trình năm 2021: giảm đi 2 bước. Việc cải tiến quy trình xây dựng bộ CTĐT ngoài việc giảm đi 2 bước để quy trình được tin gọn hơn, cải tiến về tên các bước, nội dung và thời gian thực hiện.

2. Điểm mạnh

Đã có quy trình thiết kế và phát triển CTDH; đã thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH theo quy định của Bộ GD &ĐT, theo đó:

- CTĐT được xây dựng bám sát CĐR, CTDH cũng được thay đổi phù hợp nhằm đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR đã quy định trong đề cương mỗi học phần. Trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT và CTDH Khoa và Trường đã lắng nghe ý kiến của các bên liên quan để có những điều chỉnh cho phù hợp. Các học phần trong chương trình CTĐT có tham khảo các module kiến thức của CTĐT quốc tế, các CTĐT của các hiệp hội nghề nghiệp để sinh viên có kiến thức gắn sát với kiến thức thực tế nghề nghiệp.

- Các GV đều được tham gia vào việc thiết kế và phát triển CTĐT và CTDH.

- Định kỳ CTĐT và CTDH đều được hội đồng khoa học Khoa rà soát, cập nhật, và bổ sung..

3. Điểm tồn tại

CTĐT, CTDH ngành Luật Kinh tế được triển khai với sự tham gia giảng dạy bởi nhiều GV đến từ các đơn vị khác nhau trong Trường, nên việc tập huấn, bồi dưỡng GV về kỹ thuật phát triển CTĐT, CTDH còn hạn chế. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa có sự tham gia nhiều của các chuyên gia, nhà khoa học về xây dựng và phát triển CTDH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan gồm các CB, GV, chuyên gia ngành/ chuyên ngành, NTD, cựu NH và SV. Định kỳ ít nhất 2 năm/lần cập nhật quy trình phát triển CTĐT.	Khoa KTL, Phòng KT-ĐBCL; Phòng ĐTĐH– NCKH–HTQT	Năm 2022 - 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, cập nhật quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT phù hợp với bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn chi tiết, cụ thể quy trình này cho các bên liên quan thực hiện.	Khoa KTL, Phòng ĐTĐH– NCKH–HTQT	Năm 2021 - 2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR.

MIT đã xây dựng hệ thống các quy trình để rà soát quá trình tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT trong quá trình thực hiện CTĐT [H10.10.03.01], [H5.05.01.02], [H10.10.03.02]. Nhà trường đã xây dựng một hệ thống giám sát tiến trình này nhằm đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp với những gì đã thiết kế và công bố [H10.10.03.03], [H8.08.03.01]. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được quy định rõ trong ĐCCT học phần, Quy chế đào tạo tín chỉ, quy định quản lý và đánh giá kết quả học tập của NH, trong đây chỉ rõ hình thức và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá [H1.01.02.07], [H1.01.03.05], [H5.05.01.02], [H3.03.01.04]. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Để công tác dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được đảm bảo chất lượng được, Nhà trường thường xuyên rà soát và đánh giá các hoạt động này, đảm bảo tính tương thích với CDR môn học và CTĐT. Vấn đề rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập NH được thực hiện thường xuyên, định kỳ, đúng quy định.

Triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Từ năm 2019, định kỳ theo mỗi học kỳ, Khoa tiến hành họp chuyên môn nhằm đánh giá quá trình dạy và học, hoạt động liên quan đến đánh giá kết quả học tập như xây dựng ngân hàng đề thi, cách thức tổ chức thi đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của CTDH [H10.10.03.04].

Nhằm nâng cao chất lượng công tác dạy và học cũng như đánh giá kết quả học tập, Nhà trường thiết lập các kênh trao đổi thông tin trực tiếp thông qua các buổi đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với NH [H4.04.03.06], [H2.02.03.14] và qua hoạt động khảo sát về hoạt động giảng dạy của GV định kỳ theo từng học kỳ, từ đó kịp thời nắm bắt thông tin và khắc phục các vấn đề tồn tại. Theo đó, NH sẽ phản hồi về nội dung giảng dạy, tài liệu được cung cấp và mức độ giảng dạy theo đề cương đã cung cấp. NH cũng đánh giá về cách thức và quá trình đánh giá kết quả học tập [H5.05.02.03], [H4.04.03.07]. Từ các thông tin được phản hồi, Nhà trường thông báo đến Bộ môn và từng GV để có kế hoạch cải tiến chất lượng dạy và học cũng như đánh giá kết quả học tập [H4.04.03.08].

Ngoài ra, vào đầu mỗi năm học, Nhà trường sẽ ban hành Quyết định thành lập Ban Thanh tra học vụ [H10.10.03.03]. Ban này có quyền và nghĩa vụ giám sát hoạt động giảng dạy của GV, đảm bảo cho GV giảng dạy tuân thủ theo đúng quy định về giờ giấc, tác phong sư phạm của GV [H10.10.03.05].

Kết quả học tập, đánh giá của NH được Trường và khoa quản lý thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo [H8.08.03.01]. Cuối mỗi kỳ học, Khoa kết hợp với Phòng Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT, Phòng KT-ĐBCL và Trung tâm Tri nghiệm & Việc làm NH tiến hành rà soát kết quả học tập và xét học vụ cho NH [H8.08.03.07]. Những trường hợp NH có kết quả học tập không khả quan sẽ nhanh chóng được thông tin lại cho cố vấn học tập của mỗi lớp, cho gia đình NH để khẩn trương có những phương hướng giúp đỡ, hỗ trợ NH cải thiện kết quả học tập trong những kỳ học tiếp theo, đảm bảo CDR. Việc làm này thực tế đã phát huy được hiệu quả, nhiều NH sau khi được sự động viên kịp thời của gia đình, sự hỗ trợ nhiệt tình của GV phụ trách môn học, cố vấn học tập và bạn bè trong lớp đã thu được những kết quả tích cực hơn trong kỳ học tiếp theo được thể hiện thông qua các quyết định cảnh báo, buộc thôi học của Nhà trường từ năm 2018-2021 [H8.08.03.08].

Kết quả học tập và các phản hồi của NH được phân tích, đánh giá thường xuyên sau khi kết thúc quá trình giảng dạy làm cơ sở cho những điều chỉnh về nội dung, phương pháp giảng dạy đảm bảo NH tốt nghiệp đạt được CDR.

2. Điểm mạnh

Trường có quy định và đã triển khai về rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, kết quả của NH cũng như phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH tương thích, phù hợp với CDR.

Người học được lấy ý kiến phản hồi về hoạt động giảng dạy của GV và hàng năm được đối thoại với Hiệu trưởng, lãnh đạo Khoa. Qua đó Nhà trường và Khoa có thể nắm bắt được thực trạng dạy và học, từ đó có kế hoạch rà soát và đưa ra các giải pháp kịp thời xử lý.

3. Điểm tồn tại

NH chưa quan tâm nhiều đến ý nghĩa của việc khảo sát, góp ý kiến do đó tham gia còn mang tính đối phó.

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của GV chưa được đồng bộ mà mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của NH là chủ yếu, chưa dựa trên các hình thức khác như lấy ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp, từ Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức tuyên truyền tới NH ý nghĩa của việc khảo sát, phổ biến quy trình điều	Khoa KTL, Phòng KT-ĐBCL;	Năm 2022 - 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		chỉnh CDR, CTĐT, nội dung và phương pháp giảng dạy dựa trên ý kiến phản hồi của NH để NH thấy được tầm quan trọng của việc khảo sát để tham dự với thái độ tích cực hơn.			
		Tổ chức thường xuyên các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các GV; chủ động xây dựng kế hoạch dự giờ giảng của các GV trong bộ môn để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.	Khoa KTL		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì việc rà soát và đánh giá thường xuyên việc dạy và học, đánh giá kết quả học tập của NH để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.	Khoa KTL, Phòng KT-ĐBCL, Phòng ĐTĐH- NCKH-HTQT	Năm 2021 - 2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Có các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học

Đối với GV, NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính, NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà là trách nhiệm. NCKH giúp GV đưa vào giảng dạy những hiểu biết mới, làm tăng chất lượng giảng dạy. Tuy nhiên, đa số GV của Khoa phải thực hiện công tác giảng dạy nhiều và nhận thức của NH về ý nghĩa của hoạt động NCKH chưa cao. Do đó, số lượng công trình nghiên cứu, đề tài các cấp, bài báo khoa học của Khoa trong

05 năm vừa qua còn rất hạn chế **[H10.10.04.01]**, **[H10.10.04.02]** và được thống kê cụ thể như sau:

Bảng 10.1. Các công trình khoa học đã công bố của Khoa KTL từ 2016 – 2021

Năm học	Đề tài các cấp		Bài báo		Sách	
	Cấp trường	Cấp Bộ	Trong nước	Nước ngoài	Giáo trình	Tham khảo
2016-2017						
2017-2018						
2018 - 2019	1		03			
2019 - 2020	1					
2020 - 2021	2		02			

Nguồn: Khoa Kinh tế-Luật - MIT

Kết quả và sản phẩm của các công trình khoa học sau khi nghiệm thu và công bố được sử dụng theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ của Nhà trường và được sử dụng trong hoạt động giảng dạy tùy theo từng chuyên môn, lĩnh vực nghiên cứu. Các kết quả nghiên cứu cũng được sử dụng làm ví dụ minh họa cho NH trong quá trình học tập, nghiên cứu **[H10.10.04.01]**, **[H10.10.04.02]**.

Các kết quả NCKH được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH

Các đề tài khoa học của Khoa có xu hướng ứng dụng rất cao và đã đóng góp đáng kể vào công tác dạy và học cũng như trong tổng thể CTDH. Sau đây là ví dụ một số đề tài được ứng dụng trong giảng dạy của GV và học tập của SV:

Bảng 10.2 Một số đề tài được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy, học tập

TT	Tên đề tài	Tác giả	Năm	Thể loại	Học phần ứng dụng
1	Giải quyết tranh chấp lao động cá nhân tại tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh.	Nguyễn Năng Quang	2018	Bài báo khoa học	Luật lao động

TT	Tên đề tài	Tác giả	Năm	Thể loại	Học phần ứng dụng
2	Xây dựng điều lệ công ty nhỏ và vừa – Thực trạng và giải pháp	Nguyễn Năng Quang	2019	Bài báo khoa học	Luật Thương mại
3	Tranh chấp lao động cá nhân theo Bộ luật lao động 2019.	Nguyễn Năng Quang	2021	Bài báo khoa học	Luật lao động
4	Bộ Luật lao động 2019 và sự ảnh hưởng đến giải quyết tranh chấp lao động tại Tòa án Nhân dân.	Nguyễn Xuân Tài	2021	Bài báo khoa học	Luật lao động

Nguồn: Khoa Kinh tế-Luật – MIT

Có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH.

Ngoài sử dụng kết quả NCKH chuyển tải thành nội dung giảng dạy, Khoa KTL cũng đã sử dụng kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH. Để có nhiều ví dụ và nội dung phong phú hơn trong các HP, Khoa đã đưa các nội dung của các bài báo khoa học vào một số HP như: Luật lao động, Luật thương mại **[H10.10.04.03]**.

Để nâng cao nhận thức về hoạt động NCKH cho NH của ngành LKT kết hợp với Phòng Đào tạo ĐH – NCKH- HTQT, vào tháng 10/2021, Khoa tổ chức Tọa đàm “Vai trò của NCKH trong thời kỳ 4.0” cho tất cả NH Nhà trường **[H10.10.04.04]**, **[H10.10.04.05]**.

2. Điểm mạnh

Nội dung các đề tài NCKH Khoa KTL đã triển khai, thực hiện đều có tính ứng dụng hiệu quả để cải tiến việc dạy và học vào trong các học phần thuộc chuyên ngành LKT.

3. Điểm tồn tại

Trong 5 năm gần đây, các đề tài NCKH của ngành chủ yếu là bài báo khoa học thiếu các đề tài NCKH cấp trường và các cấp cao hơn.

Chưa có nhiều GV và NH của khoa tham gia NCKH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức về vai trò của NCKH trong Nhà trường. Có kế hoạch đăng ký đề tài NCKH dành cho GV và NH hằng năm.	Khoa KTL; Phòng ĐTĐH– NCKH–HTQT	Năm 2022 - 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục ứng dụng những kết quả của các đề tài NCKH để cải tiến hoạt động dạy và học. Động viên, khuyến khích các đề tài NCKH thuộc chuyên ngành LKT.	Khoa KTL	Năm 2021 - 2022	

5. *Tự đánh giá tiêu chí:* Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. *Mô tả hiện trạng*

Có văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác

Năm 2018, Nhà trường đã ban hành quy định về việc lấy ý kiến các bên liên quan về CSVC, trang thiết bị và các hoạt động hỗ trợ, phục vụ đào tạo, trong đó có lấy ý kiến NH về các dịch vụ của Nhà trường và được điều chỉnh, cập nhật thành Quy định về lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan năm 2021 **[H1.01.02.11]**.

Từ năm 2018 đến nay, hằng năm Trường đều ban hành kế hoạch lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan từng đơn vị trực thuộc sẽ thực hiện các khảo sát theo sự phân công trong kế hoạch **[H2.02.03.03]**. Việc lấy ý kiến được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến. Từ năm 2022, Nhà trường đã có hệ thống khảo sát thông qua phần mềm của Nhà trường **[H10.10.05.01]**.

Có thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...)

Căn cứ vào các văn bản quy định trên, các phòng ban đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường.

Từ năm 2018, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập được Trường và Khoa đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng. Chất lượng của dịch vụ và cơ sở hạ tầng hỗ trợ giảng dạy chịu sự đánh giá của đơn vị quản lý thiết bị, cung cấp dịch vụ và người sử dụng (SV, GV). Cơ sở của việc nâng cấp trang thiết bị hay chất lượng phục vụ phụ thuộc vào nhu cầu đầy đủ về số lượng để đảm bảo chất lượng dạy/học, mức độ hài lòng của người sử dụng và khả năng tài chính của trường.

Trong các đợt khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan gồm NH đang học, cựu NH về hệ thống CSVC và dịch vụ hỗ trợ của Trường. Ý kiến phản hồi của NH, GV trong các đợt khảo sát hàng năm sẽ là căn cứ để Nhà trường cải thiện chất lượng phục vụ **[H10.10.05.02]**. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của NH về CSVC và dịch vụ của thư viện thông qua Phiếu khảo sát ý kiến của NH và thực tế CSVC, số lượng sách và thái độ phục vụ của thư viện **[H7.07.01.07]** cho thấy thư viện đã đáp ứng được nhu cầu của NH.

Ngoài việc lấy ý kiến đánh giá của NH về điều kiện vật chất phục vụ trực tiếp cho việc học, Trường cũng đánh giá những hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến đời sống của SV. Những dịch vụ này (như chất lượng phòng ở kí túc xá, hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe cho SV, của công tác cố vấn học tập) cũng ít nhiều có ảnh hưởng đến chất lượng học tập của NH và cảm nhận hài lòng của NH về môi trường đại học nói chung và Khoa nói riêng được thể hiện qua kết quả đánh giá các dịch vụ khác liên quan đến đời sống NH **[H10.10.05.02]**, **[H7.07.01.07]**.

Bên cạnh ý kiến của sinh viên, Trường trưng cầu ý kiến của GV đối với dịch vụ hỗ trợ và CSVC. Kết quả cho thấy, trong quá trình sử dụng, phần lớn GV hài lòng về chất lượng của trang thiết bị, CSVC. Trường cũng thường xuyên xem xét các phản hồi để có giải pháp kịp thời nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ, ví dụ trong năm 2019, Trường đã trang bị phòng nghỉ cho GV với đầy đủ tiện nghi tại Nhà học A, thường xuyên kiểm tra và nâng cấp hệ thống micro, loa, máy chiếu tại các giảng đường **[H10.10.05.03]**, **[H10.10.05.04]**.

Có thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Các yêu cầu về mua sắm, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất **[H10.10.05.05]** đều xuất phát từ các đơn vị quản lý thiết bị nếu có phản ánh của người dùng về việc thiếu máy móc hoặc tình trạng làm việc không tốt. Từ đó phòng QLCSVC-IT lập kế hoạch, kết hợp phòng Tài chính Kế toán xem xét cân nhắc tính khả thi và trình Ban giám hiệu duyệt. Kế hoạch cải tiến sẽ được thực hiện định kỳ vào thời gian nghỉ hè trong năm

hoặc công ty chuyên bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị tin học, máy chiếu, micro ... sửa chữa kịp thời ngay khi có đề nghị từ phía Khoa và GV. Hiện 100% các phòng học thường xuyên tại Trường đã được trang bị máy quạt, máy chiếu và hầu hết các giảng đường đều đã trang bị micro cho GV [H10.10.05.06]. Hàng năm, Trường có thành lập tổ kiểm kê tài sản cố định đến các đơn vị trong trường để kiểm tra đánh giá chất lượng của trang thiết bị, những thiết bị cũ, hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới [H10.10.05.07].

Định kỳ hàng năm, thư viện đều xin ý kiến các Khoa về kế hoạch mua bổ sung, hay in ấn thêm các sách hay tài liệu tham khảo, nếu có các Khoa làm giấy đề nghị theo mẫu [H10.10.05.08] để thư viện tổng hợp và đưa lên Trường xét duyệt.

Đoàn Thanh niên, Hội NH Nhà trường cũng dần nâng cao chất lượng công tác tổ chức các hoạt động đoàn thể và ngoại khoá giúp NH nâng cao kỹ năng mềm; việc tham gia hoạt động cộng đồng được tổng kết đánh giá, có những cải tiến về hình thức, nội dung hoạt động: ngày càng đa dạng, sinh động và thiết thực hơn với NH [H10.10.05.09].

Năm 2021, Nhà trường thành lập Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm NH [H10.10.05.10]. Trung tâm có vai trò chăm sóc hỗ trợ NH trong suốt quá trình NH học tại trường. Bên cạnh đó, trung tâm sẽ phối hợp với các đơn vị Nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho SV. Đồng thời, Trung tâm cũng là nơi tư vấn việc làm cho NH và kết nối với các doanh nghiệp để tạo đầu ra cho NH Nhà trường [H10.10.05.11].

Dựa vào số liệu đánh giá khảo sát qua các đợt, sự cải tiến và ngày càng nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) đã được các bên liên quan đánh giá cao, thể hiện ở tỉ lệ hài lòng ở đợt khảo sát sau cao hơn đợt khảo sát trước [H10.10.05.04].

2. Điểm mạnh

MIT có văn bản quy định rõ ràng về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Công tác đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đối với chuyên ngành LKT đã và đang được nhà trường quan tâm thực hiện hàng năm và là một trong những hoạt động quan trọng tại Nhà trường. Kết quả đánh giá thể thiện phần lớn các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được người sử dụng được đánh giá tương đối tốt. Công tác báo cáo, phân tích kết quả sau đánh giá được tiến hành và là cơ sở để thực hiện các hoạt động cải tiến. Các hoạt động đầu tư nâng cấp, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích này được tiến hành định kỳ để đáp ứng công tác đào tạo ngành LKT. Nhìn chung, sự hài lòng của NH, GV về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích có xu hướng ngày càng được cải thiện hơn.

3. Điểm tồn tại

Các phản hồi của NH về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, hệ thống CNTT

và các dịch vụ hỗ trợ khác tuy được cải tiến nhưng chưa kịp thời do phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

Hệ thống thư viện tuy được nhà trường quan tâm cải tiến, tuy nhiên số lượng sách, tài liệu tham khảo liên quan đến chuyên ngành LKT vẫn còn hạn chế. Phần mềm quản lý thư viện chưa ổn định, số lượng NH truy cập và sử dụng thư viện điện tử còn khá thấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trường đầu tư, mua mới, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đặc biệt là các khu sinh hoạt cộng đồng cho sinh viên, hệ thống hạ tầng CNTT, canteen, ký túc xá để đáp ứng nhu cầu phát triển rất nhanh về quy mô đào tạo của Trường, gia tăng phúc lợi cuộc sống cho sinh viên.	MIT; Phòng QLCSVC – CNTT&TV	Năm 2022 - 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao chất lượng và độ tin cậy của hoạt động đánh giá khảo sát, nâng tính đại diện của mẫu khảo sát cũng như cải tiến dần thiết kế phiếu hỏi,... Tiếp tục đầu tư duy trì, cải tiến và mở rộng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ đào tạo, cải thiện mức độ đáp ứng cũng như hài lòng về các dịch vụ này, từ đó nâng cao chất lượng CTĐT.	MIT; Phòng QLCSVC – CNTT&TV; Khoa KTL	Năm 2022 - 2023	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và được quy định cụ thể trong Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H1.01.02.11], bao gồm: Khảo sát ý kiến phản hồi từ NH vào đầu khóa; khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của giảng viên; khảo sát ý kiến phản hồi từ NH về chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ, giám sát NH phục vụ cộng đồng của nhà trường; khảo sát ý kiến phản hồi của NH trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo tại trường; khảo sát phản hồi của người học về hoạt động khoa học và công nghệ của trường; Khảo sát phản hồi của CB, GV về hoạt động khoa học và công nghệ của trường; khảo sát phản hồi của các tổ chức về hoạt động khoa học và công nghệ của trường; khảo sát phản hồi của CB quản lý – GV, CV - NV về môi trường làm việc tại trường; khảo sát về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của CB quản lý, GV, CV, NV và đăng ký đào tạo, bồi dưỡng; khảo sát phản hồi của cựu NH về tình hình việc làm và chất lượng đào tạo tại trường; khảo sát phản hồi của cộng đồng về chất lượng hoạt động tình nguyện của NH nhà trường; khảo sát phản hồi của NH tình nguyện về hoạt động phục vụ hỗ trợ cộng đồng; khảo sát ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng/ doanh nghiệp/ chuyên gia về chất lượng đào tạo tại trường. Theo đó, Phòng KT - ĐBCL có trách nhiệm xây dựng kế hoạch [H2.02.03.03], triển khai thực hiện, xử lý dữ liệu, tổng hợp báo cáo trình Hiệu trưởng và lưu trữ dữ liệu về kết quả các đợt khảo sát. Trong quy định, Nhà trường có sự phân công rõ ràng nhiệm vụ của các đơn vị thực hiện khảo sát.

Để phục vụ cho việc khảo sát ý kiến các bên liên quan, Nhà trường đang hoàn thiện hệ thống phần mềm khảo sát. Phần mềm này có thể thực hiện khảo sát dễ dàng, nhanh chóng và thống kê được kết quả khảo sát nhanh chóng và chính xác [H10.10.06.01].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá

Hàng năm, Nhà trường triển khai tổ chức họp rà soát, đánh giá về hiệu quả các cuộc khảo sát, các dữ liệu thống kê, phương pháp xử lý kết quả và cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.02]. Trong đó có phân tích, đánh giá về hiệu quả của các Quy trình, Quy định trong việc phản hồi của các bên liên quan. Cụ thể, nội dung các mẫu phiếu cơ bản đã đáp ứng tốt nhu cầu thu thập thông tin cần thiết, thành phần, số lượng mẫu lấy phiếu đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của các quy định hiện hành. Tuy nhiên, thời gian thực hiện các khảo sát cần quy định lại cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường và yêu cầu của các đơn vị liên quan. Bên cạnh đó, phương pháp lấy phiếu Online cần được tiếp tục nhân rộng ra các khảo sát sau này cho phù hợp.

Hơn thế nữa, trong năm 2021, nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả cơ chế phản hồi của các bên liên quan, Phòng KT-ĐBCL đã chủ trì một cuộc họp nhằm đánh giá về hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan của Nhà trường [H10.10.06.03]. Qua đó, Phòng KT-ĐBCL sẽ tổng hợp những ý kiến đóng góp của các đơn vị và tham mưu BGH điều chỉnh quy định, nội dung phiếu khảo sát cho phù hợp.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được cải tiến

Trường có quy định cụ thể về tiến trình thực hiện, phân công chức năng nhiệm vụ của các bộ phận thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan và đánh giá các phản hồi [H10.10.06.02], Nhà trường đã thực hiện một số thay đổi, cải tiến để nâng cao hiệu quả trong việc tiếp nhận ý kiến phản hồi, như: Năm 2021, Trường đã ban hành hai quyết định quy định hoạt động khảo sát các bên liên quan phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục [H10.10.06.03] và quyết định ban hành bộ mẫu phiếu khảo sát ý kiến các bên liên quan [H10.10.06.04].

Sau khi có kết quả khảo sát lấy ý kiến và đánh giá các phản hồi của các bên liên quan, Trường đã có các kế hoạch và nội dung cải tiến đối với các phòng ban chức năng về công tác nghiệp vụ và dịch vụ để hỗ trợ NH [H10.10.06.05]. Sau khi có kết quả kiểm định chất lượng Trường, Trường đã nhanh chóng xây dựng, ban hành kế hoạch cải tiến chất lượng toàn Trường [H10.10.06.06].

Định kỳ hàng năm, Nhà trường sẽ có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến của toàn trường [H10.10.06.07]. Bên cạnh đó, các đơn vị có kế hoạch cải tiến trong năm cũng thực hiện báo cáo kết quả đạt được sau khi thực hiện cải tiến [H10.10.06.08]. Qua việc thực hiện cải tiến sau khi có kết quả phản hồi của các bên liên quan, chất lượng hoạt động của các đơn vị ngày càng được nâng cao. Việc này, thể hiện từ kết quả đánh giá của các bên liên quan trong những năm sau cao hơn năm trước [H10.10.06.07].

2. Điểm mạnh

Trường đã thiết lập được Quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, theo đó việc lấy ý kiến được thực hiện thường xuyên, các phản hồi được phân tích, đánh giá và làm cơ sở cho những cải tiến, điều chỉnh CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy các HP.

3. Điểm tồn tại

Việc kết hợp giữa các phòng ban chức năng, Khoa trong công tác khảo sát, đánh giá phản hồi của các bên liên quan còn hạn chế. Việc tham gia của các bên liên quan gồm cựu NH và nhà tuyển dụng còn hạn chế về số lượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tuyên truyền, phổ biến ý nghĩa của việc khảo sát, công bố Quy trình điều chỉnh CDR, CTĐT dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan để NH và các nhà tuyển dụng hiểu được tầm quan trọng của công tác này để họ tham gia với thái độ tích cực hơn.	Khoa KTL; Phòng KT-ĐBCL; Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm SV	Năm 2021 - 2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện, cải tiến các quy định, quy trình về khảo sát ý kiến các bên liên quan	Khoa KTL; Phòng KT-ĐBCL; Các đơn vị trực thuộc MIT	Năm 2021 - 2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Với hệ thống thông tin phản hồi đa dạng đã đưa lại kết quả cho khoa LKT làm cơ sở để điều chỉnh và phát triển CTĐT. Chương trình được điều chỉnh thường xuyên theo quy định. CDR của chương trình cũng được xem xét thường xuyên thông qua quá trình đánh giá các HP. Các GV cũng đã khuyến khích các bạn NH tham gia nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng học tập. Hệ thống hỗ trợ của Nhà trường cũng đóng góp vào quá trình này thông qua hệ thống thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm.

Một số tồn tại cần khắc phục trong lộ trình cải tiến chất lượng đào tạo trong thời gian tới như: Công tác rà soát rà soát, đánh giá quy trình phát triển CTDH, việc khảo sát lấy ý kiến đóng góp về quy trình xây dựng, phát triển CTDH chưa được tổ chức rộng rãi, thiếu việc khảo sát NTD, chuyên gia và cựu NH để cải tiến quy trình xây dựng CTDH phù hợp với khả năng của SV, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu của xã hội; Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của GV chưa được đồng bộ mà mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của NH là chủ yếu, chưa dựa trên các hình thức khác như lấy ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp, từ Khoa; Số lượng đề tài NCKH của ngành còn hạn chế và chưa có nhiều GV và NH của khoa tham gia NCKH; Hệ thống thư viện tuy được nhà trường quan tâm cải tiến, tuy nhiên số lượng sách, tài liệu tham

khảo liên quan đến chuyên ngành LKT vẫn còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 10

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 10								4,17	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu: Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành LKT được xác định một cách rõ ràng, thể hiện được sự cam kết với NH, xã hội và được công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. CDR của ngành LKT được xác định tương thích với yêu cầu của thị trường lao động và được đánh giá bởi các bên liên quan. Ngành LKT có bộ phận giám sát việc đạt CDR, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học. NH tốt nghiệp ngành LKT đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan. Công tác NCKH của NH được Nhà trường và Khoa chú trọng, khuyến khích và đẩy mạnh triển khai thực hiện. Việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng dịch vụ giáo dục, CTDH, kết quả đào tạo được xác lập và giám sát. Hệ thống đảm bảo chất lượng và các hoạt động đảm bảo chất lượng được đối sánh, từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm.

Từ năm 2016 đến 2021, khung thời gian của CTĐT đại học ngành LKT được quy định tối đa 4 năm, việc kéo dài thời gian học tập của NH không được quá 2 năm được quy định trong quy chế đào tạo đại học chính quy [H3.03.01.04]. Mỗi khóa học, Nhà trường có quyết định phân công cố vấn học tập cho mỗi lớp [H4.04.02.05] theo đề nghị phân công của Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm SV. Theo quy trình quản lý và giải quyết công việc của các đơn vị tại MIT, Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT được Nhà trường giao nhiệm vụ theo dõi và giám sát tỉ lệ NH thôi học và tốt nghiệp tại Nhà trường [H11.11.01.01]. Từng học kỳ, Hội đồng sẽ họp xét học vụ cho NH [H8.08.03.07] định kỳ hai lần/năm. Theo kế hoạch xét tốt nghiệp của Nhà trường hằng năm, Hội đồng xét tốt nghiệp sẽ họp xét tốt nghiệp cho NH [H11.11.01.02]. Những hồ sơ về cảnh báo học vụ, quyết định buộc thôi học, danh sách NH tốt nghiệp và danh sách NH chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, quyết định công nhận tốt nghiệp được lưu trữ tại Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT và được cập nhật lên phần mềm quản lý đào tạo [H8.08.03.01]. Dựa vào các kết quả đó, Khoa tiến hành thực hiện việc thống kê các thông tin về tỉ lệ NH thôi học, tốt nghiệp để từ đó làm cơ sở đánh giá hay đối sánh nhằm cải tiến chất lượng đào tạo [H11.11.01.03].

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được đánh giá, phân tích, giám sát.

Nhà trường đã thống kê số lượng NH thôi học, tốt nghiệp từng năm, phân tích đối sánh tỉ lệ thôi học giữa các năm để tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra giải pháp phù hợp cho từng trường hợp nhằm hạn chế số NH thôi học [H11.11.01.03]. Tuy nhiên, Khoa KTL và cố vấn học tập của các lớp chưa có sự phối hợp với Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT và Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm NH gặp gỡ trực tiếp SV, tìm hiểu nguyên nhân NH có kết quả học lực yếu hoặc thôi học để có giải pháp khắc phục.

Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2021, tỉ lệ NH tốt nghiệp ngành LKT giảm dần theo thời gian. Nguyên nhân chủ yếu là do NH chưa tích lũy đủ số tín chỉ theo CTĐT và thiếu CĐR Tiếng Anh hoặc Tin học [H11.11.01.04]. Tỉ lệ NH thôi học tăng dần do nhiều yếu tố ảnh hưởng nhưng qua tìm hiểu các nguyên nhân thôi học của NH ngành LKT chủ yếu: gia đình khó khăn về kinh tế, lý do sức khỏe, bản thân không phù hợp với ngành học,... [H11.11.01.05]. Vai trò của cố vấn học tập chưa được phát huy hiệu quả trong việc cập nhật tình hình NH và kịp thời có các biện pháp tư vấn phù hợp để có biện pháp cụ thể nhằm gia tăng tỷ lệ NH tốt nghiệp, giảm tỉ lệ NH thôi học. Những thông tin về cảnh báo học vụ được gửi về các khoa sau mỗi học kỳ sau khi xét học vụ. Khi có quyết định buộc thôi học luôn thì Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT sẽ cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường [H8.08.03.01].

Bảng 11.1. Tỷ lệ NH tốt nghiệp CTĐT ngành LKT

Niên khóa	Tổng số NH (theo niên khóa)	Tỷ lệ NH tốt nghiệp trong thời gian			Tỷ lệ NH thôi học				
		<4 năm (trước hạn)	4 năm (đúng hạn)	>4 năm (quá hạn)	1 Năm	2 Năm	3 Năm	4 Năm	5 Năm
2015-2019	39	20.51%	64.10%	2.56%	0	5.13%	7.69%	10.26%	0
2016-2020	21	66.67%	0	23.8%	0	0	0	9.52%	0
2018-2022	20	0	0	0	0	5%	5%	10%	0
2019-2023	7	0	0	0	14.3%	14.3%	14.3%	0	0
2020-2024	15	0	0	0	6.7%	6.7%	0	0	0

Ghi chú: Số % còn lại là NH đang học môn để hoàn tất CTĐT

Đổi sánh hằng năm về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT.

Để giảm tỉ lệ NH bỏ học, tăng tỉ lệ NH tốt nghiệp đúng tiến độ, Nhà trường, Khoa và các Phòng/Ban liên quan đã tiến hành rà soát tiến trình và kết quả học tập và rèn luyện của NH trong từng học kỳ để có biện pháp cải thiện kịp thời. Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi tiến độ trong học tập và rèn luyện cũng như theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của NH được lưu trữ trên phần mềm MPT-EMS [H8.08.03.01]. Ngoài ra, sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH còn được giám sát thông qua đội ngũ cố vấn học tập cho từng lớp. Cố vấn học tập thực hiện công tác cố vấn theo quy định của Nhà trường [H2.02.03.01]. Bên cạnh đó, Khoa còn thực hiện

đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp của chương trình LKT với các CTĐT khác trong Trường. Kết quả đối sánh được trình bày ở bảng sau:

Bảng 11.2. Đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp của Chương trình LKT với các CTĐT khác trong Trường

Khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp của CTĐT ngành LKT	Tỷ lệ tốt nghiệp của CTĐT Dược học	Tỷ lệ tốt nghiệp của CTĐT Ngôn ngữ Anh
2015-2019	87.2%	79.3%	68.0%
2016-2020	66.7%	60.1%	47.3%

Căn cứ vào kết quả đối sánh cho thấy tỉ lệ tốt nghiệp của NH ngành LKT luôn cao hơn so với các ngành Dược học và Ngôn ngữ Anh. Tuy nhiên, tỉ lệ tốt nghiệp của năm sau có phần giảm so với năm trước. Do đó, lãnh đạo Khoa đã triển khai thực hiện các giải pháp nhằm tăng tỉ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn như: tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp chậm so với tiến độ, qua đó kịp thời động viên, hỗ trợ NH tiếp tục quá trình học tập; tư vấn NH phương pháp cải thiện kết quả học tập phù hợp với từng trường hợp cụ thể thông qua đội ngũ Cố vấn học tập; tổ chức các buổi đối thoại giữa lãnh đạo Khoa với NH **[H4.04.03.06], [H4.04.03.14]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đều có bộ phận chuyên trách giám sát tỉ lệ thôi học/tốt nghiệp của SV, các văn bản thực hiện và các công cụ giám sát được chú trọng.

SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình học tập và rèn luyện của NH trong quá trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Nguyên nhân NH thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp hàng năm phân tích chưa đầy đủ qua từng năm học.

Ngành LKT chưa có những đối sánh với các trường đại học trong nước về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học cũng như chưa thực hiện phân tích, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ban hành Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp; nhật ký tư vấn cho NH sau khi thôi học. Thực hiện đối sánh với các trường đại học trong nước về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học và kế hoạch cải tiến trong các năm tiếp theo. Đưa vào kế hoạch đào tạo những phân tích, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp/thôi học, kết quả học tập và rèn luyện của NH.	MIT	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường giám sát của bộ phận chuyên trách và các công cụ giám sát, cập nhật hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường	MIT	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT được tính toán đối với tất cả các hệ/hình thức đào tạo trong chu kỳ đánh giá

Ngành LKT đào tạo theo hệ thống tín chỉ vì vậy thời gian học tập trung bình của NH là 4 năm, thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm. Hiện nay, ngành LKT mới chỉ được mở cho hệ đào tạo chính quy. Phòng ĐTĐH–NCKH–HTQT là đầu mối giám sát thời gian tốt nghiệp của NH toàn trường cũng như ngành LKT nói riêng. Thư ký của Khoa phối hợp cùng với phòng ĐTĐH–NCKH–HTQT và các đơn vị liên quan trong việc thống kê, quản lý NH tốt nghiệp **[H6.06.01.02]**, **[H11.11.01.01]**,

[H11.11.02.01].

Từng năm học, Khoa và Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT tiến hành thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT đối với tất cả các hệ đào tạo nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của SV. Trên cơ sở dữ liệu thống kê được Khoa và Phòng ĐTDH lập báo cáo tổng kết tình hình tốt nghiệp của NH tất cả các CTĐT, đề ra biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp **[H11.11.02.02]**,

Bảng 11.3: Thời gian tốt nghiệp của sinh viên ngành LKT của 02 Khóa 2015 và 2016

Niên khóa	Tổng số NH (theo niên khóa)	Tỷ lệ NH tốt nghiệp trong thời gian			Thời gian tốt nghiệp trung bình
		<4 năm (trước hạn)	4 năm (đúng hạn)	>4 năm (quá hạn)	
2015-2019	39	8	25	1	3.79
2016-2020	21	14	-	1	3.67

Theo số liệu bảng 11.3, thời gian tốt nghiệp trung bình của NH ngành LKT của MIT nằm trong khoảng 3,5 – 4,0 năm và có xu hướng giảm qua các năm đào tạo. Khoa và Nhà trường cũng đã phân tích các nguyên nhân để kiểm soát và thực hiện các biện pháp nhằm duy trì thời gian tốt nghiệp trung bình của NH không quá 4,0 năm, giảm tỉ lệ tốt nghiệp trễ hạn, tăng tỉ lệ tốt nghiệp trước và đúng hạn **[H11.11.02.03]**.

Tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời lượng học tập

Việc tốt nghiệp đúng tiến độ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như: thực hiện việc đăng ký môn học theo học chế tín chỉ, thực hiện đúng kế hoạch học tập của năm học do phòng ĐTDH – NCKH & HTQT lên kế hoạch đầu mỗi năm học, đảm bảo các điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp. Đặc biệt là CDR về tin học, ngoại ngữ **[H5.05.01.06]**.

Từ số liệu của Bảng 11.1, cho thấy tỷ lệ NH nhập học và tốt nghiệp từ năm 2016-2021, tỷ lệ NH tốt nghiệp giảm dần và tỷ lệ thôi học tăng dần theo năm và kết quả khảo sát về việc NH tốt nghiệp trễ do một số nguyên nhân sau: NH nợ học phần, NH định hướng nghề nghiệp chưa đúng, chưa thích nghi được với phương pháp học tập ở bậc đại học, ảnh hưởng từ gia đình, tất cả dẫn đến sự chán nản, thờ ơ trong học tập của NH; Một số môn học khó, môn học chuyên ngành, tài liệu tham khảo còn hạn chế. Tất

cả các nguyên nhân trên ảnh hưởng rất lớn đến kết quả học tập của NH, dẫn đến tỷ lệ tốt nghiệp giảm và tỷ lệ thôi học tăng dần theo năm [H11.11.01.05], [H11.11.02.03].

Trên cơ sở phân tích các nguyên nhân, Nhà trường và Khoa đã triển khai một số giải pháp khắc phục như: tổ chức kỳ thi phụ cho những NH thi rớt lần 1 có thể thi lại để cải thiện điểm [H11.11.02.04], Nhà trường khuyến khích NH với chính sách học bổng, chế độ miễn giảm học phí cho NH và các hoạt động đào tạo, NCKH của NH [H8.08.03.04], [H3.03.01.04], [H11.11.02.05], [H11.11.02.06], [H4.04.03.05]; CVHT giúp tìm ra phương pháp học tập đúng, giúp NH thích nghi với điều kiện sinh hoạt xa nhà, lựa chọn thời điểm thích hợp trả nợ học phần. Thực hiện việc học theo học chế tín chỉ giúp NH linh hoạt lựa chọn các môn học để đảm bảo học đúng tiến độ hoặc học vượt trước thời hạn [H3.03.01.04], [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]; giới thiệu các công ty, doanh nghiệp tiếp nhận NH đến thực tập hoặc làm khoá luận tốt nghiệp [H8.08.04.18].

Có tổ chức tổng kết/đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Nhà trường thường xuyên tổ chức khảo sát hoạt động giảng dạy để NH đánh giá khách quan hoạt động giảng dạy của GV [H2.02.03.03], [H4.04.03.07], [H4.04.03.08]. Nhà trường tổ chức các buổi đối thoại giữa NH và nhà trường [H4.04.03.06], [H4.04.03.14] để lắng nghe ý kiến phản hồi của NH.

Khoa KTL thường tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định [H11.11.02.07]; Sử dụng kết quả kiểm tra và kết quả khảo sát để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp. Hằng năm, Khoa đều tổ chức các cuộc họp tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp đã thực hiện để rút ngắn thời gian tốt nghiệp cho NH [H11.11.02.08]. Hằng tháng, CVHT đều sinh hoạt lớp để lắng nghe ý kiến phản hồi từ NH, định hướng, hướng dẫn, hỗ trợ, tư vấn cho NH các vấn đề như: việc nộp học phí, trả nợ học phần, chứng chỉ,... và kịp thời đề ra các biện pháp hỗ trợ NH tốt nghiệp sớm hoặc đúng tiến độ [H5.05.02.06].

2. Điểm mạnh

Thời gian tốt nghiệp trung bình của NH được xác lập và giám sát. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ và giám sát NH được triển khai đồng bộ, kịp thời. Có các hoạt động tổng kết, đánh giá hỗ trợ NH giúp NH hoàn thành CTĐT đúng thời hạn quy định.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo.

Số lượng NH nhập học thấp, tỉ lệ NH thôi học cao gây ảnh hưởng đến chất lượng của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đối sánh với với các trường đại học trong nước về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học và kế hoạch cải tiến trong các năm tiếp theo; Đẩy mạnh các biện pháp tuyển sinh, nâng cao số lượng NH nhập học.	Khoa KTL; Phòng ĐTDH– NCKH– HTQT	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường hoạt động tư vấn, hỗ trợ và giám sát NH, cập nhật tình hình tốt nghiệp của NH lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường.	Nhà trường	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Có bộ phận/quy trình thống kê/lưu trữ danh sách NH tốt nghiệp có việc làm, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác trong thời gian đánh giá.

Việc giám sát, khảo sát, thống kê và đối sánh tỉ lệ có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp được thực hiện theo quy trình và có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị. Để có số liệu tin cậy về tỉ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp, Nhà trường đã xây dựng quy định về khảo sát ý kiến các bên liên quan với các biểu mẫu rõ ràng [H1.01.02.11]. Bên cạnh đó Nhà trường đã thành lập Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm NH [H10.10.05.10], là đơn vị đầu mối hợp tác giữa Nhà trường với các đơn vị, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.01]. Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức ngày hội việc làm nhằm kết nối giữa các doanh nghiệp với NH Nhà trường [H1.01.02.13].

Có số liệu tin cậy về tỉ lệ NH có việc làm trong vòng 6 tháng hoặc 12 tháng sau khi tốt nghiệp.

Hằng năm, Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm NH phối hợp với Khoa và các

đơn vị liên quan triển khai việc khảo sát 100% NH tốt nghiệp (sau 01 năm tốt nghiệp) để tìm hiểu tình hình việc làm của những NH này. Dữ liệu khảo sát được thực hiện tuân thủ biểu mẫu theo quy định của Nhà trường [H2.02.03.03], [H11.11.03.02]. Kết quả khảo sát cụ thể như sau [H11.11.03.03]:

Bảng 11.4. Kết quả khảo sát tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp 01 năm ngành Luật Kinh tế

Năm tốt nghiệp	Số lượng NH được khảo sát	Số lượng NH TN có việc làm	Tỷ lệ (%)	Khu vực làm việc			
				Nhà nước	Tư nhân	Có yếu tố nước ngoài	Tự tạo việc làm
2019	34	33	97	5 (14.7%)	20 (58.8%)	1 (2.9%)	7 (20.6%)
2020	14	14	100	2 (14.3%)	9 (64.3%)	0 (0%)	3 (21.4%)

Kết quả khảo sát có thể thấy tỉ lệ NH tốt nghiệp ngành LKT của Nhà trường có việc làm là khá cao, chủ yếu làm việc trong khu vực tư nhân và tự tạo việc làm.

Tổ chức thực hiện đối sánh tỉ lệ NH tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT trong CSGD với cùng hình thức đào tạo, đối sánh cùng ngành/chuyên ngành đào tạo trong nước/quốc tế

Sau mỗi đợt khảo sát, Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm NH lập thống kê, báo cáo tổng hợp tình hình việc làm của NH sau khi ra trường [H11.11.03.04] và đối sánh tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm giữa các năm, giữa các CTĐT trong Trường với cùng hình thức đào tạo [H11.11.03.05] được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 11.6: Kết quả đối sánh việc làm sau khi tốt nghiệp một năm của Ngành LKT trong 02 năm gần đây

Năm tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của toàn Trường	Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của NH ngành Luật Kinh tế	Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của NH ngành Ngôn ngữ Anh	Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của NH ngành Dược học
2019	94,7	97	98	89
2020	94,3	100	97	88

Kết quả cho thấy, tỉ lệ có việc làm của NH tốt nghiệp ngành LKT cao hơn tỉ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp của toàn Trường. So với CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và Dược học của trường thì tỉ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp của Ngành LKT là cao nhất.

Tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục; thực hiện các phương án hỗ trợ NH tốt nghiệp có việc làm.

Tuy chưa tổ chức được các hội thảo chuyên đề thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục về tình hình việc làm của NH nhưng Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm như: Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp kỹ năng mềm như: kỹ năng thuyết trình và chinh phục nhà tuyển dụng, kỹ năng trả lời phỏng vấn, kỹ năng soạn thảo văn bản, ... [H8.08.04.14], [H8.08.04.15]. Ngoài ra, Để nâng cao năng lực nghề nghiệp và tăng tỉ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp, Trường còn triển khai các hoạt động cụ thể sau:

- Thành lập Câu lạc bộ Cựu SV, xem đây là cầu nối để chia sẻ thông tin, trao đổi kinh nghiệm nghề nghiệp cho NH [H11.11.03.06].

- Thành lập Câu lạc bộ Khởi nghiệp nhằm cung cấp kiến thức về khởi sự doanh nghiệp và lập nghiệp thông qua các hoạt động giao lưu, tập huấn kỹ năng, truyền đạt kinh nghiệm trong cuộc sống và làm việc cho NH [H11.11.03.07].

- Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo về khởi nghiệp cho CB, GV và NH Nhà trường về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giúp NH có định hướng đúng đắn cho nghề nghiệp trong tương lai [H11.11.03.08], [H11.11.03.09].

- Hàng năm, Nhà trường liên hệ với các đơn vị, doanh nghiệp phù hợp với ngành đào tạo để hỗ trợ 100% NH đến thực tập tốt nghiệp [H4.04.02.03], [H8.08.04.18], [H4.04.02.04].

- Cung cấp thông tin tuyển dụng trên Fanpage của Nhà trường giúp NH dễ dàng tiếp cận thông tin về việc làm. Ngoài ra, thông qua mối quan hệ cá nhân của GV trong Nhà trường cũng giới thiệu việc làm cho nhiều NH của Nhà trường [H8.08.04.10].

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho NH.

Phần lớn NH sau khi tốt nghiệp đều làm việc trong các môi trường mà được vận dụng các kiến thức đã học, làm tốt công việc được giao và hài lòng về mức thu nhập.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát nhu cầu của thị trường và khảo sát việc làm của NH tốt nghiệp mới được chú trọng trong những năm gần đây; công tác tư vấn việc làm cho NH vẫn còn có điểm hạn chế.

Việc đối sánh tỉ lệ NH người tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong cả nước chưa được thực hiện.

Chưa tổ chức được các hội thảo chuyên đề thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục về tình hình việc làm của SV

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Thực hiện đối sánh tỉ lệ NH người tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong cả nước. - Tiếp tục nắm bắt yêu cầu và xu thế việc làm trong nước và quốc tế để liên tục đổi mới, cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy - Tổ chức Hội thảo thảo luận, phân tích nguyên nhân và đề xuất các biện pháp khắc phục về tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp.	Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm SV, Khoa	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tư vấn việc làm cho NH. - Tăng cường tổ chức các hoạt động hướng nghiệp và đào tạo kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp cho SV.	Nhà trường	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập

Các loại hình hoạt động nghiên cứu khoa học của NH tại MIT được quy định tại

quy định quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường **[H6.06.07.01]** gồm các loại hình sau: thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực được đào tạo và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng của SV; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo khoa học công nghệ, câu lạc bộ khoa học SV, các giải thưởng khoa học và công nghệ ở trong, ngoài nước, tham gia triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng; Tham gia thực hiện các đề tài NCKH cùng GV; thu thập thông tin số liệu để thực hiện đồ án, khóa luận tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp; Công bố sử dụng kết quả NCKH.

Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển khoa học công nghệ trong đó có hoạt động NCKH cho NH; Trường đã phân công cho Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT phụ trách hoạt động NCKH của toàn trường, chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của NH **[H11.11.01.01]**; Trường có ban hành quy định về hoạt động NCKH của NH cũng như nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của NH **[H4.04.03.05]**.

Để nâng cao năng lực NCKH cho SV, CTĐT còn kết hợp giữa giảng dạy và NCKH. Ngoài ra, NH năm cuối đủ điều kiện sẽ được làm khóa luận tốt nghiệp và làm báo cáo tốt nghiệp. NH ngành LKT được tham gia NCKH theo các hướng đề tài về Luật Kinh tế, các ngành Luật liên quan bằng nhiều cách thức khác nhau như: bài tập môn học, khóa luận tốt nghiệp, tham gia NCKH cùng GV hướng dẫn về các đề tài cấp Trường **[H11.11.04.03]**.

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được giám sát và có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH.

Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT, Khoa có NH tham gia NCKH có trách nhiệm theo dõi, giám sát đối với hoạt động NCKH của NH được thực hiện theo quy định quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường được ban hành từ năm 2021 **[H6.06.07.01]**. Theo đó việc tổ chức thực hiện các đề tài NCKH của NH từ khi đăng ký, xét duyệt, đến nghiệm thu, công nhận kết quả được hướng dẫn và tổ chức triển khai đầy đủ, chi tiết theo đúng quy trình, quy định. Thực hiện thông báo của Nhà trường, Khoa và bộ môn tiến hành thông báo để NH đăng ký tham gia. Các đề tài NH đăng ký có sự bàn bạc thống nhất với GV hướng dẫn, đề tài được hội đồng khoa học xét duyệt và Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT trình giám đốc kế hoạch thực hiện đề tài NH hàng năm. Các báo cáo kết quả nghiên cứu gửi về Khoa và Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT. Báo cáo tổng kết đề tài NCKH NH được lưu bản cứng tại Khoa và Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT. Đối với các đề tài đạt kết quả loại xuất sắc và tốt thì Nhà trường trao phần thưởng cho NH theo quy định chính sách hỗ trợ sinh viên NCKH **[H4.04.03.05]**.

Có thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các CTĐT trong cùng CSGD, giữa các CSGD khác nhau và có các đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của NH

Hàng năm, Khoa KTL thực hiện tổng kết hoạt động NCKH của NH [H11.11.05.01] và tiến hành thống kê đối sánh hoạt động NCKH của NH với các ngành khác trong Nhà trường [H11.11.05.02]. Tuy nhiên, việc đối sánh với một số đơn vị ngoài Nhà trường có CTĐT tương ứng chưa được thực hiện.

Trong giai đoạn đánh giá 2016-2021, hoạt động NCKH của NH chỉ dừng lại ở loại hình làm báo cáo thực tập tốt nghiệp [H11.11.05.03]. Tuy nhiên loại hình thực hiện đề tài nghiên cứu còn rất hạn chế. Để cải thiện điều này, năm 2021, Nhà trường đã khuyến khích NH thực hiện đề tài NCKH bằng cách tăng kinh phí thực hiện đề tài để tăng số lượng đề tài NH tham gia NCKH [H4.04.03.05].

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của NH được Nhà trường và Khoa quan tâm chú trọng. Trường đã phân công đơn vị chuyên trách thực hiện triển khai và giám sát hoạt động NCKH của toàn trường. Bên cạnh đó, Trường đã xây dựng các quy định và chính sách về hoạt động NCKH của SV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng NH của ngành LKT tham gia hoạt động NCKH còn hạn chế.

Khoa chưa thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH với các trường đại học trong nước và quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Động viên, khuyến khích NH làm NCKH. Liên kết với cơ sở giáo dục khác cùng ngành LKT trong hoạt động NCKH. Thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của sinh viên giữa các trường đại học trong nước và quốc tế.	Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT và Khoa KTL	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục giám sát theo dõi tiến độ thực hiện của đề tài, tổ chức đánh giá đề tài NCKH của NH rõ ràng chặt chẽ.	Nhà trường	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC,...

Việc khảo sát, thu thập ý kiến của các bên liên quan đã được Trường triển khai thực hiện theo định kỳ và theo đúng quy trình đã ban hành [H1.01.02.11]. Hằng năm, Phòng KT-ĐBCL đều lập kế hoạch và triển khai hoạt động khảo sát [H2.02.03.03]. Đối tượng khảo sát, nội dung, hình thức và thời điểm khảo sát được mô tả và trình bày chi tiết trong quy định. Công cụ dùng để lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan là “Phiếu khảo sát”. Phiếu khảo sát được xây dựng chủ yếu dưới dạng câu hỏi lựa chọn theo mức độ khác nhau và câu hỏi mở nhằm làm rõ hơn các ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Phiếu khảo sát do Phòng KT-ĐBCL thiết kế và được Hiệu trưởng phê duyệt [H10.10.06.04] và có thể được điều chỉnh bổ sung sau mỗi học kỳ/năm học. Căn cứ vào tình hình thực tế trong quá trình triển khai hoạt động lấy thông tin phản hồi, có thể sử dụng hình thức điều tra trên giấy hoặc phỏng vấn trực tiếp hoặc điều tra trực tuyến trên phần mềm khảo sát Nhà trường [H10.10.06.01]. Hoạt động khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan cho CTĐT ngành LKT chỉ mới được triển khai từ năm 2018 đến nay. Sau mỗi đợt khảo sát, kết quả khảo sát (trực tuyến) được tổng hợp, phân tích, xử lý bằng hệ thống phần mềm khảo sát, kết quả khảo sát (bằng phiếu) được tổng hợp, phân tích, xử lý bằng phần mềm Excel. Theo kết quả khảo sát NH ngành LKT về hoạt động giảng dạy của GV thực hiện vào HK2 năm 2020-2021, phản hồi của NH đối với các tiêu chí đánh giá hoạt động giảng dạy của GV cho thấy các tiêu chí này đáp ứng được yêu cầu của SV. Kết quả này thể hiện ở tỷ lệ đa số NH đánh giá với mức “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” ở các nhóm câu hỏi. Trong đó, nhóm câu hỏi có mức hài lòng (đồng ý + hoàn toàn đồng ý) cao nhất là nhóm câu hỏi “kiểm tra, đánh giá NH”; thấp nhất là nhóm câu hỏi “phương pháp giảng dạy” [H11.11.05.01]. Kết khảo sát GV, NV và CV về môi trường làm việc vào HK1 năm học 2020-2021 cho thấy, phản hồi của GV, NV và CV đối với các tiêu chí đa số đáp ứng được yêu cầu. Kết quả này thể hiện ở tỷ lệ đa số GV, NV và chuyên viên đánh giá với mức “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý”. Tuy nhiên, vẫn còn có tiêu chí mức độ hài lòng chưa cao (tỷ lệ đồng ý + hoàn toàn đồng ý thấp hơn 70%) như: Hệ thống CNTT hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng [H11.11.05.02]. Kết quả này là cơ sở cho Khoa và Nhà trường xây dựng kế hoạch cải thiện và nâng cao môi trường làm việc để ngày càng làm hài lòng các GV và NV trong Khoa. Kết quả báo cáo của khảo sát người sử dụng lao động chỉ mới được thực hiện 1 lần vào năm 2020 với số lượng còn hạn chế nên trong thời gian tới, Khoa cần phối hợp với Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm NH để tiếp tục thực hiện khảo sát người sử dụng lao động hàng năm nhằm kịp thời thay đổi CTĐT cho phù hợp với yêu cầu thực tế của các

doanh nghiệp tuyển dụng. Ngoài việc tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, Khoa còn tiến hành tổ chức hội thảo để lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm mục đích cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT [H10.10.01.04], [H10.10.01.06], [H10.10.01.07].

Mức độ hài lòng được so sánh với kết quả khảo sát mức độ hài lòng trước đó của chính CTĐT hoặc của các CTĐT khác trong và ngoài CSGD.

Để có sự cập nhật và điều chỉnh kịp thời nội dung của CTĐT để ngày càng phù hợp và làm hài lòng NH, GV, NH đã tốt nghiệp, NTD ..., kết quả khảo sát các bên liên quan được thống kê, phân tích và đối sánh qua từng học kỳ, từng năm. Kết quả này được phòng KT-ĐBCL và các đơn vị được phân công khảo sát lập báo cáo trình BGH phê duyệt [H11.11.05.03], [H11.11.05.04].

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh được sử dụng làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng

Với các kết quả thu được sau khi khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan được Nhà trường và Khoa khai thác, xử lý và sử dụng để làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa. Trên cơ sở đó Khoa và các đơn vị có liên quan đã lập kế hoạch cải tiến chất lượng [H10.10.06.05]. Căn cứ vào kế hoạch cải tiến, các đơn vị thực hiện các biện pháp khắc phục những hạn chế tồn tại và phát huy những nội dung, hoạt động được đánh giá cao để từng bước nâng cao chất lượng về mọi mặt của Nhà trường. Việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng sau khi khảo sát ý kiến các bên liên quan hằng năm cho thấy các hoạt động của Nhà trường ngày càng có chất lượng và đạt hiệu quả, nhìn rõ nhất là hệ thống CSVC, trang thiết bị, CNTT của Nhà trường không ngừng đổi mới từng ngày, nhiều trang thiết bị được bổ sung, nâng cấp [H9.09.01.07], [H9.09.01.09]. Minh chứng cho việc này là mức độ hài lòng của các bên liên quan được khảo sát ở năm sau cao hơn năm trước [H11.11.05.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định và bộ công cụ phục vụ cho việc khảo sát ý kiến các bên liên quan. Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến các bên liên quan chỉ mới được thực hiện từ năm 2018 đến nay nên hoạt động của Nhà trường trong những năm trước chưa được đánh giá.

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của người sử dụng lao động về mức độ phù hợp và khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của CTĐT ngành LKT chỉ mới thực hiện được một lần vào năm 2020.

Chưa thực hiện đối sánh kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên

quan với các trường đại học trong nước và quốc tế;

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến phản hồi các đơn vị sử dụng lao động. Thực hiện khảo sát người sử dụng lao động thường xuyên vào mỗi năm học nhằm kịp thời thay đổi CTĐT cho phù hợp với yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp tuyển dụng. Thực hiện đối sánh kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan với các trường đại học trong nước và quốc tế.	Các Phòng Ban chức năng; Khoa KTL	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát các quy định và bộ công cụ phục vụ cho việc khảo sát ý kiến các bên liên quan sao cho phù hợp với tình hình thực tế.	MIT	2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

CTĐT được thiết kế phù hợp, chất lượng đầu ra của NH được đảm bảo, đáp ứng được yêu cầu của công việc hiện tại. Tỷ lệ NH tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp được xác lập và được giám sát chặt chẽ tại Khoa và Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT. Dữ liệu về quá trình và Kết quả học tập của NH được cập nhật thường xuyên trên hệ thống quản lý đào tạo

PMT-EMS của Nhà trường. Mặt khác NCKH của NH cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư nhưng số lượng NH đăng ký đề tài còn hạn chế, NH ra trường đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan, các thông tin được phân tích, đối sánh với các ngành khác trong Nhà trường nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Tuy nhiên, công tác đối sánh các hoạt động của Nhà trường với các trường đại học trong và ngoài nước còn hạn chế cần được thực hiện trong thời gian tới để nâng cao chất lượng đào tạo của ngành LKT trong Nhà trường.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 11

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								4,2	5	100
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng hướng đào tạo chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu của xã hội, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật Giáo dục và đúng theo quy trình xây dựng, phát triển CTĐT. CDR của CTĐT được định kỳ rà soát và được công bố công khai tới NH và xã hội.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT của ngành LKT được mô tả chi tiết, rõ ràng, đầy đủ

thông tin, thường xuyên được cập nhật và có tính kế thừa và được cập nhật thường xuyên theo xu hướng đáp ứng nhu cầu của các NTD, được công bố công khai cho các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành LKT được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR của CTĐT, có sự tham gia của các bên liên quan. Mỗi học phần trong CTDH được xác định rõ CĐR. Tổ hợp các phương pháp dạy và học, PPKTĐG phù hợp nhằm hỗ trợ tốt cho việc đảm bảo đạt được CĐR của NH.

CTDH được thiết kế logic, có hệ thống và phù hợp với nhu cầu xã hội. CTDH đáp ứng được năng lực của NH tốt nghiệp, NH có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của công việc như tư vấn, giảng dạy, nghiên cứu... Cấu trúc CTDH chú trọng cả bề rộng lẫn bề sâu. Các CB, GV của Khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho NH trong việc đạt kết quả đầu ra. Các học phần chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp NH lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong ngành đào tạo.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu/triết lý giáo dục của Trường được xác định rõ ràng, được lan tỏa tới các bên liên quan với hình thức khác nhau.

Các hoạt động dạy học của Khoa được thiết kế đa dạng, phù hợp, bám sát đề cương học phần để bảo đảm NH tốt nghiệp đạt được CĐR.

GV đã sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Việc đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR của chương trình đào tạo, cũng như CĐR của từng học phần.

PPKTĐG kết quả học tập của NH đa dạng, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo đáp ứng được mục tiêu CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Khoa KTL có đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, luôn tâm huyết với nghề, có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho NH ngành LKT, đảm bảo tỉ lệ quy đổi GV/SV.

Nhà trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ thi đua khen thưởng, không chỉ giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV được tốt.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Nhà trường đã có kế hoạch, đề án vị trí việc làm tạo cơ sở quy hoạch phát triển đội ngũ NV. Việc tuyển dụng các chuyên viên, NV xuất phát từ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn chuyên viên, NV để bổ nhiệm, điều chuyển của MIT được xác định rõ ràng và phổ biến công khai. Nhờ vậy, đội ngũ chuyên viên, NV hỗ trợ CTĐT của ngành LKT đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai trên các phương tiện thông tin của Nhà trường như website, Fanpage của Trường và được cập nhật hàng năm. Đây là cơ sở quan trọng để thí sinh đưa ra lựa chọn ngành học phù hợp với sở trường của bản thân và nhu cầu của thị trường lao động.

MIT có cảnh quan xanh, sạch đẹp và thân thiện tạo không khí thoải mái và điều kiện tốt cho việc thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Các hoạt động ngoại khóa do Nhà trường tổ chức rất phong phú và đa dạng. Điều đó đã tạo ra môi trường học tập lành mạnh cho NH trong quá trình học tập, rèn luyện nhân cách, đạo đức, lối sống trau dồi kiến thức và kỹ năng mềm cần thiết.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường được trang bị đầy đủ về số lượng và chất lượng, trang thiết bị điện, bàn ghế để phục vụ và hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH theo yêu cầu của từng ngành đào tạo của Trường. Thực tế, trong những năm gần đây vẫn tiếp tục được xây mới và bổ sung. Thư viện Trường được quan tâm đầu tư nguồn học liệu phù hợp, trang thiết bị hiện đại và được cập nhật để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Trường đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi đa dạng. Việc lấy ý kiến của các bên liên quan được tiến hành theo quy trình hướng dẫn, phương pháp lấy ý kiến khoa học, tin cậy; sự phối hợp để cung cấp thông tin của các bên liên quan tích cực, hiệu quả. Cơ chế phản hồi được đánh giá, phân tích, tổng hợp, cải tiến định kỳ là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu xã hội

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Nhà trường và Khoa đều có bộ phận chuyên trách giám sát tỉ lệ thôi học/tốt nghiệp của NH thông qua đội ngũ cố vấn học tập, thư ký khoa. Các văn bản thực hiện và các công cụ giám sát NH được chú trọng. NH tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình NH trong quá trình đào tạo.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của

CTĐT

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Việc lấy ý kiến phản hồi của cựu SV, nhà tuyển dụng và các bên liên quan để góp ý cho CĐR của CTĐT ngành LKT vẫn chưa được thực hiện thường xuyên, số lượng lấy ý kiến chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT chưa được thực hiện đối sánh với các trường trong nước và ngoài nước. Đồng thời, việc lấy ý kiến các bên liên quan chưa được rộng rãi nên chưa đánh giá được hiệu quả sử dụng.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Cách thức đánh giá kết quả học phần của một số học phần chưa thể hiện rõ khả năng đạt được CĐR của CTĐT ngành LKT.

Quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH có ít ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng lao động và chuyên gia; Khoa còn chưa tham khảo nhiều chương trình của các trường Đại học trong nước, cũng như chưa thực hiện tham khảo chương trình của các trường ở quốc tế.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Các hoạt động học tập ngoại khóa, hướng dẫn học nhằm nâng cao kỹ năng cho NH còn chưa được thực hiện thường xuyên, hình thức chưa phong phú nên chưa thu hút được toàn bộ NH tham gia. Hoạt động thực hành pháp luật, hợp tác quốc tế chưa thực sự đa dạng. Tài liệu chuyên ngành LKT tại Thư viện còn chưa đa dạng, cần bổ sung để thúc đẩy khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Khoa chưa xây dựng ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần của CTĐT. Việc thực hiện đối sánh đề thi và CĐR của các học phần trong CTĐT còn hạn chế, chưa đầy đủ.

Việc công bố kết quả học tập cho NH ở một vài thời điểm, ở một vài học phần còn chậm so với quy định; còn một số NH chưa thực sự nắm vững các quy định về kiểm tra, đánh giá và tiếp nhận kết quả học tập.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Việc đánh giá năng lực ngoại ngữ, tin học của CB, GV vẫn còn hạn chế, chưa được tổ chức thường xuyên và khoa học. Năng lực NCKH của GV chưa đồng đều.

Số lượng GV tham gia NCKH và số lượng đề tài NCKH của GV còn hạn chế, chưa có đề tài cấp tỉnh trở lên và NH chưa tích cực tham gia NCKH.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Chưa có bộ tiêu chí, công cụ đánh giá các GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong

hoạt động đào tạo, hoạt động đoàn thể. Giờ làm việc của GV kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, hoạt động đoàn thể chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy mỗi kỳ. Số lượng hoạt động bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng mềm cho độ ngũ CB, GV và NV của Trường vẫn còn hạn chế. Chưa có chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các CB trong quá trình làm việc. Chưa triển khai khảo sát sự hài lòng của chuyên viên, NV về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng của Nhà trường.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Phần mềm quản lý đào tạo chưa có hệ thống báo động đỏ tự động khi đăng ký HP cho NH chưa đủ tín chỉ, điểm lịch lũy thấp hơn quy định nên việc nhắc nhở vẫn do CVHT và Khoa tư vấn. Việc thống kê về sự tiến bộ trong kết quả học tập và rèn luyện của NH chưa được thực hiện thường xuyên. Việc khảo sát cán bộ, GV và người lao động và NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Nhà trường chưa được thường xuyên.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Hệ thống trang thiết bị của trường đã lâu (Máy tính, máy in, bàn ghế,...đã cũ, hư hỏng) cũng ảnh hưởng đến việc dạy và học của GV và SV. Số kinh phí bổ sung thêm tài liệu, giáo trình hằng năm và số đầu sách, giáo trình tiếng nước ngoài phục vụ cho việc học tập, giảng dạy ngành LKT còn hạn chế. Chưa thực hiện liên kết với các thư viện điện tử ngoài Nhà trường. Hệ thống Internet chưa ổn định. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai chưa thật sự lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Trong công tác rà soát rà soát, đánh giá quy trình phát triển CTDH, việc khảo sát lấy ý kiến đóng góp về quy trình xây dựng, phát triển CTDH chưa được tổ chức rộng rãi, thiếu việc khảo sát NTD, chuyên gia và cựu NH để cải tiến quy trình xây dựng CTDH phù hợp với khả năng của SV, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Trong 5 năm gần đây, các đề tài NCKH của ngành chủ yếu là bài báo khoa học thiếu các đề tài NCKH cấp trường và các cấp cao hơn. Chưa có nhiều GV và NH của khoa tham gia NCKH.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Số lượng NH nhập học thấp, tỉ lệ NH thôi học cao gây ảnh hưởng đến chất lượng của CTĐT.

Việc khảo sát nhu cầu của thị trường và khảo sát việc làm của NH tốt nghiệp mới được chú trọng trong những năm gần đây; công tác tư vấn việc làm cho NH vẫn còn có điểm hạn chế.

Chưa tổ chức được các hội thảo chuyên đề thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục về tình hình việc làm của SV.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo			
Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan định kỳ theo quy định về mục tiêu của CTĐT. Thực hiện đối sánh mục tiêu của CTĐT LKT với các trường đại học trong và ngoài nước	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022-2023
	Từ năm học 2020 - 2021, song song với việc rà soát, hoàn thiện CĐR và tiếp tục phát huy các hình thức công khai CĐR đến các bên liên quan, Trung tâm khảo thí và đảm bảo chất lượng phối hợp với Khoa mở rộng khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CĐR của CTĐT. Đồng thời tập trung tiến hành đánh giá mức độ đạt được của CĐR với NH.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022
	Thực hiện các biện pháp giới thiệu CĐT của CTĐT đến nhiều cơ quan, doanh nghiệp, NTD để họ tham gia vào việc xây dựng CĐR của CTĐT.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2023
Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện mục tiêu của CTĐT ngành LKT bảo đảm phù hợp với sứ mạng tầm nhìn của Nhà trường.	Khoa KT-Luật	2023

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	Duy trì , liên tục việc rà soát, cập nhật CDR của CTĐT, đáp ứng được sự thay đổi thường xuyên của môi trường giáo dục.	Khoa KT-Luật	2022
	Tiếp tục rà soát, đổi mới CDR phù hợp với mục tiêu của CTĐT theo đúng quy định của bộ GD&ĐT và của Nhà trường, tiếp tục thực hiện truyền thông nội dung CĐT thông qua các kênh như website, các trang mạng xã hội, sinh hoạt đầu khóa,... và tiếp tục tiếp thu ý kiến đóng góp về CDR của các bên liên quan.	Khoa KT-Luật	2022
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo			
Khắc phục tồn tại	Thực hiện đối sánh bản mô tả CTĐT ngành LKT của Nhà trường với các trường trong nước và quốc tế. Thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan về bản mô tả CTĐT ngành LKT trên diện rộng	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022-2023
	Khoa tiếp tục rà soát, đánh giá một cách thường xuyên và mở rộng việc lấy ý kiến các bên liên quan về đề cương và nội dung các học phần trong CTĐT ngành LKT.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022
	Tổ chức các hoạt động để truyền thông quảng bá CTĐT cho các đối tượng ngoài Nhà trường hiểu rõ hơn về CTĐT. Số hóa CTĐT ngành LKT cung cấp cho NH thông qua tài khoản SV.	Khoa KTL và Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT	2022-2023

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật bản mô tả CTĐT theo đúng yêu cầu quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường, đặc biệt là cập nhật thường xuyên theo xu hướng đáp ứng nhu cầu của các NTD.	Khoa KT-Luật	2022
	Tiếp tục rà soát, cập nhật và đánh giá thường xuyên ĐCCT học phần đảm bảo sự phù hợp giữa CDR học phần với CDR của CTĐT.	Khoa KT-Luật	2022
	Tiếp tục công khai, quảng bá thông tin về CTĐT cho các bên liên quan trong và ngoài Trường, cũng như cung cấp thông tin ĐCCT các học phần cho NH bằng các hình thức như công bố trên website, trang fanpage của Khoa, Trường, các buổi sinh hoạt đầu khóa, cũng như vào buổi học đầu tiên của học phần.	Khoa KTL phối hợp với Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT và Trung tâm Tuyển sinh – Truyền thông	2022
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học			
Khắc phục tồn tại	Thực hiện lấy ý kiến chuyên gia về xây dựng CTDH.	Khoa KTL	2022
	Thực hiện lấy ý các bên liên quan về CTDH ngành LKT trên diện rộng.		
	Tổ chức sinh hoạt khoa học, tọa đàm nhằm rà soát cách thức đánh giá kết quả của các học phần nhằm thể hiện rõ ràng khả năng đạt được CDR của từng học phần trong CTDH.	Khoa KTL	2022
	Khoa có biện pháp thu hút nhiều NTD, chuyên gia tham gia góp ý điều	Khoa KTL	2023

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	chỉnh CTDH đáp ứng CĐR. Thực hiện đối sánh với các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước để CTĐT của Trường được hoàn thiện hơn.		
Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng CTDH đã được xây dựng. Tiếp tục sử dụng các ĐCCT trong các học phần thể hiện đã tính gắn kết giữa dạy-học và đánh giá, đồng thời được các bên liên quan đánh giá phù hợp với CĐR.	Khoa KTL	2022
	Tiếp tục cập nhật, xác định mục tiêu CĐR rõ ràng, cụ thể của từng học phần trên cơ sở CĐR của CTĐT.	Khoa KTL	2022
	Tiếp tục cập nhật, thiết kế CTDH đáp ứng được năng lực của NH và nhu cầu của xã hội. GV của Khoa tiếp tục nâng cao ý thức rà soát, điều chỉnh nội dung mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho NH trong việc đạt kết quả đầu ra.	Khoa KTL	2022
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học			
Khắc phục tồn tại	Tổ chức Hội thảo và quảng bá triết lý - mục tiêu giáo dục tới các đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài ngành LKT; Tổ chức các hoạt động để thực hiện triết lý giáo dục của Nhà trường.	MIT	2022

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	Xây dựng kế hoạch tổ chức hội thảo nâng cao, đổi mới phương pháp giảng dạy cho GV trong Khoa; Tổ chức cuộc thi Phiên tòa giả định cấp Khoa để tạo cơ hội cho sinh viên rèn luyện kỹ năng và chọn lựa được đội chơi xuất sắc tham gia cuộc thi Phiên tòa giả định cấp quốc gia; Hợp tác với một số cơ sở đào tạo (Đại học Kinh tế Luật - Đại học Quốc gia TP.HCM, Đại học Luật TP.HCM, Học viện Tư pháp...) về việc cho phép NH của Khoa được tham dự một số Hội thảo chuyên ngành do các cơ sở này tổ chức; Xây dựng kế hoạch học tập ngoại khóa, hướng dẫn học cho NH trong cả năm học. Trong đó chú trọng các hoạt động thực tập, thực tế cho SV	Khoa KTL	2022-2023
	Bổ sung nguồn học liệu chuyên ngành cho NH Luật, xây dựng thư viện điện tử, mua tài khoản của một số thư viện lớn (Thư viện Quốc gia, Thư viện Khoa học xã hội) để NH có thể truy cập khi cần tra cứu tài liệu; Tăng cường truyền thông về chính sách hỗ trợ NH làm NCKH để thu hút NH đăng ký tham gia.	MIT và Khoa KTL	2022
Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì thực hiện tốt các hình thức phổ biến, các hoạt động thực hiện mục tiêu, triết lý giáo dục của Nhà trường.	MIT	2022

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ NH. Đảm bảo các điều kiện CSVC, trang thiết bị phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học nhằm đáp ứng CDR của từng học phần và của CTĐT. Thường xuyên khảo sát ý kiến các bên liên quan về các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học để cải tiến cho phù hợp đảm bảo đạt CDR học phần, CTĐT.	MIT và Khoa KTL	2022
	Tiếp tục thực hiện tốt các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. GV tiếp tục sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.	Khoa KTL	2022
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học			
Khắc phục tồn tại	Xây dựng hoàn chỉnh mẫu chuẩn đề thi, quy trình đánh giá sự tham gia thẩm định của Tổ bộ môn, Hội đồng Khoa học đào tạo và xây dựng ngân hàng đề thi. Khảo sát mức độ hài lòng của NH đối với phương thức đánh giá kết quả học tập cũng như chất lượng đề thi. Cần thống nhất cách thức đánh giá kết quả của NH trong các học phần thuộc chương trình đào tạo.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	Hoàn thiện quy trình đánh giá kết quả học tập NH sát yêu cầu thực tế của xã hội, đảm bảo tính công bằng, khách quan cho NH và xã hội. Cần đôn đốc, nhắc nhở, phổ biến đến NH về quyền được phản hồi về kết quả đánh giá học tập để NH phản hồi kịp thời, nhằm đảm bảo quyền lợi NH.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022
	Triển khai các đợt khảo sát, xem xét việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá; Rút kinh nghiệm sau mỗi đợt khảo sát để nắm bắt nguyện vọng của NH nhằm cải tiến cách thức đánh giá NH.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022
	Thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng chậm công bố kết quả học tập chi SV. Từ năm học 2021-2022, hằng năm, Phòng KT-ĐBCL khảo sát NH về cải thiện kết quả học tập và gửi báo cáo về Ban Giám hiệu và Khoa để Khoa có thêm thông tin đề ra các giải pháp giúp NH cải thiện việc học tập.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022
	Cố vấn học tập, giáo vụ của khoa, CB Phòng KT-ĐBCL cần tích cực hơn nữa trong việc hỗ trợ, tư vấn cho NH cách thức phúc khảo bài thi. Vận động NH mạnh dạn hơn trong quá trình học để khoa có thêm cơ sở nâng cao hiệu quả công tác đánh giá NH. Đề ra chế tài cụ thể đối với CB vào điểm, đọc điểm và chấm thi để giảm	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	sai lệch kết quả.		
Phát huy điểm mạnh	Công tác kiểm tra đánh giá tiếp tục được thực hiện theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, tương thích với mục tiêu, CDR từng HP và CTĐT.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022
	Tiếp tục công khai tới NH các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH. Động viên, khích lệ GV thực hiện tốt nhiệm vụ.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022
	Tiếp tục công khai tới NH các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH; Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH, chú trọng đánh giá theo năng lực NH.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022
	Đảm bảo thông báo kết quả đánh giá học tập kịp thời và dễ tra cứu, tạo điều kiện thuận lợi cho NH nhanh chóng nắm bắt thông tin về kết quả học tập.	Khoa KTL và Phòng KT-ĐBCL	2022
	Tiếp tục rà soát các quy định về giải quyết các khiếu nại kết quả học tập	Phòng KT-ĐBCL	2022

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	của NH, giúp NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.		
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên			
Khắc phục tồn tại	Tổ chức tập huấn công bố bài báo quốc tế ít nhất 02 lần/năm.	Phòng ĐTĐH-NCKH-HTQT	Hằng năm
	Chú trọng năng lực NCKH quốc tế khi tuyển dụng GV	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hằng năm
	Phối hợp với một số trang tuyển dụng uy tín để đăng công khai tuyển dụng	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hằng năm
	Rà soát bổ sung tiêu chí đánh giá	Phòng Hành chính – Nhân sự	2022
	Hoàn thiện chính sách khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ.	Phòng Hành chính – Nhân sự	2022
	Từ năm 2022-2023, ý kiến phản hồi của NH là một nội dung trong đánh giá tiêu chí chất lượng giảng dạy của GV. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế tiếp nhận phản hồi của GV	Phòng Hành chính – Nhân sự	Từ năm học 2022-2023

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	Tăng cường các đề tài nghiên cứu có tính thực tiễn áp dụng cao. Tăng cường số bài báo đăng trên tạp chí quốc tế Tạo điều kiện thuận lợi và hoàn thiện chính sách thu hút GV tham gia NCKH NCKH.	GV của Khoa KTL Nhà trường	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác bồi dưỡng cán bộ, nâng cao chế độ chính sách và phúc lợi.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hằng năm
	Tiếp tục rà soát các quy định về tỉ lệ GV/SV và khối lượng công việc của GV đảm bảo đúng quy định; Tiếp tục phát huy việc giám sát công việc của GV.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hằng năm
	Tiếp tục rà soát các quy định về chính sách lương, phúc lợi để nâng cao đời sống của GV, giúp GV gắn bó với Trường.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hằng năm
	Tiếp tục rà soát các quy định về chính sách lương, phúc lợi để nâng cao đời sống của GV, giúp GV gắn bó với Trường.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hằng năm
	Tiếp tục khuyến khích, cử người lao động đi học tập nâng cao trình độ.	Ban giám hiệu	Hằng năm
	Tiếp tục hoàn thiện chính sách khen thưởng, nhất là thưởng NCKH.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hằng năm
	Tiếp tục rà soát các văn bản quy	Phòng	Hằng năm

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV và các chính sách thu hút GV tham gia NCKH.	Hành chính – Nhân sự	
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên			
Khắc phục tồn tại	Tiếp tục rà soát và cập nhật đề án vị trí việc làm cho phù hợp với nhu cầu thực tế của Nhà trường; Định kỳ lấy ý kiến về mức độ hài lòng của các bộ phận cán bộ, GV, chuyên viên, NV và SV.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hàng năm
	Thông báo tuyển dụng tại các website tuyển dụng trực tuyến có uy tín vietnamwork, tintuc24h,... và các trang fanpage của Trường được chuẩn hoá sang tiếng Anh.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Theo kế hoạch tuyển dụng
	Sớm hoàn chỉnh và sử dụng bộ tiêu chí đánh giá năng lực GV kiêm nhiệm định kỳ hàng năm; Có kế hoạch phân công, kiểm tra hợp lý giúp cho cán bộ kiêm nhiệm ổn định lịch làm việc.	Phòng Hành chính – Nhân sự	2022
	Định kỳ thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV Nhà trường. Tổ chức nhiều hoạt động bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng mềm cho đội ngũ CB, GV và NV của Trường.	Phòng Hành chính – Nhân sự	2022

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	Tiến hành khảo sát sự hài lòng của chuyên viên, NV về kết quả đánh giá, kết quả thi đua khen thưởng của Nhà trường định kỳ hàng năm. Nhà trường điều chỉnh tiêu chí đánh giá và tiến hành đánh giá khen thưởng dựa vào các tiêu chí chất lượng sản phẩm công việc, chất lượng quản lý phục vụ, chất lượng các công việc kiêm nhiệm, hỗ trợ chuyên môn đào tạo của chuyên viên.	Phòng Hành chính – Nhân sự	2022
Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ chuyên viên, nhân viên dựa trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng theo định kỳ hàng năm. Thực hiện kế hoạch tuyển dụng hằng năm theo đúng quy định.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hằng năm
	Tiếp tục làm tốt công tác tuyển dụng, bổ nhiệm dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hằng năm
	Duy trì và thực hiện tốt công tác đánh giá năng lực chuyên viên, VN hằng năm theo đúng quy định.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hằng năm
	Tạo điều kiện thời gian, lên kế hoạch cụ thể để chuyên viên, NV có thể tham gia các khoá tập huấn, học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ định kỳ hàng năm.	Phòng Hành chính – Nhân sự	Hằng năm
	Tiếp tục duy trì hệ thống quy định đánh giá năng lực thực hiện của NV.	Phòng Hành chính –	Hằng năm

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
		Nhân sự	
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học			
Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2021-2022, Trường sẽ thực hiện điều chỉnh, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành LKT; mỗi GV, NH của Khoa là một tuyên truyền viên cho ngành.	Trung tâm Tuyển sinh – truyền thông; Khoa KTL	2022
	Từ năm học 2021-2022, tiến hành thực hiện đối sánh điểm tuyển sinh đầu vào của CTĐT ngành LKT so với các ngành khác trong Nhà trường và các trường đại học khác, để xác định được chất lượng đầu vào của CTĐT và có những điều chỉnh phù hợp trong phương pháp và tiêu chí tuyển sinh Nhà trường.	Trung tâm Tuyển sinh – truyền thông; Khoa KTL.	Hàng năm
	Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Thực hiện thống kê về sự tiến bộ trong kết quả học tập và rèn luyện của NH theo từng học kỳ.	Phòng ĐTĐH–NCKH–HTQT; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng KT-ĐBCL; Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm SV.	Hàng năm
	Gặp gỡ, trao đổi, tìm hiểu để giúp đỡ NH mạnh dạn, tích cực trong việc tham gia các hoạt động hỗ trợ NH của Nhà trường.	Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm SV; Khoa KTL.	Hàng năm
	Định kỳ thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan về môi trường, cảnh quan và các điều kiện hỗ trợ học tập đúng kế hoạch. Không ngừng nâng cấp CSVC,	Phòng Quản lý CSVC-IT, Phòng KT-ĐBCL	Năm 2021-2022

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo đảm bảo vệ sinh, an toàn trong Nhà trường.		
Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện chính sách tuyển sinh của Trường theo đúng Quy chế của Bộ GD&ĐT, được xác định rõ ràng, công bố công khai trên các phương tiện thông tin của Nhà trường.	Trung tâm Tuyển sinh – truyền thông	Hàng năm
	Phương pháp, tiêu chí tuyển sinh của Nhà trường được xác định rõ ràng. Tiếp tục thực hiện đánh giá và rà soát phương pháp, tiêu chí tuyển sinh hằng năm đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.	Trung tâm Tuyển sinh – truyền thông; Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT.	Hàng năm
	Thường xuyên rà soát các quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.	Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT; Phòng KT-ĐBCL; Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm SV; Khoa KTL.	Hàng năm
	Tiếp tục nâng cao sự hài lòng của NH đối với các hoạt động hỗ trợ NH.	Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm SV; Khoa KTL; Đoàn Thanh niên; Hội SV.	Hàng năm
	Duy trì và phát triển đội ngũ bảo vệ, lao công, dân quân tự vệ và phòng cháy, chữa cháy của Nhà trường.	Các Phòng, Khoa, Trung tâm	Năm 2021-2022

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	Phát huy tỉ lệ hài lòng của NH đối với môi trường, cảnh quan và các điều kiện hỗ trợ học tập đạt mức trên 90%.		
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị			
Khắc phục tồn tại	Lập kế hoạch dự toán nâng cấp sửa chữa, nâng cấp hoặc mua sắm thay thế bổ sung các trang thiết bị mới. Rà soát, cải tiến lại hệ thống quản lý CSVC, trang thiết bị trong toàn trường.	Phòng Quản lý CSVC-IT, Phòng Tài chính Kế toán	Năm 2021-2022
	Khoa kết hợp với Thư viện đề xuất nhà trường tiếp tục đầu tư mua thêm giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ ngành LKT đáp ứng yêu cầu CTĐT. Thực hiện liên kết với các thư viện điện tử ngoài Nhà trường.	Phòng Quản lý CSVC-IT; Khoa LKT; Phòng Tài chính Kế toán	Năm 2022-2023
	Lập kế hoạch đầu tư mới trang thiết bị thay thế các thiết bị đã lạc hậu hoặc hết thời hạn khấu hao.	Phòng Quản lý CSVC-IT; Khoa LKT; Phòng Tài chính Kế toán	Năm 2022-2023
	Khoa làm việc với những GV nhằm thúc đẩy chủ động trong việc khai thác sử dụng CNTT trong giảng dạy và nghiên cứu. Tập trung đầu tư nâng cấp, hoạch định lại hệ thống server và tăng tốc độ đường truyền internet phục vụ cho công tác quản lý, đào tạo và NCKH.	Khoa LKT; Phòng Quản lý CSVC-IT; Phòng Tài chính Kế toán	Năm 2022

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	Lắp đặt hệ thống camera tại cổng trường, các nhà học. Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ người khuyết tật khi đến trường.	Phòng Quản lý CSVC-IT; Phòng Tài chính Kế toán	Năm 2022 - 2023
Phát huy điểm mạnh	Duy trì đảm bảo số lượng phòng làm việc và phòng học phục vụ cho dạy, học đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH.	Phòng Quản lý CSVC-IT	Năm 2021-2022
	Duy trì và nâng cấp Thư viện điện tử của Nhà trường.	Phòng Quản lý CSVC-IT	Hàng năm
	Duy trì và nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường đảm bảo đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của SV.	Phòng Quản lý CSVC-IT	Hàng năm
	Thường xuyên theo dõi việc vận hành và bảo trì hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm trong toàn trường	Phòng Quản lý CSVC-IT	Hàng năm
	Tiếp tục duy trì và thực hiện tốt nhiệm vụ của các đội ngũ lao công, cây xanh, dân quân tự vệ, đội Phòng cháy chữa cháy của nhà trường.	Phòng Quản lý CSVC-IT và Phòng Hành chính – Nhân sự	Hàng năm
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng			
Khắc phục tồn tại	Xây dựng và triển khai kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến thêm của đối tượng NTD về CTĐT.	Khoa KTL	Năm 2022 - 2023

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	Xây dựng và triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan gồm các CB, GV, chuyên gia ngành/ chuyên ngành, NTD, cựu NH và SV. Định kỳ ít nhất 2 năm/lần cập nhật quy trình phát triển CTĐT.	Khoa KTL, Phòng KT-ĐBCL; Phòng ĐTĐH–NCKH–HTQT	Năm 2022 - 2023
	Tổ chức tuyên truyền tới NH ý nghĩa của việc khảo sát, phổ biến quy trình điều chỉnh CĐR, CTĐT, nội dung và phương pháp giảng dạy dựa trên ý kiến phản hồi của NH để NH thấy được tầm quan trọng của việc khảo sát để tham dự với thái độ tích cực hơn.	Khoa KTL, Phòng KT-ĐBCL;	Năm 2022 - 2023
	Tổ chức thường xuyên các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các GV; chủ động xây dựng kế hoạch dự giờ giảng của các GV trong bộ môn để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.	Khoa KTL	
	Tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức về vai trò của NCKH trong Nhà trường. Có kế hoạch đăng ký đề tài NCKH dành cho GV và NH hằng năm.	Khoa KTL; Phòng ĐTĐH–NCKH–HTQT	Năm 2022 - 2023
	Trường đầu tư, mua mới, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đặc biệt là các khu sinh hoạt cộng đồng cho sinh viên, hệ thống hạ tầng CNTT, canteen, ký túc xá để đáp ứng nhu cầu phát triển rất nhanh về quy mô đào tạo của Trường, gia tăng phúc lợi cuộc sống cho sinh viên.	MIT; Phòng QLCSVC – CNTT&TV	Năm 2022 - 2023

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	Tuyên truyền, phổ biến ý nghĩa của việc khảo sát, công bố Quy trình điều chỉnh CDR, CTĐT dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan để NH và các nhà tuyển dụng hiểu được tầm quan trọng của công tác này để họ tham gia với thái độ tích cực hơn.	Khoa KTL; Phòng KT-ĐBCL; Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm SV	Năm 2021 - 2022
Phát huy điểm mạnh	Nâng cao hơn nữa chất lượng của các công cụ khảo sát để có thể thu thập ý kiến phản hồi một cách hiệu quả, tiết kiệm.	Khoa KTL, Phòng KT-ĐBCL; Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm SV	Năm 2021 - 2022
	Định kỳ rà soát, cập nhật quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT phù hợp với bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn chi tiết, cụ thể quy trình này cho các bên liên quan thực hiện.	Khoa KTL, Phòng ĐTĐH–NCKH–HTQT	Năm 2021 - 2022
	Tiếp tục duy trì việc rà soát và đánh giá thường xuyên việc dạy và học, đánh giá kết quả học tập của NH để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.	Khoa KTL, Phòng KT-ĐBCL, Phòng ĐTĐH–NCKH–HTQT	Năm 2021 - 2022
	Tiếp tục ứng dụng những kết quả của các đề tài NCKH để cải tiến hoạt động dạy và học. Động viên, khuyến khích các đề tài NCKH thuộc chuyên ngành LKT.	Khoa KTL	Năm 2021 - 2022
	Tiếp tục nâng cao chất lượng và độ tin cậy của hoạt động đánh giá khảo sát, nâng tính đại diện của mẫu khảo sát cũng như cải tiến dần thiết kế	MIT; Phòng QLCSVC – CNTT&TV;	Năm 2022 - 2023

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	phiếu hỏi,... Tiếp tục đầu tư duy trì, cải tiến và mở rộng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ đào tạo, cải thiện mức độ đáp ứng cũng như hài lòng về các dịch vụ này, từ đó nâng cao chất lượng CTĐT.	Khoa KTL	
	Tiếp tục hoàn thiện, cải tiến các quy định, quy trình về khảo sát ý kiến các bên liên quan	Khoa KTL; Phòng KT-ĐBCL; Các đơn vị trực thuộc MIT	Năm 2021 - 2022
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra			
Khắc phục tồn tại	Ban hành Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp; nhật ký tư vấn cho NH sau khi thôi học. Thực hiện đối sánh với với các trường đại học trong nước về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học và kế hoạch cải tiến trong các năm tiếp theo. Đưa vào kế hoạch đào tạo những phân tích, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp/thôi học, kết quả học tập và rèn luyện của NH.	MIT	2022
	Thực hiện đối sánh với với các trường đại học trong nước về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học và kế hoạch cải tiến trong các năm tiếp theo; Đẩy mạnh các biện pháp tuyển sinh, nâng cao số lượng NH nhập học.	Khoa KTL; Phòng ĐTDH–NCKH–HTQT	2022

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	- Thực hiện đối sánh tỉ lệ NH người tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong cả nước. - Tiếp tục nắm bắt yêu cầu và xu thế việc làm trong nước và quốc tế để liên tục đổi mới, cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy - Tổ chức Hội thảo thảo luận, phân tích nguyên nhân và đề xuất các biện pháp khắc phục về tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp.	Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm SV, Khoa	2022
	Động viên, khuyến khích NH làm NCKH. Liên kết với cơ sở giáo dục khác cùng ngành LKT trong hoạt động NCKH. Thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của sinh viên giữa các trường đại học trong nước và quốc tế.	Phòng ĐTĐH–NCKH–HTQT và Khoa KTL	2022
	Khoa phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến phản hồi các đơn vị sử dụng lao động. Thực hiện khảo sát người sử dụng lao động thường xuyên vào mỗi năm học nhằm kịp thời thay đổi CTĐT cho phù hợp với yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp tuyển dụng.	Các Phòng Ban chức năng; Khoa KTL	2022

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	Thực hiện đối sánh kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan với các trường đại học trong nước và quốc tế.		
Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường giám sát của bộ phận chuyên trách và các công cụ giám sát, cập nhật hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường	MIT	2022
	Tăng cường hoạt động tư vấn, hỗ trợ và giám sát NH, cập nhật tình hình tốt nghiệp của NH lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường.	Nhà trường	2022
	- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tư vấn việc làm cho NH. - Tăng cường tổ chức các hoạt động hướng nghiệp và đào tạo kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp cho SV.	Nhà trường	2022
	Tiếp tục giám sát theo dõi tiến độ thực hiện của đề tài, tổ chức đánh giá đề tài NCKH của NH rõ ràng chặt chẽ.	Nhà trường	2022
	Thường xuyên rà soát các quy định và bộ công cụ phục vụ cho việc khảo sát ý kiến các bên liên quan sao cho phù hợp với tình hình thực tế.	MIT	2022

4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Công nghệ Miền Đông**

Mã: DMD

Tên CTĐT: **Luật Kinh tế**

Mã CTĐT: 7380107

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,0	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 4.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>										
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>										
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
<i>Tiêu chuẩn 7</i>										
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								4,80	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								4,20	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								4,17	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11								4,2	5	100
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,30	50	100%

Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. PHẠM VĂN SONG

PHẦN IV. PHỤ LỤC**PHỤ LỤC 1****CƠ SỞ DỮ LIỆU****KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Công nghệ Miền Đông

Tiếng Anh: Mien Dong University of Technology

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: MIT

Tiếng Anh: MIT

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Trụ sở Chính, Quốc Lộ 1A, KP. Trần Hưng Đạo, TT. Dầu Giây, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (02513).772.668-772.669

7. E-mail: tuyensinh@mit.vn Website: mit.vn

8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 11/11/2013

9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2014

10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2018

11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☐

Bán công ☐

Dân lập ☐

Tư thực ☒

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện CTĐT

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Kinh tế - Luật

Tiếng Anh: Faculty of Economics - Law

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: LKT

Tiếng Anh:

14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Luật Kinh tế

15. Tên CTĐT

Tiếng Việt: Luật Kinh tế

Tiếng Anh: Faculty of Economics Law

16. Mã CTĐT: 7380107

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tòa nhà A1 – Tầng 1– Phòng Khoa Kinh tế và Quản lý, Quốc Lộ 1A, KP. Trần Hưng Đạo, TT. Dầu Giây, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai.

19. Số điện thoại liên hệ: 09376079038;

20. Email: khoaktl@mit.vn Website: mit.vn

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2018

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2015

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2019

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa quản lý đào tạo của ngành LKT trước đây là Khoa LKT được thành lập theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQT, ngày 11/06/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trường Đại học Công nghệ Miền Đông. Từ ngày 01/07/2021, Khoa LKT được sáp nhập vào Khoa Kinh tế và Quản lý theo Quyết định số 80/QĐ-ĐHCNMĐ của Hiệu trưởng Trường MIT. Đến tháng 12/2021 Khoa Kinh tế và Quản lý được đổi tên thành Khoa Kinh tế - Luật theo Quyết định số 103/QĐ-ĐHCNMĐ. Sứ mạng của ngành LKT là cung cấp nguồn nhân lực pháp luật và dịch vụ pháp lý chất lượng cao cho các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và toàn xã hội; tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật, trang bị kiến thức cơ bản về pháp luật, bồi dưỡng năng lực ứng phó với các vấn đề mà xã hội hiện đại đang phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa hiện nay; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Trong những năm qua, được sự hỗ trợ, động viên của Nhà trường và của Khoa, các CB, GV của Khoa đã không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn. Đội ngũ GV tham gia đào tạo ngành LKT có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm. Tính đến hết năm 2021 Khoa KTL có 02 CB, 10 GV, trong đó có 05 tiến sĩ (TS), 05 thạc sĩ phục vụ đào tạo ngành LKT.

Ngành LKT được đào tạo tại MIT từ năm 2015. Đến nay, ngành LKT đã có 02 khóa tốt nghiệp với 48 SV, trong đó có 08 NH tốt nghiệp đạt loại Giỏi (chiếm 16,67%), 27 NH tốt nghiệp đạt loại Khá (chiếm 56,25%) và 13 NH tốt nghiệp loại Trung bình (chiếm 27,08%). Hiện nay, số NH đang học ngành LKT tại Nhà trường là gần 60 SV. Tuy quy mô NH nhỏ nhưng với phương châm chất lượng giáo dục phải được đặt lên hàng đầu, trong thời gian qua tập thể CB, GV giảng dạy của Khoa luôn nghiên cứu, đổi mới các phương pháp dạy và xây dựng hệ thống các môn học đáp ứng được thực tiễn cuộc sống, nhờ đó chất lượng NH khá ổn định và từng bước được

nâng cao. Tỷ lệ NH tốt nghiệp đạt loại khá, giỏi cao. Các nhà sử dụng lao động luôn đánh giá cao về năng lực chuyên môn cũng như các kỹ năng mềm, thái độ, tác phong làm việc của NH Trường.

Bên cạnh hoạt động giảng dạy, hoạt động NCKH của Khoa được chú trọng và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Hàng năm, Khoa đã phối hợp với các cơ sở đào tạo Luật uy tín trong cả nước tổ chức các cuộc hội thảo và nhận được sự tham gia nhiệt tình của tất cả các GV trong Khoa cũng như NH của Khoa.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa đã xây dựng, định kỳ rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có ngành LKT phù hợp với từng giai đoạn, hướng tới sứ mạng và mục tiêu giáo dục của Nhà trường. Mục tiêu CTĐT ngành LKT được xác định rõ ràng, cụ thể, theo đó NH tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học ngành LKT có khả năng: áp dụng kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực kinh tế đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai cho NH. CĐR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan (các chuyên gia trong lĩnh vực LKT, NTD, GV, NH, cựu NH), được rà soát, điều chỉnh ít nhất 02 năm/lần và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT ngành LKT có đủ các nội dung, thông tin và được cập nhật, tích hợp những vấn đề mới nhất có liên quan ít nhất 2 năm/lần. 100% đề cương học phần trong CTĐT có đầy đủ nội dung cần thiết, bao gồm: thông tin GV, mô tả học phần, nội dung giảng dạy, hình thức tổ chức dạy học và hình thức kiểm tra đánh giá. Tất cả các đề cương học phần được định kỳ bổ sung, điều chỉnh, cập nhật, đặc biệt là cập nhật về nội dung học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cùng với tất cả đề cương các học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan, bao gồm: CB, GV, NH của Nhà trường, cựu NH, NTD đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần một cách dễ dàng và thuận tiện.

CTĐT ngành LKT hiện nay bao gồm 44 học phần, 131 tín chỉ chưa bao gồm học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục An ninh – Quốc phòng. Các học phần được thiết kế đa dạng theo hướng cung cấp kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành, đồng thời tăng cường rèn luyện khả năng tư duy, làm việc độc lập; có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.

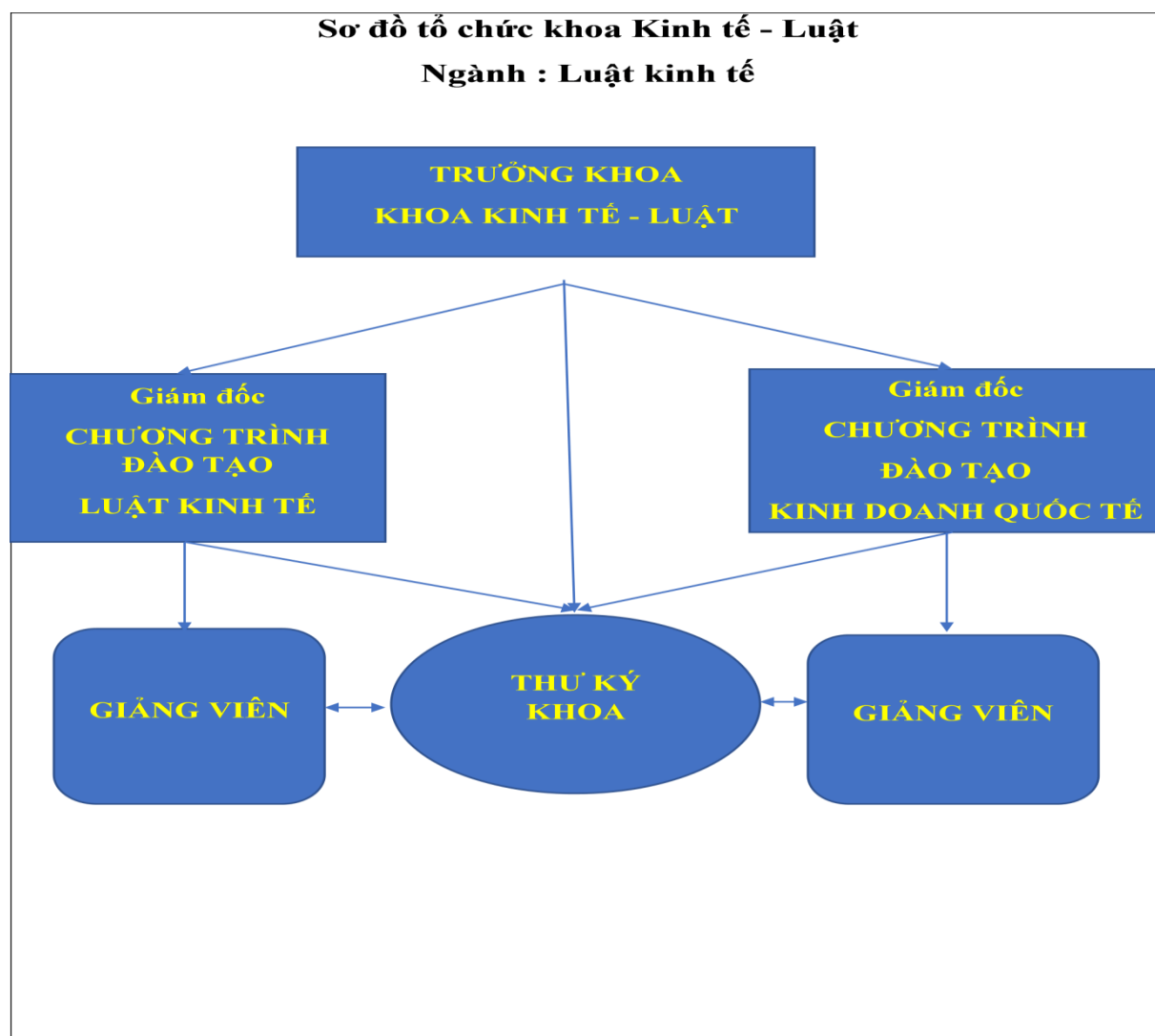
CTĐT được thiết kế đáp ứng CĐR ngành LKT; được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan. NH tốt nghiệp CTĐT ngành LKT có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về hành nghề trong lĩnh vực luật kinh tế; có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải

tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội, khi mà hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế là yêu cầu cấp thiết.

Khoa KTL có đội ngũ cán bộ CB, GV đảm bảo chất lượng, có cơ cấu hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Nhà trường đã xây dựng và thực hiện các chính sách hỗ trợ, động viên CB, GV của Khoa học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao. Đội ngũ GV tham gia đào tạo ngành LKT có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm phong phú trong công tác.

Thư viện, CSVN, trang thiết bị của Nhà trường ngày càng được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH của ngành LKT. Hệ thống phòng học, kí túc xá NH đã được xây dựng đúng quy định và đảm bảo chất lượng. Trang thiết bị của Trường đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của ngành LKT.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Chủ tịch hội đồng Trường	Thái Bá Cần		Phó giáo sư, Tiến Sĩ		
2	Thành viên	Hoàng Nguyễn Thu Thảo		Thạc sĩ		
3	Thành viên	Phạm Văn Song	1976	Phó giáo sư, Tiến Sĩ	0919128686	song.pv@mit.vn
4	Thành viên	Nguyễn Hữu Duy Nhật		Phó giáo sư, Tiến Sĩ		
5	Thành viên	Nguyễn Thị Hoài Phương		Phó giáo sư, Tiến Sĩ, Luật Sư		
6	Thành viên	Nguyễn Đình Chiến	1972	Tiến Sĩ	0903943117	chien.nd@mit.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					

1.	Giám đốc CTĐT ngành Luật kinh tế	Nguyễn Năng Quang	1973	Thạc sĩ	0912330833	quang.nc@mit.vn
2.	Thư kí khoa Kinh tế - Luật	Nguyễn Thiện Nguyên	1987	Cử nhân	0347034194	nguyen.tn@mit.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1.	Phó bí thư Chi bộ	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	1991	Thạc Sĩ	0377281050	huyen.ntn@mit.vn
2.	Bí thư Đoàn Trường	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	1991	Thạc Sĩ	0377281050	huyen.ntn@mit.vn
3.	Chủ tịch Công đoàn Trường	Trần Thị Kim Dung	1985	Thạc Sĩ		dung.ttk@mit.vn
4.	Chủ tịch Hội sinh viên Trường	Võ Hiền Vinh	1996	Dược sĩ	0901697051	vinh.vh@mit.vn
III. Các phòng, ban (xem lại)						
1.	Trưởng phòng P HC-NS	Nguyễn Xuân Tài	1992	Thạc sĩ	0931268978	tai.nx@mit.vn
2.	Trưởng phòng P ĐTĐH- NCKH&HTQT	Lê Thế Vinh	1976	Phó giáo sư, Tiến sĩ	0985554433	vinh.lt@mit.vn

3.	Trưởng Khoa Khoa học sức khỏe	Nguyễn Thị Thanh Hà	1963	Thầy thuốc Ưu tú, Bác sĩ Chuyên khoa 2	0916338828	ha.ttt@mit.vn
4.	Phó trưởng khoa Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế	Phạm Thành Trung	1976	Thạc sĩ	0933593089	trung.pt@mit.vn
5.	Trưởng phòng CSVC-IT	Trương Công Khoa	1954	Thạc sĩ	0937916868	khoa.tc@mit.vn
6.	Phó trưởng phòng P KT- ĐBCL	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	1991	Thạc Sĩ	0377281050	huyen.ntn@mit.vn
7.	Kế toán trưởng Phòng TC-KH	Trịnh Thị Ngọc Thủy	1991	Thạc sĩ	0907474322	thuy.ttn@mit.vn
8.	Giám đốc Trung Tâm TS-TT	Lý Quốc Huy	1985	Thạc sĩ	0888128281	huy.lq@mit.vn
9.	Giám đốc TT TN&VLSV	Trịnh Thị Thu Cúc	1982	Thạc sĩ	0797976888	cuc.ttt@mit.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

Số lượng ngành đào tạo đại học: 11

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☒
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Đại học chính quy.
Liên thông từ cao đẳng lên đại học, liên thông từ trung cấp lên đại học

29. Tổng số các ngành đào tạo: 11

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	0	0	0
I.1	Đội ngũ trong biên chế	0	0	0
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	09	01	10
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	09	01	10

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại giảng viên

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	05	0	05	0	0	0
5	Thạc sĩ	05	0	04	01	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	10	0	09	01	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 10 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 10/02

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	00	00	00	00	00	00	00
2	Phó Giáo sư	3,0	00	00	00	00	00	00	00
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	00	00	00	00	00	00	00
4	Tiến sĩ	2	05	00	05	00	00	00	10
5	Thạc sĩ	1	05	00	04	01	00	00	4.3
6	Đại học	0,3	00	00	00	00	00	00	00
	Tổng		10	0	09	01	00	0	14,3

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Na m	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0		0	0	0	0	0	0	0

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Na m	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
2	Phó Giáo sư	0		0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0		0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	05		05	0	0	0	3	1	1
5	Thạc sĩ	05		04	01	0	2	1	0	2
6	Đại học	0		0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	10		09	01	0	0	0	0	0

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 49.5 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 05/10

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 05/10

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0%	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	10%	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	10%	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	80%	0
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng NH của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm		Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
					THPT	HB		
2017-2018	7	5	0	0	14	18	16	0
2018-2019	25	21	0	20	14	18	16	0
2019-2020	12	10	0	7	14	18	16	0
2020-2021	20	17	0	15	14	18	16	0
2021-2022	50	42	0	23	14	18	16	0

36. Thống kê, phân loại số lượng NH theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	20	7	15	23

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác ...	0	0	0	0	0

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số NH	0%	0%	0%	0%	0%

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số NH có nhu cầu:

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	54 m ²	54 m ²	54 m ²	54 m ²	54 m ²
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	464 sv	494 sv	474 sv	479 sv	499sv

3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	384 sv	384 sv	384 sv	384 sv	384 sv
4. Tỷ số diện tích trên đầu NH ở trong ký túc xá (m ² /người)	54 m ² /8 người	54 m ² /8 người	54 m ² /8 người	54 m ² /8 người	54 m ² /8 người

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) NH của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

Các tiêu chí	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0%	0%	0%	0%	0%

40. Thống kê số lượng NH của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	0	0	47	1	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

Đơn vị: người

(Tính cả những NH đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Số lượng NH tốt nghiệp (người).	0	0	47	1	0
2. Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	0%	0%	87,1%	66,7	0
3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	0	0	0	0	0
3.1. Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0%	100%	100%	0%	0%
3.2. Tỷ lệ NH trả lời <i>chỉ học được một</i>	0%	10%	10%	0%	0%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
<i>phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ NH trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0%	0%	0%	0%	0%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	0	0	0	0	0
4.1. Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	0% 0%	78% 97%	80% 100%	0% 0%	100% 100%
4.2. Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0%	14%	14%	0%	0%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm.	0	Trên 5 triệu VNĐ	Trên 5 triệu VNĐ	0	Trên 6 triệu VNĐ
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	0%	80%	80%	0%	100%
5.2. Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	0%	10%	10%	0%	0%
5.3. Tỷ lệ NH phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0%	10%	10%	0%	0%

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là NH có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những NH chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là NH tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2022-2022	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0

2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		0	0	0	0	0	0

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 0

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0/10

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017	0	0	0
2	2018	0	0	0
3	2019	0	0	0
4	2020	0	0	0
5	2021	0	0	0

44. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số* *	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		0	0	0	0	0	0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,5/2

46. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách

trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	0

47. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2017	2018	2019	2020	2021	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	0	0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	1	0	0	2	3,0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	2	0	0	1,0
	Tổng		0	1	2	0	2	4,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 4,0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 04/10

48. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo		03	02
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0

49. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2017	2018	2019	2020	2021	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	0	0	
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	
	Tổng		0	0	0	0	0	

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 0

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

50. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	0	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2020-2021	0
2019-2020	0
2018-2019	0
2017.-2018	0
2015.-2017	0

52. Nghiên cứu khoa học của NH

52.1. Số lượng NH của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng NH tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số NH tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thông kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 100.000 m²

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 14.577,7 m²

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 1424 m² Nơi học: 2918 m² Nơi vui chơi giải trí: 2616 m²

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 2918 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 2918/60

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 351 đầu sách.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 186 máy

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 51 máy

- Dùng cho NH học tập: 135 máy

Tỷ số máy tính dùng cho NH/NH chính quy: 135 máy/60

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 10 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 10/2

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 50%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100%

2. Người học:

Tổng số NH chính quy (người) : 65 người

Tỷ số NH chính quy trên giảng viên: 65/10

Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 81,7%

3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 80%

Tỷ lệ NH trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 20%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 86%

Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%): 14%

Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm (triệu VNĐ): 5,4 triệu

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 80%

Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 20%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0/10

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0/10

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0/10

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,0/10

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,0/10

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho NH trên NH chính quy: 135 máy

Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 2918/60 m²

Tỷ số diện tích ký túc xá trên NH chính quy: 54/8 m²

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

PHỤ LỤC 2
KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH LUẬT KINH TẾ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THEO TIÊU CHUẨN CỦA
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kế hoạch số 13/KH-ĐHCNMĐ ngày 23 tháng 07 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Miền Đông về Ban hành Kế hoạch tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/KH-ĐHCNMD

Đồng Nai, ngày 23 tháng 7 năm 2021

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LUẬT KINH TẾ

I. Mục đích tự đánh giá

Xác định mức độ đáp ứng của CTĐT Luật Kinh tế so với bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Là cơ sở để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT, đồng thời là căn cứ để giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của CTĐT; cơ sở cho người học lựa chọn chương trình, nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Nhà trường trong việc thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá (TĐG) và đánh giá ngoài CTĐT.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT Luật Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 130/QĐ-ĐHCNMD ngày 19 tháng 07 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, Hội đồng gồm có 15 thành viên (Danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký: Giúp việc cho Hội đồng Tự đánh giá, chịu trách nhiệm chung về việc viết báo cáo sơ thảo và báo cáo cuối cùng.

b) Các nhóm công tác

STT	TIÊU CHUẨN	NHÓM PHỤ TRÁCH	NHIỆM VỤ
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (3 tiêu chí) Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng (6 tiêu chí)	Nhóm 1	- Thu thập thông tin và minh chứng - Lập bản danh mục minh chứng - Thu thập minh chứng bổ sung - Viết báo cáo tự đánh giá.
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo (3 tiêu chí) Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (3 tiêu chí)	Nhóm 2	
3	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học (3 tiêu chí) Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học (5 tiêu chí)	Nhóm 3	
4	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học (5 tiêu chí) Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra (5 tiêu chí)	Nhóm 4	
5	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (10 tiêu chí) Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên (3 tiêu chí)	Nhóm 5	
6	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị (5 tiêu chí)	Nhóm 6	
7	Viết phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục, kết nối, biên tập phần báo cáo và minh chứng	Nhóm 7	- Viết phần Mở đầu, Kết luận - Biên tập phần báo cáo và minh chứng - Hoàn thành việc kết nối nội dung và phụ lục Báo cáo tự đánh giá.



V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: Dự kiến cuối tháng 8/2021 (còn phụ thuộc vào lịch của Ban Đảm bảo chất lượng giáo dục của Tập đoàn Nguyễn Hoàng).

2. Thành phần: Tất cả cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Nâng cao năng lực tự đánh giá CTĐT; Phân tích yêu cầu của các nhóm tiêu chuẩn trong Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT đại học.

VI. Dự kiến các nguồn lực

1. Nhân lực

Nguồn nhân lực chính bao gồm tất cả thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. Tùy theo tình hình và yêu cầu thực tế khi triển khai công tác tự đánh giá, Hội đồng sẽ huy động thêm nhân sự từ các đơn vị (khoa, phòng,...), ngoài ra, còn có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể giảng viên, nhân viên Nhà trường.

2. Cơ sở vật chất và tài chính

Sử dụng cơ sở vật chất hiện có và có thể trang bị thêm các thiết bị cần thiết khi có yêu cầu phải cải thiện, nâng cấp để phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học hay các hoạt động khác hỗ trợ người học.

Các nội dung chi cơ bản cho công tác tự đánh giá như sau: tổ chức họp, tập huấn, thu thập thông tin minh chứng, văn phòng phẩm,... trên cơ sở kinh phí được cấp cho hoạt động đánh giá kiểm định.

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có (do các nhóm công tác chuyên trách đề xuất chi tiết).

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG

Trường có kế hoạch đề xuất sự hỗ trợ tư vấn từ Ban Đảm bảo chất lượng giáo dục của Tập đoàn Nguyễn Hoàng và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Vinh trong quá trình viết báo cáo tự đánh giá. Ngoài ra, các nhóm chuyên trách xác định những lĩnh vực cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê chuyên gia và có đề xuất chi tiết để Ban Giám hiệu xem xét và quyết định.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được.

Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Thời hạn hoàn thành: 14/10/2021

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT được thực hiện theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Từ 15/07/2021 đến 31/07/2021	- Hội đồng TĐG thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá; - Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; Ban thư ký và các Nhóm chuyên trách; - Lập kế hoạch tự đánh giá; - Chọn Trung tâm KĐCLGD để đăng ký kiểm định.
Từ 01/08/2021 đến 10/08/2021	- Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học (thông qua các khoa, phòng, ban...); - Đăng ký kiểm định với Trung tâm KĐCLGD đã chọn.
Từ 11/08/2021 đến 31/08/2021	- Nhà trường mời chuyên gia về tập huấn công tác tự đánh giá CTĐT cho toàn thể cán bộ, giảng viên;
Từ 01/09/2021 đến 14/10/2021	- Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng; - Hoàn thành danh mục minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.
Từ 15/10/2021 đến 31/10/2021	Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, các nhóm chuyên trách để đánh giá mức đạt được theo từng tiêu chí.
Từ 01/11/2021 đến 21/11/2021	- Các nhóm chuyên trách viết báo cáo TĐG theo nhóm/tiêu chuẩn; - Các nhóm chuyên trách xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Các nhóm chuyên trách thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần thiết); - Các nhóm chuyên trách báo cáo tiến độ 1 lần/tuần; - Tổng hợp, hoàn thành báo cáo TĐG (dự thảo lần 1).
Từ 22/11/2021 đến 30/11/2021	- Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách, các khoa, bộ môn, phòng, ban ... để góp ý, thảo luận, thống nhất về báo cáo TĐG lần 1; - Xin ý kiến chuyên gia và các bên liên quan về báo cáo TĐG lần 1.
Từ 01/12/2021 đến 31/12/2021	- Các nhóm chuyên trách thu thập ý kiến đóng góp và chỉnh sửa BCTĐG lần 2; - Xin ý kiến của chuyên gia, các bên liên quan về báo cáo TĐG lần 2; - Chỉnh sửa và họp Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo TĐG lần 2.

Thời gian	Các hoạt động
Từ 03/01/2022 đến 30/01/2022	Công bố báo cáo TĐG và gửi đến B7 phản biện.
Từ 01/02/2022 đến 30/03/2022	- Chính sửa theo yêu cầu (nếu có); - Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện (trong nội bộ Nhà trường); - Lưu trữ bản báo cáo TĐG.
Từ 01/04/2022 đến 30/04/2022	- Gửi các file báo cáo TĐG và Danh mục minh chứng về Cục Quản lý chất lượng xin được đánh giá ngoài; - Gửi Báo cáo hoàn chỉnh đến tổ chức kiểm định.
Từ 01/05/2022 đến 30/05/2022	Chuẩn bị công tác tiếp đoàn đánh giá ngoài.
Tháng 6/2022	Đón đoàn đánh giá ngoài.

Trên đây là kế hoạch tự đánh giá CTĐT Luật Kinh tế của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông. Đề nghị các đơn vị trực thuộc và các cá nhân được phân công phối hợp thực hiện nghiêm túc nội dung kế hoạch đã đề ra./.

Nơi nhận:

- Hội đồng Trường (để b/c);
- Ban ĐBCLGD NHG (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để c/đ);
- Hội đồng TĐG;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: KT-ĐBCL; HC-NS.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. PHẠM VAN SONG



PHỤ LỤC 3**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THEO TIÊU CHUẨN CỦA
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Quyết định số 130/KH-ĐHCNMD ngày 19 tháng 07 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Miền Đông về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông.

Quyết định số 56A/KH-ĐHCNMD ngày 14 tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Miền Đông về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm chuyên trách thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 130/QĐ-ĐHCNMĐ

Đồng Nai, ngày 19 tháng 07 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành
Luật Kinh tế trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11 tháng 11 năm 2013 về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Miền Đông;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-HĐT ngày 26 tháng 05 năm 2021 của Hội đồng Trường về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Giám đốc Chương trình đào tạo Luật Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá, ĐGN CTĐT của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà trưởng các đơn vị trực thuộc và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: HC-NS, P.KT-ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. PHẠM VAN SONG



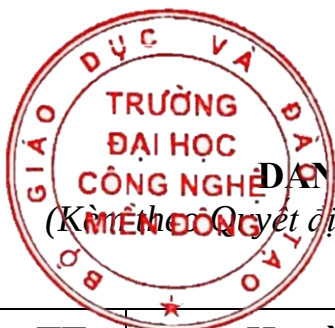


**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT KINH TẾ TRÌNH ĐỘ
ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG**
(Kèm theo Quyết định số 130/QĐ-ĐHCNMD ngày 19 tháng 07 năm 2021)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Phạm Văn Song	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Bà Vũ Thị Phương Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Nguyễn Xuân Tài	Giám đốc Chương trình đào tạo Luật Kinh tế	Phó Chủ tịch
4	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Phó Trưởng Phòng KT&ĐBCL	Thư ký
5	Bà Nguyễn Thị Hoài Phương	Thành viên Hội đồng trưởng	Thành viên
6	Ông Tô Minh Nhựt	Phó Trưởng Phòng ĐBCLGDDH - Ban ĐBCLGD	Thành viên
7	Ông Lê Thế Vinh	Trưởng Phòng ĐTĐH-NCKH&HTQT	Thành viên
8	Bà Phan Thị Kim Tuyền	Kế toán trưởng, kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán	Thành viên
9	Bà Phan Trần Uyên Phương	Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng Đào tạo	Thành viên
10	Ông Trương Công Khoa	Trưởng Phòng QLCSVC-CNTT&TV	Thành viên
11	Ông Nguyễn Năng Quang	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản lý	Thành viên
12	Bà Phạm Thị Ngọc	Thư ký CTĐT Luật Kinh tế	Thành viên
13	Ông Trần Hoàng Em	Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội sinh viên Trường	Thành viên

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
14	Bà Trần Thị Thanh Trâm	CV Phòng ĐTĐH-NCKH&HTQT, Bí thư LCD	Thành viên
15	Bà Cao Thị Xuân	Sinh viên lớp 18LK1101	Thành viên – Đại diện sinh viên

(Danh sách gồm có 15 người).



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
(Kèm theo Quyết định số 130/QĐ-ĐHCNMĐ ngày 19 tháng 07 năm 2021)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Phó Trưởng Phòng KT&ĐBCL	Trưởng Ban thư ký
2	Bà Phan Thị Kim Tuyến	Kế toán trưởng, kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán	Phó Trưởng Ban thư ký
3	Ông Nguyễn Xuân Tài	Giám đốc Chương trình đào tạo Luật Kinh tế	Thành viên
4	Bà Phan Trần Uyên Phương	Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng Đào tạo	Thành viên
5	Bà Phạm Thị Ngọc	Thư ký CTĐT Luật Kinh tế	Thành viên
6	Bà Thái Thanh Thanh Trâm	Phó Trưởng Phòng HC-NS	Thành viên
7	Bà Phan Thị Ngọc Hằng	CV Phòng HC-NS	Thành viên
8	Ông Trần Hoàng Em	Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội sinh viên Trường	Thành viên
9	Bà Võ Thị Lan Chi	CV Phòng KT-ĐBCL	Thành viên
10	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	CV Phòng KT-ĐBCL	Thành viên
11	Bà Trần Thị Thanh Trâm	CV Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT, Bí thư LCD	Thành viên

(Danh sách gồm có 11 người)

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**

(Kèm theo Quyết định số 130/QĐ-ĐHCNMD ngày 19 tháng 07 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông)

TT Nhóm và Tiêu chuẩn phụ trách	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (Phụ trách Tiêu chuẩn 1 và 10)	Ông Nguyễn Xuân Tài	Giám đốc Chương trình đào tạo Luật Kinh tế	Trưởng Nhóm
	Ông Lê Thế Vinh	Trưởng Phòng ĐTĐH- NCKH&HTQT	Phó trưởng nhóm
	Bà Phạm Thị Ngọc	Thư ký Khoa Kinh tế và Quản lý	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thanh Thư	CV Phòng ĐTĐH- NCKH&HTQT	Thành viên
Nhóm 2 (Phụ trách Tiêu chuẩn 2 và 3)	Ông Nguyễn Xuân Tài	Giám đốc Chương trình đào tạo Luật Kinh tế	Trưởng Nhóm
	Ông Trương Công Khoa	GV Khoa Kinh tế và Quản lý	Phó trưởng nhóm
	Ông Nguyễn Năng Quang	GV Khoa Kinh tế và Quản lý	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	CV Phòng KT-ĐBCL	Thành viên
	Bà Trần Thị Thanh Trâm	CV Phòng ĐTĐH- NCKH&HTQT	Thành viên
Nhóm 3 (Phụ trách Tiêu chuẩn	Ông Lê Thế Vinh	Trưởng Phòng ĐTĐH- NCKH&HTQT	Trưởng Nhóm
	Bà Phan Trần Uyên	Phó Trưởng Phòng	Phó trưởng

TT Nhóm và Tiêu chuẩn phụ trách	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
4 và 8)	Phương	ĐTĐH-NCKH&HTQT	nhóm
	Ông Phạm Khánh Toàn	CV Phòng ĐTĐH-NCKH&HTQT	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thanh Thư	CV Phòng ĐTĐH-NCKH&HTQT	Thành viên
Nhóm 4 (Phụ trách Tiêu chuẩn 5 và 11)	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Phó Trưởng Phòng KT-ĐBCL	Trưởng Nhóm
	Bà Võ Thị Lan Chi	CV Phòng KT-ĐBCL	Phó trưởng nhóm
	Bà Mai Thị Phương Anh	CV Phòng KT-ĐBCL	Thành viên
Nhóm 5 (Phụ trách Tiêu chuẩn 6 và 7)	Bà Thái Thanh Thanh Trâm	Phó Trưởng Phòng HC-NS	Trưởng Nhóm
	Bà Phan Thị Ngọc Hằng	CV Phòng HC-NS	Phó trưởng nhóm
	Bà Trần Thị Thạch Anh	CV Phòng HC-NS	Thành viên
	Bà Phan Trần Ngọc Diễm	CV Phòng HC-NS	Thành viên
Nhóm 6 (Phụ trách Tiêu chuẩn 9)	Ông Trương Công Khoa	Trưởng Phòng QLCSVC-CNTT và TV	Trưởng Nhóm
	Bà Trần Thị Quỳnh Trâm	Kế toán Tổng hợp	Phó trưởng nhóm
	Ông Trần Hoàng Em	Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội sinh viên Trường	Thành viên

TT Nhóm và Tiêu chuẩn phụ trách	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
	Bà Nguyễn Thị Thùy	CV Thư viện	Thành viên
	Ông Nguyễn Minh Chiến	CV Phòng QLCSVC-CNTT và TV	Thành viên
Nhóm viết phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục, Kết nối, biên tập phần báo cáo và minh chứng	Bà Phan Thị Kim Tuyến	Kế toán trưởng, kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán	Trưởng Nhóm
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Phó Trưởng Phòng KT-ĐBCL	Phó trưởng nhóm
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	CV Phòng KT-ĐBCL	Thành viên

(Danh sách gồm có 24 người).

Ghi chú nội dung 11 Tiêu chuẩn:

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (10 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng (6 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra (5 tiêu chí)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56A/QĐ-ĐHCNMĐ

Đồng Nai, ngày 14 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm chuyên trách thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11 tháng 11 năm 2013 về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Miền Đông;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-HDT ngày 26 tháng 05 năm 2021 của Hội đồng Trường về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng và Giám đốc Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Kiện toàn thành viên Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm chuyên trách thực hiện công tác Tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông (lần 1) gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.
- Điều 2.** Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm chuyên trách có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ đại học của Nhà trường theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá, ĐGN CTĐT của Cục Quản lý chất lượng.
- Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 130/QĐ-ĐHCNMĐ ngày 19 tháng 07 năm 2021.



Điều 4. Các ông/bà trưởng các đơn vị trực thuộc và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: HC-NS, KT-ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. PHẠM VĂN SONG





**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT KINH TẾ TRÌNH ĐỘ
ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG**
(Kèm theo Quyết định số 56A/QĐ-ĐHCNMD ngày 14 tháng 4 năm 2022)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Phạm Văn Song	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Bà Vũ Thị Phương Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Nguyễn Năng Quang	Giám đốc Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế	Phó Chủ tịch
4	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Phó Trưởng Phòng KT- ĐBCL	Thư ký
5	Bà Nguyễn Thị Hoài Phương	Thành viên Hội đồng trưởng	Thành viên
6	Ông Lê Thế Vinh	Trưởng Phòng ĐTĐH-NCKH&HTQT	Thành viên
7	Bà Trịnh Thị Thu Cúc	Giám đốc Trung tâm Trải nghiệm & Việc làm sinh viên	Thành viên
8	Bà Phan Trần Uyên Phương	Phó Trưởng Phòng ĐTĐH-NCKH&HTQT	Thành viên
9	Ông Trương Công Khoa	Trưởng Phòng QLCSVC-CNTT&TV	Thành viên
10	Bà Trịnh Thị Ngọc Thủy	Trưởng Phòng Tài chính Kế toán	Thành viên
11	Bà Cao Thị Xuân	Sinh viên lớp 18LK1101	Thành viên – Đại diện sinh viên

(Danh sách gồm có 11 người).



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 56A/QĐ-ĐHCNMD ngày 14 tháng 4 năm 2022)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Phó Trưởng Phòng KT-ĐBCL	Trưởng Ban thư ký
2	Ông Nguyễn Năng Quang	Giám đốc Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế	Phó Trưởng Ban thư ký
3	Bà Phan Trần Uyên Phương	Phó Trưởng Phòng ĐTĐH-NCKH&HTQT	Thành viên
4	Bà Thái Thanh Thanh Trâm	Phó Trưởng Phòng HC-NS	Thành viên
5	Bà Phan Thị Ngọc Hằng	CV Phòng HC-NS	Thành viên
6	Bà Võ Thị Lan Chi	CV Phòng KT-ĐBCL	Thành viên
7	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	CV Phòng KT-ĐBCL	Thành viên

(Danh sách gồm có 7 người)

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**

(Kèm theo Quyết định số 56A/QĐ-ĐHCNMD ngày 14 tháng 4 năm 2022)

TT Nhóm và Tiêu chuẩn phụ trách	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (Phụ trách Tiêu chuẩn 1 và 10)	Ông Nguyễn Năng Quang	Giám đốc Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế	Trưởng Nhóm
	Ông Lê Thế Vinh	Trưởng Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT	Phó trưởng nhóm
	Ông Nguyễn Thiện Nguyên	Thư ký Khoa Kinh tế - Luật	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thanh Thư	CV Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT	Thành viên
Nhóm 2 (Phụ trách Tiêu chuẩn 2 và 3)	Ông Nguyễn Năng Quang	Giám đốc Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế	Trưởng Nhóm
	Ông Trương Công Khoa	GV Khoa Kinh tế và Quản lý	Phó trưởng nhóm
	Ông Nguyễn Thiện Nguyên	Thư ký Khoa Kinh tế - Luật	Thành viên
Nhóm 3 (Phụ trách Tiêu chuẩn 4 và 8)	Bà Phan Trần Uyên Phương	Phó Trưởng Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT	Trưởng Nhóm
	Bà Trịnh Thị Thu Cúc	Giám đốc Trung tâm TN&VLSV	Phó trưởng nhóm
	Ông Hồ Anh Tuấn	CV Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thanh Thư	CV Phòng ĐTDH-NCKH&HTQT	Thành viên

TT Nhóm và Tiêu chuẩn phụ trách	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 4 (Phụ trách Tiêu chuẩn 5 và 11)	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Phó Trưởng Phòng KT-ĐBCL	Trưởng Nhóm
	Bà Võ Thị Lan Chi	CV Phòng KT-ĐBCL	Phó trưởng nhóm
	Bà Mai Thị Phương Anh	CV Phòng KT-ĐBCL	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	CV Phòng KT-ĐBCL	Thành viên
Nhóm 5 (Phụ trách Tiêu chuẩn 6 và 7)	Bà Thái Thanh Thanh Trâm	Phó Trưởng Phòng HC- NS	Trưởng Nhóm
	Bà Phan Thị Ngọc Hằng	CV Phòng HC-NS	Phó trưởng nhóm
	Bà Trần Thị Thạch Anh	CV Phòng HC-NS	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	CV Phòng HC-NS	Thành viên
Nhóm 6 (Phụ trách Tiêu chuẩn 9)	Ông Trương Công Khoa	Trưởng Phòng QLCSVC-CNTT và TV	Trưởng Nhóm
	Bà Lê Thị Thúy Hương	CV Phòng TC-KH	Phó trưởng nhóm
	Bà Nguyễn Thị Thùy	CV Phòng QLCSVC-CNTT và TV	Thành viên
	Ông Nguyễn Minh Chiến	CV Phòng QLCSVC-CNTT và TV	Thành viên

TT Nhóm và Tiêu chuẩn phụ trách	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm viết phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục, Kết nối, biên tập phần báo cáo và minh chứng	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Phó Trưởng Phòng KT-ĐBCL	Trưởng Nhóm
	Bà Võ Thị Lan Chi	CV Phòng KT-ĐBCL	Phó trưởng nhóm
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	CV Phòng KT-ĐBCL	Thành viên

(Danh sách gồm có 19 người).

Ghi chú nội dung 11 Tiêu chuẩn:

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (10 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng (6 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra (5 tiêu chí)